

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường



VƯỢT BƯỚC!

thuốc đánh răng

Perlón

ngày càng lên cao!



CORNELL UNIVERSITY

OCT 15 1965

LIBRARY
Perlón
được liệt vào

hàng tinh vi nhất để
giữ gìn miệng và răng
trong giới công kỹ nghệ

Perlón

đã gây tín nhiệm
và luôn luôn đứng
đầu số sản xuất.

VIETNAM EXPRESS

Ấn loát OFFSET TRUNG

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

*Wasson
AP95
V6757*

156
1-9-1965

Ngôi mộ TRỌNG-TÁU
Ba thằng họ Vũ LÊ TRĂNG KIỀU

● Một vụ mưu sát De Gaulle . . . NGỌC-QUANG

* Nhà khoa học ALFRED NOBEL VÕ-QUANG-YẾN
Bút ký của một người (truyện) THANH-VIỆT-THANH
Bình nguyên Quân THIẾU-SƠN

* Ký sự tiên tuyến : BA-LÒNG . . . NGUYỄN-VỸ

* Tại sao Đại Mã Lai tan vỡ ? . . . QUANG-MINH
Niềm bí ái của Hà (truyện) . . . HOÀNG-THẮNG

● Mình ơi ! Quảng cáo đời xưa
và quảng cáo đời nay ? . . . DIỆU-HUYỀN
Cái chết của Yamamoto LƯU-BẰNG
Thị hào Cao-bá-Quát THÁI-BẠCH

* Thơ : HOÀNG-NGỌC-LIÊN, BÙI BẢO TRÚC,
MẠC-TƯỜNG, TRẦN-TUẤN-KIỆT, NGỌC-
HUYỀN-PHƯƠNG.—

TRUYỆN DÀI :

● LỬA TÌNH của TRẦN-TUẤN-KIỆT
(xem mục lục đầy đủ ở trang 4-5)

GIÁ : 10\$00

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

**của mọi người và
trong mọi gia - đình**



HƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH. SỐNG LÂU. YÊU ĐỜI

PHỒ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ BIÊN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 211, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 20.943



NĂM THỨ VII ★ số 156 ★ 1-9-1965

1.— Mưu sát De Gaulle	Ngọc-Quang	6	—	9
2.— Nhà khoa học Alfred Nobel	Võ-quang-Yến	10	—	16
3.— Tại sao Đại Mã Lai tan vỡ ?	Quang-Minh	17	—	23
4.— Nhạc khánh đền xưa (thơ)	Hoàng-ngọc-Liên			24
5.— Bút ký của một người	Thanh-việt-Thanh	25	—	33
6.— Ước muốn của tháng 7 (thơ)	Bùi-bảo-Trúc			34
7.— Cái chết của Yamamoto	Lưu-Bằng	35	—	42
8.— Nay buồn (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt			43
9.— Niềm bi ai của Hà (truyện ngắn)	Hoàng-Thắng	44	—	52
10.— Thi hào Cao-bá-Quát (văn học)	Thái-Bạch	53	—	61
11.— Đời sống (thơ)	Mặc-Tướng			62
12.— Ngôi mộ (truyện dịch)	Trọng-Tấu	63	—	69
13.— Ba thằng họ Vũ (bút ký)	Lê-tràng-Kiều	70	—	75

14.— Ký sự tiền tuyến : Ba - Lòng	Nguyễn-Vỹ		—	80
15.— Người chiến quốc : Bình-nguyên-Quán	Thiếu Sơn	81	—	87
16.— Hiện tại (thơ)	Ngọc-huyền-Phương			88
17.— Âm ảnh (truyện ngắn)	Hữu-Châu	89	—	95
18.— Tuổi chàng trai	Nguyễn-Vỹ	91	—	99
19.— Minh ơi ! Quảng cáo đời xưa	Diệu-Huyền	100	—	105
20.— Nạn nhân mãi	Nguyễn-Quang	106	—	113
21.— Lửa tình (truyện dài)	Trần-tuấn-Kiệt	114	—	130



- ★ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ✱ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ✱ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ✱ Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

● Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Sài-gon

● Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu

● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique

● Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vente— abonnements — Publicité)

một cuộc mưu sát

DE GAULLE

rất tài tình

nhưng bị phá vỡ...

* Ngọc-Quang

- Một con người bị mưu sát nhiều nhất trên thế - giới qua 14 lần chết hụt...

T

RONG khi Tổng Thống De Gaulle vẫn giữ thái độ ương ngạnh với đồng minh Anh-Mỹ về vấn đề Đông Nam Á, thứ nhất, vấn đề Việt Nam và việc nhìn nhận Bắc - kinh cũng như vấn đề Thị-trường Chung Âu-châu và việc đòi tìm soát tiến tề quốc tế,

tướng cần nói qua việc mưu toan ám sát « con người hùng này ».

Đã có mười bốn cuộc mưu sát Tướng De Gaulle rất táo bạo gan dạ, chút nữa, thành công, mà Cảnh sát Công an Quốc - gia Pháp đã khổ công tìm thủ phạm.

Vào khoảng 20 g, 10 đêm 22.8-1962, tại một đoạn đầu đường, sau khi ngưng chiếc

MỘT VỤ MƯU SÁT

xe hơi hiệu Renault màu vàng, lên núp cách xa chừng 20 thước, hai kẻ lạ mặt đã khai hỏa bằng hai cây súng máy vào chiếc xe của Tướng De Gaulle đang chạy nhanh về phi trường Villacoublay.

Đại-tá Boissieu, vệ quan của De Gaulle kinh ngạc kêu to :

— Nép mình xuống; Tổng Thông ơi !

Nhưng, Tổng Thông Pháp-quốc đang ngồi ghề sau với phu nhân, vẫn thản nhiên, chồm lên vặn hỏi, tại sao ba thám tử vệ binh theo sau đều lại không kịp thời chông trả bắn lại ?

Cách xa trăm thước, tại một góc đường nhỏ hẹp mắt hút về hướng trái, một chiếc công xa màu xanh đã ngưng lại.

Trong khi chiếc công xa chạy vùn vụt trên quãng đường này, hai tên khủng bố khác lại nhắm nỏ một loạt đạn liên thanh, làm cho các cửa kiềng xe hơi đều bẻ nát, miếng rơi tung tóe và những viên đạn đều rơi rớt vào khoang xe, làm hai bánh xe đằng sau cũng nổ bánh ngay.

May mắn thay, những viên đạn rớt xuống cách đầu Tổng thông chỉ vài tấc tây và, trong lúc lâm nguy này, Tổng thông phu nhân lại lanh trí cúi thấp chiếc đầu tóc óng ánh xuống gần sàn xe và trong lúc ấy, viên tài xế công xa lanh trí lại nhân mạnh ga cho xe thoát khỏi nguy, chạy về Petit-Clamart.

Trong khi chiếc xe của vị Quốc Trưởng đang bỏ sát trên mặt đường bởi hai bánh sau bị bẻ lõp, những tên ám sát vẫn đang cố bám theo sau tiếp tục khạc đạn.

Nhưng, có lẽ, sau khi hết đạn, kiếm được lợi thế, bọn chúng đã tách khỏi đoạn đường này, rồi biến mất.

Tinh thần bình tĩnh của tướng De Gaulle

Sau khi tai qua nạn khỏi, vài phút sau, chiếc công xa ngưng lại phi trường Villacoublay, Tổng Thống De Gaulle mở cửa, bước chân xuống xe, đứng lẽ ra, ông phải sớm lên phi-cơ, để chủ tọa Đại hội Thánh Thể tại Colombey les deux Eglises, cách xa chừng 238 cây số dài.

MỘT VỤ MƯU SÁT

Tổng Thống De Gaulle đưa tay gỡ những mảnh kiềng bê đang còn gắn trong kẹt cửa xe và phủi những mảnh kiềng vụn trên hai vai, rồi hùng dũng bảo :

— Như thế, những tên sát nhân nầy đều chưa phải là những tay thiện xạ !

Thật vậy, không phải lần đầu tiên, Charles De Gaulle, nhân vật đáng kính yêu nhất của quốc dân đồng bào Pháp và cũng là người đáng ghét nhất của các chánh-trị gia Tây Âu đều vui lòng trong dịp ông bị mưu sát.

Từ năm 1960 đến nay, có thể nói mạng sống của Tướng De Gaulle đã tám lần nằm trong tay bọn khủng bố O.A.S đang chông lại để nghị của Tổng Thống chấp thuận trao trả chủ quyền Algérie.

Những người khủng bố, chông việc cho Algérie độc lập đều toan giết chết Tướng De Gaulle chẳng phải để trừng trị tội trạng này, mà còn muốn cướp chánh quyền quốc gia Pháp, sau khi chương trình táo bạo nầy thành công.

Tuy nhiên, lần nầy, sau các

lần mưu sát khác, chút nữa đã thành công và, 30 phút đồng hồ, sau khi xảy ra cuộc mưu sát, chánh quyền địa phương đã tập trung những nhân chứng và có nhiều nhiếp ảnh phóng viên, ký giả báo chí đều có mặt tại chỗ. Chiếc xe Citroën của Tướng De Gaulle đã bị 6 phát súng làm hư hỏng và chiếc xe hộ tống bị 4 viên đạn. Một viên đạn làm rách chiếc nón của một vệ quân đã đốc xúc bảo vệ công xa đang có tướng De Gaulle và phu nhân đều ngồi trong.

Vệ quân nầy, may mắn, vô hại, nhưng một viên đạn khác, từ ngoài bay vào, đâm thủng « bôc бага » của người bạn anh ta.

Ngoài ra, những loạt đạn súng liên thanh của quân khủng bố đã đâm thủng, làm hư hại chiếc máy vô tuyến truyền hình và phá vỡ một tủ quần bên đường.

Cuộc điều tra thủ phạm đã được cấp tốc giao phó công tác cho Cảnh sát trưởng Maurice Bouvier, là nhân vật đã 40 năm làm giám đốc cơ sở mật vụ.

Ông nầy rất trầm lặng, với

MỘT VỤ MƯU SÁT

váng trán rộng, chẳng những tương trưng cho sự thám hiểm tài tình về những vụ ám sát, mà còn là một tay gián điệp truy tầm manh mối đại tài của nước Pháp.

Để tiếp tục bảo vệ lộ trình của tướng De Gaulle, ông Maurice Bouvier đã cho nhân viên mật vụ đi dò đường trước, vì từ nửa đoạn đường nầy, lẽ tất nhiên, phải mất hết nửa tiếng đồng hồ mới tới Villacoublay.

Nhắc lại, sau khi rời khỏi điện Elysée được vài phút trước 20 giờ, chiếc xe chở Tướng De Gaulle và Phu nhân đã cẩn thận để phòng có xe hộ tống và hai nhân viên cảnh sát chạy xe máy dầu đi trước.

Tổng Thống De Gaulle và phu nhân cùng đoàn tùy tùng đã đầy đủ có mặt trên các công xa khi tài xế trưởng đã cho người dò đường xong.

Tuy nhiên, vì bí mật bảo vệ nhân mạng vị Quốc Trưởng, lộ trình của Tổng Thống, luôn luôn, hay thay đổi vào giờ chót, để đánh lạc hướng những tay khủng bố theo dõi.

Mặc dầu lộ trình đã hết

sức giữ mật, thế mà có một số Pháp gian, chụp được, đã đánh điện cho đồng bọn, để chuẩn bị mưu sát vị Quốc Trưởng, mới tài tình !

Năm chục phút sau khi vụ mưu sát này xảy ra, những thám tử của Maurice Bouvier đã tìm ra được chiếc xe màu vàng chở quân khủng bố bỏ lại góc đường cùng nói trên.

Trên chiếc xe nầy, các thám tử quốc gia đã thu được nhiều khẩu súng liên thanh, những băng đạn, những lựu đạn và một hộp đựng chất plastic có giấy điện canh đồng hồ.

Truy cứu ra nhờ số hiệu các vũ khí nầy mới biết những súng ông đều xuất phát tại một hãng xe hơi Joigny ở hạt Yvonne, cách xa Balê chừng 147 cây số về hướng Đông nam.

Cơ xưởng xe hơi nầy do Jean François Murat làm quản đốc.

— Cơ hồ như một phim trường xinh đẹp chứ đâu phải hãng xe hơi, người vợ của tên quản đốc khai như thế.

(còn tiếp)

THÂN THỂ
VÀ SỰ NGHIỆP
NHÀ KHOA HỌC

ALFRED
NOBEL

★ Võ-Quang-Yên
(Paris)

HẰNG năm, đến độ thu đông, các giới khoa học, văn chương, cho đến cả chính trị khắp hoàn cầu xao xuyên một lúc với năm giải thưởng Nobel do viện Hàn lâm Thụy-điền chọn lựa.

Năm giải ấy là :

- hòa bình.
- văn chương
- hóa học
- vật lý học

— sinh lý và y học.

Không nói tới số tiền 200.000 cu-ron dành cho mỗi giải, các vị anh hùng trong năm còn được hân hoan tiếp rước ở triều Thụy-điền và sau đây tên tuổi sẽ thành

ALFRED NOBEL

bất diệt với thời gian.

Người đặt ra giải Nobel là nhà khoa học Alfred Nobel (1833 — 1896). Sinh ở Stockholm ngày 21-10-1833, Alfred là con thứ ba ông Emmanuel Nobel (1801 — 1872). Hai người anh lớn của Alfred đều là những người hoạt động ; Robert (1829 — 1896) hăng chăm nom về việc khai khẩn dầu hỏa, ở Bakou còn Louis (1831 — 1888) là chủ tịch hãng Nobel Brothers Company. Ông thân sinh Emmanuel cũng là người biết tháo vát giỏi ; năm 14 tuổi đã bắt đầu làm bồi trên một chiếc tàu Thụy-điền; ba năm sau đổi nghề qua làm với một kiến trúc sư, rồi với một nhà máy cơ khí; đến năm 24 tuổi lập nghiệp riêng, cưới vợ, có con nhưng không đầy 10 năm bị lỗ vốn, phá nghiệp. Bỏ vợ con ở lại Thụy-điền, ông Emmanuel qua Nga kiếm cách sinh sống khác. Hồi ấy nước Nga có Hoàng đế Nicolas đệ nhất (1825—1855) trị vì, kinh đô đang buổi thịnh vượng đóng ở Saint-Pétersbourg. Ông Emmanuel cho xây một nhà máy cơ khí cạnh kinh đô. Công việc làm ăn phát đạt mau chóng, không mấy chốc ông đã trả được tất cả nợ nần ở Thụy-điền và đem vợ

con qua Nga. Một năm sau, 1843, Alfred có thêm được một em : Oscar (1843—1864).

Những năm 1854—1855 là thời kỳ các xưởng máy ở Saint-Pétersbourg được thịnh vượng nhất. Đây là lúc Anh và Pháp đồng minh khiêu chiến với Nga. Các xưởng Nobel phải làm cho quân đội. Hơn 1.000 công nhân trong xưởng chỉ chuyên lo về chế tạo bom và thủy lôi với bông thuốc súng (fulmicoton, coton poudre). Lúc bấy giờ, bông thuốc súng mới tìm ra được. Người ta chỉ lấy bông chải dạ (coton cardé) nhúng vào một hỗn hợp axit nitric và axit sulfuric thì tạo ra được nitroxellulôt. Nay ta biết cho trộn chất este nitric mà lúc xưa gọi lầm là nitroxellulôt — với chất đạm thì làm được thuốc nổ keo (poudre colloïdale) còn gọi là thuốc nổ xellulôt.

Công cuộc khảo tầm đề đi đến chất nổ bắt đầu từ 15 năm về trước. Thật vậy, năm 1831, Bickford đã chế ra được một cái tim bảo chứng (mèche de sûreté) còn gọi là ngòi Bickford, cháy thong thả, chỉ một thước mỗi phút rưỡi. Năm 1832, Braconnot bắt đầu kết nitro (nitrer) tinh bột (amidon) ; hai năm sau, Mitscherlich

kết nitơ chất benzin. Ở Collège de France ở Paris, giáo sư Pelouze khảo cứu cách kết nitơ các chất bông từ 1838. Nhưng mãi đến năm 1846 mới có Schoenbein ở Bazel (Thụy-sĩ) cho kỹ nghệ hóa phương pháp chế tạo nitroxel-lulôt. Một năm sau, một môn đệ của Pelouze, Ascano Sobrero, lại tìm ra được chất nitroglyxêrin là một chất nổ rất mạnh..

Ông Emmanuel Nobel vì không có dịp học cao nên trong công cuộc xây dựng kỹ nghệ của ông đã gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, ông không nề hà thuê thầy dạy các con học, và khi đã giàu có, cho các con mặc sức theo dõi học hành. Alfred tuy gầy nhưng rất thông minh và chăm học. Ngoài ngành hóa học, ông còn học thêm không biết bao là ngoại ngữ. Ông nói thạo các tiếng Đức, Pháp, Anh, không kể tiếng Thụy - điển là tiếng mẹ đẻ, và sau này nói tiếng Nga cũng dễ dàng. Ông lại giso du nhiều, qua Đức, Pháp, Anh xem xét các phòng thí nghiệm, tìm hiểu các phương pháp kỹ nghệ mới. Nhờ vậy, những năm các xưởng Nobel làm bom và thủy lôi, ông Alfred Nobel và các anh của ông đã giúp thân phụ

được nhiều, góp thêm những lý thuyết mới mẻ vào những kinh nghiệm thực hành đã sẵn có. Nhưng thời thịnh vượng của gia đình Nobel cũng theo biến chuyển chính trị mà thay đổi. Chiến tranh chấm dứt, công việc làm bom và thủy lôi không chạy nữa, các xưởng Nobel phải đóng cửa và năm 1859, gia đình Nobel rời bỏ nước Nga trở về lại Thụy-điển.

Alfred Nobel, trong ngành hóa học, thích chuyên về các chất nổ. Ông theo dõi kỹ càng công cuộc khảo tằm của Ascano Sobrero và không bỏ qua hai bản thuyết minh ngày 15-2-1847 tại Collège de France của giáo sư Pelouze và ngày 21-2 cùng năm ấy tại Viện Hàn-Lâm Turin của Sobrero. Chất Nitroglyxêrin là kết quả của tác dụng axit nitric lên chất glyxêrôl. Chất này là một sản phẩm phụ trong kỹ nghệ xà-phòng hay có thể tổng hợp từ các chất propylen hoặc propargylol.

Trở về lại Thụy-điển, gia đình Nobel lập ra một hãng nitroglyxêrin. Xin nhắc lại trước đây ít lâu kỹ nghệ chưa được xây nở, chỉ có ngành canh nông là được thịnh vượng. Năm 1810, Bernadotte, đại tướng của Bonapar

re ở Ý-đại-Lợi, trở nên thống chế và em rể hoàng đế Napoléon, được cử lên ngôi nước Thụy-điển. Mất đi, ông để ngôi lại cho con là Oscar đệ nhất (1844-1859). Ngoài việc khuyến khích khuếch trương rừng rú mà nước Thụy-điển có rất nhiều, ông vua này lại để ý chăm nom việc khai khẩn những mỏ sắt. Công tác lúc ban đầu khó khăn, nhưng nhờ những chất nổ mới chế ra, việc khai khẩn tiến hành mau lẹ. Thêm vào đấy khoảng 1850-1870 là lúc các đường sắt được nảy nở. Nồi súp-de Seguin, mở đầu cho máy tàu hỏa, ra đời từ 1833. Các hệ thống đường sắt thật quan hệ cho vấn đề giao thông cần phải được đặt khắp nơi. Nhưng lập đường sắt cần phải đục hầm, xây cầu, phá núi, chuyễn vận hàng ngàn thước khối đất... Ngoài ra, còn phải cần biết bao nhiêu sắt, than đá... Những công cuộc này đòi hỏi rất nhiều chất nổ.

Gia đình Nobel với thời cơ lại kiếm cách cải lương, sáng chế thêm phương pháp mới. Alfred Nobel cho ghi hai văn bằng sáng chế ở Pháp (18-9-1883) và ở Thụy điển (15-7-1864) về một cái mồi dùng Fulminat để cho nổ chất nitroglyxêrin. Trước đây chỉ có ngòi Bickford

cháy không được điều hòa, cho nổ khi chậm, khi nhanh, khi mạnh, khi nhẹ. Những xưởng nitroglyxêrin của gia đình Nobel bắt đầu xây lên năm 1862 ở Helensborg. Công cuộc bắt đầu tiến hành thì hôm 3-9-1864, cả nhà máy bị nổ và trong tai nạn này, Oscar Nobel cùng một hóa sư của hãng bị bỏ mình. Sau đấy, chính phủ cấm không cho gia đình Nobel mở xưởng mới.

Alfred Nobel bỏ Thụy-điển qua Đức xây một nhà máy khác tại Krummel gần Hamburg. Năm 1865, nhà máy bắt đầu chạy nhưng một năm sau lại bị nổ. Alfred lại cho xây một nhà máy khác nữa và bỏ công nghiên cứu cách cho nổ có bảo chứng. Chất nitroglyxêrin như đã thấy là một chất nổ rất khó dùng ở thể ròng. Alfred Nobel tìm ra được một chất hấp thụ có nhiều lỗ hổng (absorbant poreuse) loại silic thiên nhiên (Kieselguhr) và cho trộn 75% nitroglyxêrin với 25% chất này thì làm được cốt mìn vẫn nổ mạnh nhưng dễ vận dụng hơn. Năm 1867, ông cho ghi văn bằng sáng chế gọi là "bột nổ bảo chứng Nobel" và sắp sửa làm giàu với phát minh của mình.

Có được nhiều tiền, ông kiếm cách mở nhiều xưởng máy khắp các nước tân tiến hồi ấy : United Sta-

tes Blasting Oil Company ở Hoa-kỳ (năm 1873, hãng này hợp lại với Atlantic Giant Powder Company), Zamky ở Áo, Ardeer British Dynamite Company ở Ê-côt, Fluen ở Thụy sĩ và Tây-ban-Nha. Ở Pháp, người đại diện của ông Paul Barbe cho xây nhà máy Panlilles ở Port-Vendres năm 1870 thuộc Chính phủ nhưng lần lượt qua tay Société Générale pour la Fabrication de la Dynamite tới 1927, Société Nobel Française tới 1957 và hiện gọi là Société Nobel-Bozel.

Năm 1875, thân phụ mất đi, chỉ còn lại mẹ và các anh đều đã có gia đình riêng, Alfred Nobel dọn qua ở Paris, trung tâm cuộc kinh doanh của ông. Ông có một phòng thí nghiệm ở Sevrans. Ở đây, ông lại phát minh ra một cốt mìn khác, gọi là cốt mìn nhựa (dynamite gomme) quan trọng còn hơn là bột nổ bảo chứng ông đã tìm ra được trước. Từ lâu, ai cũng nghĩ cho trộn nitroxellulô và nitroglyxêrin thì sẽ được một chất nổ hoàn toàn vì một chất thì thừa dưỡng khí, chất kia thiếu. Nhưng không ai tìm ra được cách hỗn hợp. Một sự tình cờ đã đưa đường cho Alfred Nobel trong cuộc phát minh này: bị thương ở tay, ông cho phết lên

một lớp thuốc dính bông, (colloidion cellulosique) như người ta thường làm hồi ấy. Ông vận dụng nitroglyxêrin và nhận thấy lớp chất dính bông phồng lên và làm thành một chất nhựa. Với cặp mắt và đầu óc nhà thông hái, Alfred Nobel đi từ chỗ nhận xét qua ngay phương pháp chế tạo và cho ra đời cốt mìn nhựa là chất nổ, mạnh nhất chưa từng thấy. Ông cho ghi văn bằng sáng chế năm 1879 và phát minh này đã đem lại cho ông rất nhiều hoa lợi.

Những chất nổ của Nobel lúc đầu chỉ dùng vào công việc công chính, đào mỏ, nhưng sau 1880, Alfred xoay qua khảo cứu về binh bị. Ông học hỏi những bột nổ xạ thuật (poudre balistique), những bột nổ chiến tranh, xài phí rất nhiều công của và bị cãi rầy rà về mặt hành chánh. Năm 1888, ông cho ghi một văn bằng sáng chế về bột nổ chứa 50% nitroglyxêrin ở Anh, gọi là bột nổ xạ thuật, nhưng chính phủ Anh bác đi. Đẳng khác, ở Pháp, bộ Chiến tranh gây hứng với Nobel, bảo ông và Barbe đánh cắp phương pháp chế bột nổ B của Vieille. Thấy không dễ làm ăn ở Pháp, Alfred dời qua ở San Remo bên Ý năm 1891.

Phần lớn vốn liếng ông đều cho chớ về Thụy-diễn và mua hãng chế tạo ca-nông Bofors và hãng thép Bjerneborg. Đã quá 60 tuổi, ông định trở về dưỡng già ở Thụy-diễn thì bất thành linh mất ở San-Remo hôm 10-12-1896.

Tài sản của Alfred Nobel khi ông mất đã lớn lên gấp bội những năm trước vì ông đã tham gia nhiều cuộc khai khẩn dầu hỏa bên Nga. Trong 20 năm, từ 1875 đến 1896, số sản xuất dầu hỏa từ không có gì đã lên tới 8 triệu tấn tức là phân nửa số sản xuất thế giới lúc bấy giờ. Ông lại có rất nhiều cổ phần trong Nobel Brothers Naphta Company. Ông mất đi, các chứng khoán văn tự đều để lại cho các cháu.

Suốt một đời, Alfred Nobel luôn nghĩ tới các phát minh sáng chế. Lúc ông mất trong phòng thí nghiệm còn ngồn ngạn các khảo tâm về cao su nhân tạo, về chất điện tích. Ông di chuyển luôn, từ Anh qua Bỉ, Pháp, Ý, từ Tây-ban-Nha qua Thụy sĩ, Áo, Đức khắp các nước có nhà máy của ông. Ông theo dõi rất nhiều các hội nghị quốc tế, đặc biệt các hội nghị hòa bình, giữa các dân tộc, ông, một người đã từng khảo cứu sáng chế thuốc nổ, bom, thủy lôi!

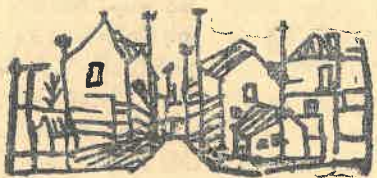
Vì vậy năm 1895, lúc còn ở Paris, ông làm di chúc cho dùng một phần lớn tài sản của ông để đặt ra năm giải thưởng hằng năm, mang tên ông. Người ta tính tài sản của ông lúc ông mất lên tới 33 triệu cu-ron Thụy-diễn (năm 1896, số cu-ron ấy tương đương với 1/20 số vàng sản xuất khắp thế giới). Cũng may cho ông và các giải Nobel, tài sản của ông do nước Thụy-diễn giữ, mà nước này lại không gia nhập hai kỳ đại chiến nên giá trị tài sản không bị sụt xuống. Lúc trước, giải thưởng Nobel mỗi kỳ mỗi môn chỉ có 150.000 cu-ron, bây giờ lên tới 200.000 cu-ron. Như thế giải thưởng Nobel còn lưu lại được lâu dài.

Thật ra, riêng sự nghiệp Alfred Nobel cũng đáng được ghi trong sách sử. Siêng năng, cần kiệm, nhẫn nại là những đức tánh chính của một người đã thành công. Văn biết may mắn đã góp phần vào việc xây dựng sự nghiệp Nobel, nhưng ông cũng đã là một người làm việc nhiều, ít nói nhưng khiêm tốn, rộng lượng. Ông lại là người biết chuộng thực tế: bỏ công học ngoại ngữ là một chuyện, đặng khác không phải khảo tầm khoa học để chỉ

đưa ra viện Hàn-lâm hay ghi lấy văn bằng sáng chế, mà còn kiểm cách áp dụng vào kỹ nghệ, kiểm cách dùng trong đời sống. Óc sáng chế, óc kỹ thuật, óc thương mại cùng một lúc tụ hợp lại trong đầu Alfred Nobel. Một người biết tranh đấu như ông lại ham chuộng hòa bình thật đáng quý.

Các giải thưởng Nobel hằng

năm lại có dịp cho ta tưởng niệm tới nhà khoa học này. Rất tiếc là Alfred Nobel đã không nghĩ tới các giải về nghệ thuật: âm nhạc, hội họa, nhưng với các giải hiện có, người ta cũng đã theo dõi được một phần nào những tiến triển trong các nước, những trào lưu có ảnh hưởng trên mặt đất. ● ★



★ DANH NGÔN

*Người quân-tử hòa thuận mà không a-dua,
Kẻ tiểu-nhân a-dua mà không hòa thuận.*

Luận Ngữ

★ LỜI TRẺ CON

Trên bàn ăn, người cha khuyên dạy các con:

— Thuở ba còn nhỏ, mẹ của ba rất nghèo. Ba không bao giờ được ăn những bữa cơm ngon như các con bây giờ đâu.

Một đứa con đáp:

— Thế à? Thôi thì bây giờ ba hãy yên lòng mà sống đầy đủ với chúng con đây!

★ Quan-Minh

T
A
I
S
A
O
Đ
A
I
M
Ã
-
L
A
I
T
A
N
V
Õ
?



Thủ tướng Đại Mã Lai
Abdul Rahman

N GÀY 9-8-1965, trong một cuộc họp báo, Thủ-tướng Tân quốc gia Tân-gia-ba là ông Lý-quang-Diệu đã tỏ ý rất tiếc và buồn về việc Tân-gia-Ba tách khỏi Đại Mã-Lai để tự chủ tự cường.

Sự buồn bã đến nỗi ra nước mắt của Lý Thủ-Tướng, phải chăng, khác nào Lưu Bị hay Khóc của đời Tam Quốc ngày xưa, là

TÂN-GIA-BA

Đ
Ộ
C
L
Â
P

?

cả một nghệ-thuật ngoại-giao mềm dẻo của những con người kinh quốc?

Nhắc lại công việc thành lập Đại Mã-Lai..

Trên trường chánh trị quốc gia, quốc tế, dù muốn dù không, Á châu đã có thêm một nước độc lập là Tân-gia-ba do Thủ-tướng Lý-quang-Diệu cầm quyền.

Sau khi tách khỏi Đại Mã-Lai và tuyên bố độc lập, Tân-gia-ba đã được một số lớn quốc gia tự do nhìn nhận chủ quyền là điều đáng ngẫm nghĩ.

Và, trước khi tìm hiểu, vì sao Đại Mã - Lai vừa mới thành hình chưa được bao nhiêu ngày tháng, đã bị hai nước Indonésia, Phi-luật-tân chống đối và gần đây, Tân-gia-ba lại tách riêng, tưởng nên nhắc lại sơ qua công việc thành lập Liên-Bang này.

Sự thành lập Liên-Bang Mã-Lai Á đã gây nhiều dư - luận quốc gia và quốc tế, thứ nhất, tại miền Đông-Nam-Á.

a) *Chế độ thuộc địa cáo chung?*
Các bình luận gia quốc tế, đối

với vấn đề này, đều không ngớt ca ngợi, tán thưởng chánh sách đối ngoại mềm dẻo của Anh quốc, trong khi Pháp dùng võ lực tái chiếm các thuộc địa cũ, thì người Anh lại vui lòng giao trả chủ quyền độc lập cho các nước bị trị, bằng cách thành lập Liên Hiệp Anh.

Chánh sách ngoại giao mềm dẻo và uyển chuyển của Anh quốc, phải chăng, theo các nhà quan sát tình hình thế giới, là chú trọng dư luận quốc tế hơn quốc nội?

Còn Hoa-kỳ lại rất quan trọng dư luận quốc nội hơn quốc tế?

Nhắc lại, sau Đệ Nhị Thế Chiến, phong trào giải phóng các thuộc tiểu đã lên cao độ, Anh quốc, như đã nói, trao trả chủ quyền các cựu thuộc địa mà vẫn còn có quyền tự do mua bán, xây dựng kinh tế với các nước này.

Cho nên trong việc trao trả các xứ Bắc Bornéo và Sarawak là vấn đề rắc rối hơn, vì Thổ dân của hai vùng này là những bộ lạc bán khai, không đầy đủ khả năng tự trị, nhưng hai vùng này là hai mảnh đất trù phú.

Vì thế, ba quốc gia Mã Lai, Indonésia và Phi luật tân đã đứng lên đòi quyền kiểm soát hai vùng

đất nói trên:

Trước sự đòi hỏi của ba quốc gia này, Anh quốc cảm thấy khó xử, nên lệ làng trao trả hai vùng Bắc Bornéo và Sarawak cho Mã-Lai, vì Mã-Lai là quốc gia hội viên của Liên-Hiệp-Anh.

Như vậy, quyền lợi của người Anh ở Bắc Bornéo và Sarawak, lẽ tất nhiên, được tồn tại.

Điều thứ hai, người ta nhận thấy, chánh sách đối ngoại mềm dẻo của Anh hay hơn Pháp, trong việc trao trả chủ quyền cho các cựu thuộc địa, mà vẫn còn nắm được quyền lợi kinh tế.

Do đó, đề đặt nặng vấn đề kinh tế, người Anh nghiên cứu kế hoạch ủng hộ Mã - Lai, vì Thủ tướng Abdul Rahman, một chiến sĩ chống Cộng khét tiếng của Liên Hiệp Anh, bằng cách sát nhập năm lãnh thổ Mã-Lai, Tân gia ba, Sarawak, Brunei, và Bắc Bornéo thành Liên Bang Đại Mã-Lai.

b) *Liên Bang Đại Mã-Lai (MãLaiA)* — Trong việc Indonésia đổ quân xâm nhập Đại Mã-Lai, Anh quốc đã và đang đồ 50.000 quân không lực thủy quân xuống Tân-gia-ba, Mã-Lai và thừa sức giữ vững Liên Bang này.

Như chúng ta đều biết, nếu không thành lập Liên Bang Đại Mã Lai, thì ảnh hưởng Hoa kiều ở Tân gia Ba sẽ lấn át Mã Lai và biết đâu sẽ bị Trung - Cộng lôi cuốn, làm hỏng cả chương trình kinh tế, ngoại giao của Anh quốc.

Không những thế, T.T. Abdul Rahman, con người đã được các nước tự do đều đồng ý, cảm tình thứ nhất Hoa kỳ, Thái Lan, Phi luật Tân, Đại Hàn, Ấn-Độ và Việt-Nam Cộng-Hòa.

Xem vậy dù thấy chương trình thành lập Liên Bang Đại Mã-Lai của người Anh đã được nghiên cứu kỹ lưỡng, nhưng sau một thời gian « trắc nghiệm », ngày 9-8-1965, qua những vụ xích-mịch giữa Thủ-Tướng Abdul Rahman và Thủ-tướng Lý-quang-Diệu và, có lẽ, vì sự chống đối quyết liệt của Indonésia, nên Tân-gia-ba mới tuyên bố độc lập, làm tan vỡ Liên-Bang?

Người Anh có tiếng xưa nay, là thương mãi thương thặng, đặt nặng vấn đề kinh tế trên các vấn đề chánh trị, quân sự, nên mới có sự Tân-gia-ba tách rời Liên-Bang vì tân quốc-gia này vẫn ở trong L.H.A.

Hơn nữa, trước khi thành lập và sau khi Liên - Bang Đại Mã Lai thành hình đang bị Indonésia chống đối ráo riết và, nếu Anh quốc quyết tâm bảo vệ Liên Bang này vô tình hoặc cố ý tự làm mất ảnh hưởng cảm tình với các nước Á châu, nhất là Indonésia.

Và như thế, Anh quốc làm sao duy trì được nền ngoại thương, dầu lấy sức mạnh đánh thắng được Indonésia.

Trong việc này, Anh gián tiếp tăng danh dự cho Indonésia bằng cách tách Tân gia Ba ra khỏi Đại Mã Lai, vì mục đích chống đối của Indonésia, là muốn tiêu diệt Liên Bang.

Với đường lối ngoại giao của Anh như trên, Anh quốc sẽ không tổn một viên đạn hay một mạng người, vẫn có thể làm cho Indonésia lui binh.

Vì Indonésia, sở dĩ, đồ quân du kích khuấy phá và không ngớt đã kích Liên Bang Đại Mã Lai là thuộc địa trá hình thì ngày nay liên bang này đã gây cho Indonésia còn có lý do nào để tiếp tục đồ quân xuống đánh phá nữa chăng ?

Bởi vậy, các quan sát viên đều đồng ý ca ngợi chính sách đối ngoại của người Anh, vì Anh quốc trọng dư luận quốc tế hơn dư luận quốc nội, khi một nước cường thịnh, dân trí cao, nhờ thương mại kinh tế như nước Anh không thể để mất cảm tình quốc tế.

c) Kế hoạch của Abdul Rahman ? Trong việc chủ trương điều khiển Liên Bang Đại Mã-Lai, Thủ-Tướng Abdul Rahman, lẽ tất nhiên, được Anh quốc ủng hộ hết mình về chính trị cũng như quân sự, nên đang có 50.000 quân Anh hiện diện.

Thủ-Tướng Abdul Rahman đã quyết sớm thành hình Liên Bang vào ngày 31-8-1963, để kỷ niệm luôn thề 6 năm độc lập của Mã-Lai.

Với tổng dân số là 7.000.000 người, và tài nguyên chưa khai thác hoàn toàn, lẽ đương nhiên, Mã Lai phải xúc tiến việc thành lập Đại Mã Lai.

Còn Tân-gia-ba có 1.700.000 người mà 80% là Hoakiều thương gia giàu có, nên vấn đề quyền lợi vật chất của Tân-gia-ba, so với Mã Lai, to lớn và quan trọng hơn nhiều là một bằng cớ khiến cho Đại Mã Lai nửa chừng bị tan vỡ.

Thêm vào đó, vấn đề bình đẳng của đảng Nhân Dân Hoạt Động của Thủ-Tướng Lý-quang Diệu là động cơ khiến Tân-gia-ba tuyên bố độc lập; sau khi hai ông Abdul Rahman và Lý-quang-Diệu đã bất đồng ý kiến vào tháng 5 năm này.

Trước kia, sau khi Liên-Bang thành hình, ông Azahari, Thủ-lãnh các cuộc cách mạng ở Brunei bị quân đội chính phủ Liên-Bang đàn áp dập tắt, đã được Indonésia đặc quyền cho tị nạn là tiếng chuông báo hiệu ngày sụp đổ của Đại Mã-Lai.

Sau đệ nhị thế chiến, Anh quốc đã trao trả độc lập cho một số quốc gia, phần đông, tự ý gia nhập Liên-Hiệp-Anh và một số không gia nhập.

Tuy nhiên, ngoài những nước nói trên, người ta nhận thấy một số lãnh thổ quá chậm tiến, vì không biết độc lập là cái gì, đều vui lòng cam chịu số kiếp nô lệ như Sarawak và bắc Bornéo.

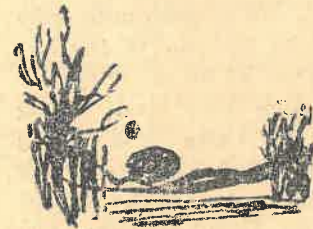
Brunei có nhiều mỏ dầu do người Anh bỏ vốn khai thác kinh doanh và bởi Indonésia quyết tâm sát nhập bắc Bornéo, nên người Anh đâm ra lo lắng, vì trước kia tổng thống Soekarno đã xua quân đánh chiếm tây bộ Tân Guinée.

Vài nhận xét tổng quát

Với tổng dân số 7 triệu người, Mã-Lai đặt thủ đô tại Kualalumpur, trong số này người Mã lai chiếm đa số, thứ hai là Hoa kiều và thứ ba là Ấn kiều và một số ít người Tây phương.

Về địa hạt kinh tế, Mã Lai đang có nhiều tài nguyên như mỏ kẽm, mỏ sắt, mỏ nhôm, mỏ than, đồn điền cao su, dứa nửa v.v... mà phần lớn đều chưa được khai thác tận mức.

Mỏ kẽm của Mã - Lai đã xuất cảng 40% cho thế giới tự do và tại đây các xí nghiệp Âu mỹ, về ngành kẽm sản xuất 50% số còn lại do các doanh gia Tàu chủ trương khai thác.



Đổi lại, Tân gia ba, trước ngày độc lập, là một lãnh thổ tự trị trong khối Liên Hiệp Anh.

Thành phố này đã từng bị Nhật đòi tên Shonan và, khi nói

về mặt thương mại, chánh trị, quân sự, Tân gia ba đang nằm giữa ngã tư đường giao liên Âu Á, Mỹ, Úc, cách xa kinh Suez 5.836 hải lý, Hương-cảng 1.672 hải lý và kinh Panama 12.100 hải lý.

So với Mã-Lai, về chiến lược chiến thuật, chánh trị, quân sự cũng như kinh tế thương mại, Tân gia ba rất quan trọng và giàu có nhất.

Sau khi toàn chiếm lục địa Trung-Hoa, có lẽ vì sự ngoại giao mềm dẻo của người Anh, như vấn đề Hồng-kông, Trung-cộng chưa nói gì đến vấn đề Hoa-kiều lưu lạc ở đây, chỉ mới thiết lập một ngân hàng độ sộ tại Tân-gia-ba.

Trong vấn đề xích mích giữa ông Abdul Rahman và ông Lý-quang-Diệu đã tạo ra sự tan vỡ Liên - Bang ngày nay, tưởng người ta không khỏi không nhắc nhở, trước kia, trong một cuộc xuất ngoại, họ Lý đã ghé thăm Bắc Kinh, làm cho Thủ tướng Rahman bất mãn ?

Nhưng, hiện nay sau khi Tân gia-ba độc lập, Thủ tướng Lý quang Diệu vẫn sống trong L.H.A.

Chung quanh vụ Tân-gia-ba độc lập...

Dựa theo tài liệu tin tức báo chí trong ngoài nước, việc Tân-gia-ba thoát ly Đại Mã Lai do hai nguyên nhân chánh trị và quyền lợi kinh tế ?

Nhưng, các nhà bình luận quốc tế lại bảo rằng, tại sao trước kia nhóm ông Azahari đã nổi dậy ở Brunei và, sau khi Tân-gia-ba độc lập, thì Sarawak lại đứng lên đòi tách khỏi Liên Bang nghĩa là chưa kể nội bộ chánh phủ Abdul Rahman đang xáo trộn đều là những nghi vấn phản lại ý trên.

Và các nhà bình luận đều kết luận sở dĩ Liên Bang Đại Mã Lai bị tan vỡ, không ít thời nhiều, vì sự chống đối của Indonésia ?

Chung quanh vụ Tân gia Ba tự chủ, Nam Tư có lẽ nếu không làm, đã bình luận rằng sự kiện này, chắc chắn làm hòa dịu các láng bang, tức Indonésia !

Hoa thịnh Đốn lại tán thành việc Tân-gia-Ba độc lập và Trung cộng vẫn đề đặt cho sự kiện này là một nghệ thuật bí quyết thượng thặng của người Anh.

Theo khối Cộng sản. Hồng kông là thị trường quốc tế thứ nhất thứ hai là Tân-gia-ba vậy ?

Nhưng chung quanh vụ Tân gia ba độc lập, báo chí Tây phương đều tỏ ý lo ngại về ảnh hưởng Trung Cộng.

Tờ Aurore viết đại ý : « ... Trong tương lai, người ta không khỏi không đón chờ Bắc-kinh đối với Tân gia ba ra sao. Và, sau khi Tân gia ba độc lập, mối liên lạc giữa tân quốc gia này với Đại Mã-Lai sẽ tốt đẹp. »

Tờ Paris-Jour nhận xét : « ... Thủ-Tướng Lý-quang-Diệu cảm thấy trọng trách của mình trước tình hình Đông Nam Á. Ông là nhân vật tiến bộ chứ không phải Cộng sản và đang đề ý tới sự nhòm ngó của Bắc kinh. nhưng chắc chắn không phải để dẫn gì để bị Trung Cộng lôi cuốn... »

Sau khi Tân gia ba tách khỏi Đại Mã - Lai, dân chúng Sarawak lại đòi tách khỏi Đại Mã Lai theo gương Tân-gia-ba.

Tuy vậy, theo tin đài BBC, sau khi có biến cố này, Anh quốc lại nghiên cứu chiến lược chiến thuật quân sự, chính trị để

tạo một vòng đai phòng thủ khác thay thế các cứ điểm Aden và Tân-gia-ba.

Kế hoạch của chánh - phủ lao động Anh đang hướng về Miền Đông kinh Suez bằng cách đặt hệ thống phòng thủ nguyên-tử của Anh hoặc Anh Mỹ liên minh cho Ấn và cả châu Á, đang giữ vững ảnh-hưởng của một hay hai nước, thứ nhất giá trị của « đồng Sterling » đang kém sút so với đồng đô la.

Ngoài ra, chương trình nói trên lại còn nhằm ngăn chặn các hoạt động về đường biên của Trung-cộng.



Sau vụ Tân-gia-ba, các nhà bình luận quốc tế đều nhận xét một cách khách quan rằng, dù sao đi nữa, việc Tân-gia-ba độc lập không nhiều thời ít, đã được sự đồng ý của Luân-Đôn.

Và, việc Tân-gia-ba, trên đường độc lập, nếu vẫn bình thường hoá êm đẹp với Đại Mã Lai thì tình hình V.N. sẽ thay đổi phần nào và chánh phủ Wilson sẽ trường thọ ?



Nhạc Khánh đèn xưa

*Đường mây sấn bậc bước lên
Rõ ràng lảng miếu Mẹ Tiên Cha Rồng*

Tà áo Mẹ Tiên trên vách đá
Nền mây châu dáng nguyệt, Cha Rồng
Mái cong lên khói ngàn hoa lá
Phụ bóng con về, Tô biết không?

Bạc sương ướt dẫm bước chân thơ
Ướp mái dầu xanh, hương thoảng mờ.
Những tiếng nguyện cầu còn vọng trờng
Láng lảng nhạc khánh dội đèn xưa!

Ồi tiếng nhạc ngân như suối reo,
Như lời ru, Mẹ, những thương yêu.
Theo vào mạch máu con đi mãi,
Rồi thoảng nương trong tiếng gió chiều!
Vòm cây, bệ đá, mái đèn thiêng,
Hương khói còn chăng những ước nguyện?
Tha thiết âm vang còn nhạc khánh,
Bao giờ con đặt bước đi lên?

Nhạc Khánh gọi con chuyện Đống Đa,
Tiếng than quân Hán, thuở Hai Bà?
Những giòng máu thấm tở lòng đất.
Đề đến bây giờ vẫn cách xa!

● HOÀNG NGỌC-LIÊN



* Thanh-Việt-Thanh

*Tôi không ngần ngại
đem in tập bút ký
ấy lên mấy
trang báo này. Trước, mong
được làm vui lòng người
chết, sau, sẽ đến được
đời mắt ba người
thân yêu
của kẻ xưa sớ.*

ĐÊM ấy, đêm cuối
cùng...

Chúng tôi ngồi quây-quần nhau
bên chiếc bàn con trong gian
quán nhỏ, gian quán mà cả bốn
chúng tôi thường lui tới, đêm
đêm, từ khi chúng tôi gặp lại
nhau trong cái thành phố « định-
mệnh » này.

Bên cạnh tôi, Mỹ-Linh vẫn
ngồi co-ro trong chiếc áo đi mưa-
lưng tựa vào tường. Thịnh-thành,

nặng đư mắt chăm-chú nhìn tôi
hết kẻ này đến kẻ khác, rất lâu,
mà không nói được lời nào.
Dáng nàng dăm chiêu, về mặt,

buồn rầu, dường như đang nghĩ đến ngày mai chia cách. Ôi, ngày mai, ngày mai!...

Kể bên nàng là Hiếu. Gương mặt hẳn lúc nào cũng đầy vẻ can-dảm. Hẳn ngồi yên như pho tượng, chỗ tay chống trên mặt bàn, mồm luôn lẩm nhảm những gì không nghe rõ.

Cách đó, Sơn, cũng cùng một dáng điệu như Hiếu, thông minh và chịu đựng có thừa.

Còn tôi, gương mặt tôi lúc ấy thế nào? Chắc cũng tôi tẻ như gương mặt của những thằng «ma cô», káo khoét, ngượng ngùng trước bạn?

Nhưng đêm nay, đêm cuối cùng này tôi muốn họ nhìn thấy trên gương mặt tôi cái dáng vẻ thân yêu của tình bạn, của đau khổ và nguy hiểm, có nhau.

Chúng tôi, bốn người cùng hẹn gặp lại ở đây để vui qua một đêm rồi mai mỗi người mỗi ngã.

Vấn ngồi im, chúng tôi không nói gì với nhau cả, hình như là để cố giữ cho bầu không khí thân mật đó được kéo dài thêm ra mãi. Nếu có ai nghe được âm vang của nhịp tim chúng tôi trong những giây phút sống chung cuối cùng này, mới biết là sự

quyến-luyến của chúng tôi, nó tha-thiết đến dường nào!...

Nhưng rồi, dù cho có cố làm sao chẳng nữa, đêm cuối cùng bao giờ cũng chóng qua...

Từng ly rượu nồng cay vẫn tiếp-tục thi nhau chảy vào mồm chúng tôi, cấu xé bao tử chúng tôi...

Một tiếng thở dài của Sơn, một nụ cười héo-hắt của Mỹ-Linh, một sự có mặt lạnh lùng của Hiếu... Chừng ấy hình-ảnh đó dồn lại cho một đêm hội ngộ cuối cùng để được gọi là kỷ-niệm! Thật là chua-xót!

Ai có thể làm cho thời-gian ngừng lại, dồn nén nó lại, đừng để nó lướt qua người chúng tôi? Giọt lệ của giòng đời bây giờ sao mà trắng quá, trắng như đáy ly rượu cạn này!...

Ai có thể làm cho thời-gian ngừng lại? Ai?..

Không ai cả! Không ai có thể cả!

Những giây-phút cuối cùng của đêm dài sắp mất. Màu xanh tươi của ngày đã bắt đầu lên dần qua khung cửa sổ... Bây giờ chúng tôi phải đi.

Hiếu uể-oải đứng lên trước rồi lần lượt đến từng người chúng tôi.

Chúng tôi dừng lại để nhìn nhau bên quầy hàng. Nơi đây, Mỹ-Linh khẽ gọi người bồi rót thêm cho chúng tôi mỗi người một ly. Khác hơn mọi lần, lần này không ai uống vội. Cả bốn chúng tôi cùng nâng ly lên ngang mặt nhìn ngắm lẫn cuối cùng. Ôi màu rượu sao mà trắng quá, trắng như tấm lòng chung thủy của Mỹ-Linh đối với tôi và của Sơn đối với Bích.

Bất chợt Mỹ-Linh khẽ đưa ly lên môi, rồi bằng một giọng thật thấp, nàng nói: «Mời các bạn». Và quay sang tôi, nàng tiếp: «Mời anh».

Chúng tôi uống cạn. Đáy ly không còn lại giọt rượu nào.

Tôi nhìn Mỹ-Linh, Hiếu nhìn Sơn... Tăm mắt giao nhau, tám vành môi mấp máy... Nhưng cuối cùng vẫn không ai có can đảm nói thêm gì, phát động thêm một cử chỉ gì!...

Nhiều giây im lặng trôi qua. Hình như không thể dẫn được nữa, căng thẳng đã dâng lên, Hiếu bực dọc đặt ly xuống bàn, bốp mạnh... Ly vỡ ra từng mảnh, âm vang mơ hồ như một chuỗi cười ma quái. Mảnh vụn của ly đâm sâu vào tay Hiếu nhiều chỗ.

Từng giọt máu đỏ rơi trên quầy hàng trên nền gạch, lê dài theo chân hẳn...

2.— Tôi không còn đủ can đảm để trở về phòng trọ. Tôi đi thơ thẩn một mình trên bến sông còn ướt sương đêm. Bên một ngã tư, tôi bất chợt gặp lại người «tình nhân ăn sương» cũ. Từ nơi mái tóc ngắn và mịn của nàng tỏa ra một mùi thơm tho huyền nhiệm, đầy quyến rũ... làm cho cơn say của tôi dần dịu lại trong giới hạn. Nàng khẽ cúi đầu chào tôi, phát động một cử chỉ mời mọc... Bỗng dưng tôi thấy lòng nghe xao xuyến, thêm khát... Rồi không ngần ngại gì, tôi ngoan ngoãn bước theo chân nàng như một gã trai tơ...

Căn phòng nàng cũng giống như căn phòng mà tôi đã cưỡng bách đến lỡ tay làm chết Bích, người yêu của Sơn ngày xưa...

Tôi không muốn nhớ lại hình ảnh tội lỗi, đau lòng và ghê rợn đó... Tôi vội choàng ôm người «tình nhân ăn sương» ấy kéo lê lại giường nệm... Và rồi sau giây phút mê-mê đó, tôi chợt ngủ thiếp đi tự lúc nào không biết. Khi tỉnh dậy, tôi thấy người «tình nhân hồ» ấy vẫn còn nằm

ngủ bên cạnh. Rồi không hiểu do nguyên nhân nào, tôi bỗng thấy ghê khiếp cái khối thịt của người đàn bà đó. Tôi đứng dậy xô cửa bước ra ngoài, lăm lăm đi như một người điên...

oOo

Trời bây giờ đã đứng bóng. Ánh nắng chói chan. Đường phố inh ỏi tiếng động cơ, tiếng chân người, tiếng hò hét... Từng làn khói ngọt ngào hắt ra từ sau đuôi những chiếc xe tòi tẹt, làm cho tôi cảm thấy khó thở, ghê khiếp và chán nản thêm.

Một hồi còi tàu hú lên ở sân ga. Tôi đưa mắt nhìn về phía đó lòng nghe bâng khuâng, nặng trĩu một u - hoài, hồi tiếc... Hình ảnh Mỹ - Linh trên con tàu xuôi miền Trung kia, chắc là thâm não lắm, thâm não cũng như tôi trong lúc này. Tôi cố gạt ra ngoài cái đối tượng tình-cảm đó. Nhưng không thể nào được : Hết Mỹ-Linh thì lại đến Hiếu, đến Sơn... Những chiếc bóng mờ ảo của cả ba người vẫn cứ luân phiên nhau chao múa trong đầu óc tôi, trong ký-ức tôi làm cho lương năng tôi càng thêm ray-rứt : *Ba người đi ba nơi với ba chí-hướng, ba nguyên-vọng. Mỹ-Linh miền Trung, Hiếu miền*

Tây, Sơn miền Đông... Còn tôi, từ giây phút này, tôi sẽ ra sao và làm gì nữa ở quanh cái thành phố hoa-lệ nhưng nhô-nhúa này, khi mà cái nghề « ma cô » đã làm cho tôi trở thành kẻ mù-quáng, giết người, phản bạn.. đây đây tội ác từ bấy lâu nay ? Tôi sẽ tiếp-tục đi sâu vào con đường tội lỗi cũ để tự đào hố chôn mình hay sẽ trở về đời sống lương-thiện, theo đuổi một chí-hướng khác ? Tôi chưa biết được : *Cuộc đời đã bức bách tôi, bóp méo tôi quá nhiều...* Nhưng dù sao, tôi vẫn cố để được sống gần Mỹ-Linh, cùng nàng làm lại cuộc đời...

3.— **C**ánh cửa phòng bệnh viện sịch mở...

Tôi gượng nghiêng mình kéo tấm chăn trắng cũ kỹ, che giấu những trang giấy vừa viết.

Người nữ y tá lách mình vào. Gương mặt vẫn lạnh lùng, nghiêm nghị như mọi lần, cô ta khẽ đặt chiếc hộp trên bàn, mở ra chọn thuốc theo toa bác-sĩ rồi cho vào ống chích một cách điềm nhiên, không buồn nhìn đến tôi. Tôi giả vờ ngủ. Cô ta sẽ lay vào vai tôi, giọng lẽ nhè ngăn ngừn :

— Này ông, dậy đi ! Đến giờ chích...

Tôi cố xoay người nằm nghiêng trở lại, mặt quay vào tường. Cô ta đưa tay dẫn lưng quần tôi xuống khỏi mông, thoa ê-te rồi phóng mạnh kim.. Tôi nghe đau vì mũi kim hơi lựt và nghe khó chịu vì chất thuốc đang len lõi quá mau trong tế bào dưới sức bơm vôi của người nữ y-tá. Xong, dù gương mặt tôi lúc đó đang nhăn nhó, tôi vẫn cố gượng để nói một lời :

— Xin cảm ơn cô !

Vẫn không buồn nhìn tôi, cô ta vừa đi ra vừa đáp, giọng vô cùng khách sáo, đứng đưng :

— Không có chi !

Tôi khẽ thở dài, chán nản. Sự có mặt của cô ta, cử chỉ của cô ta và hành động của cô ta đã cho tôi thêm mỗi một tinh thần, thêm lụn bại ý chí, thêm ngao ngán cuộc đời : cuộc đời đã du tôi vào hố thăm, kẻ bên tử thần, hôm nay, vì những vết thương này...

Sơn, Hiếu và... Mỹ Linh, các người bây giờ ở đâu, làm gì ? Các người có biết tôi đang nằm trong bệnh viện và đang nghĩ về các người, mong được nói với các người những lời cuối cùng của tôi trước giờ tôi nhắm mắt,

đền tội chăng ?

Những giòng chữ mà tôi lén lút viết đây, mai kia nếu có đến được dưới mắt các người, thì xin các người hãy dành cho nó một đặc ân là *xem nó như tiếng nói của tôi đang nói với các người bằng sự có mặt của tôi* dù rằng lúc đó, xác thân tôi đã nằm yên dưới mộ...

Tôi xin bắt đầu từ Sơn...

Sơn mến,

Trước nhất, xin Sơn cho tôi được gọi như vậy để cho tình bạn giữa tôi và Sơn từ bao giờ đến bây giờ còn nguyên vẹn cái ý nghĩa cao sâu, đáng kính của nó. Vì rằng sau khi tôi kể, có thể Sơn sẽ không còn xem tôi là bạn nữa ! Tôi không muốn Sơn coi tôi như kẻ thù trong giờ phút này, dù rằng trước đây tôi chính thị là kẻ thù của Sơn thật sự !...

Sơn ngạc nhiên ? Ừ, không ngạc nhiên sao được ! Nhưng đây là sự thật, nó sẽ giải bày cho Sơn về sự ngạc nhiên đó...

Chắc Sơn còn nhớ cái tin Bích đang ở miền Đông mà tôi đã mách với Sơn trước hôm chúng mình chia tay nhau ! Sơn ạ, đó chỉ là một sự lừa dối của tôi để

MỘT NGƯỜI ĐÃ CHẾT

Son sớm xa tôi, cho lòng tôi đỡ hối hận, bớt giày-vò khi phải sống gần Son, nghe Son kể về nàng...

Nơi miền Đông kia, Son đã lặn lội qua bao tỉnh lẻ rồi? Hình ảnh Bích chỉ là cái bóng mờ. Nguồn hy-vọng gặp lại người yêu của Son chỉ là áng mây bay trên vòm trời rộng: *Bích đã chết!* Vâng, Bích đã chết rồi, Son ạ! Nàng đã chết vì tôi, vì cái thằng « ma cô » này! Tôi đã bắt cóc Bích đem bán cho nhà thờ. Nàng kháng cự và tôi đã lỡ tay đánh đập nàng trong một đêm buộc nàng tiếp khách... Nàng uất-ức, xấu hổ và đã quỳen-sinh...

Tôi vô cùng hối hận lúc được biết Bích là người yêu của Son sau khi Son nhờ tôi tìm hộ tin nàng và cho tôi xem ảnh nàng...

Mặt nạ đã rơi! Bây giờ thì Son đã hiểu tôi rồi. Cái bộ mặt thật ghê tởm của tôi vừa được ngụy trang qua một « nhà giáo » từ bấy lâu nay, chỉ để đánh lừa thiên hạ, trả thù cuộc đời mà thôi, vô tình đã phải « đối gạt » Son và « đưa dây » cả Mỹ Linh...

Ngày trước, tôi không đủ can đảm để thú nhận với Son rằng tôi đã làm chết Bích vì tôi tình bạn

giữa tôi và Son mãi sống, dù riêng lương tâm tôi bị giày-vò... Nhưng bây giờ thì tôi cần phải thú nhận, cần phải nói cả ra để Son biết... Tôi được sinh ra từ một người đàn ông nào, một người đàn bà nào, tôi vẫn không hề biết. Tôi chỉ biết rằng tôi đã sống trong một viện mồ côi và đã vượt tường trốn ra ngoài vào năm mười hai tuổi. Cũng đời đã xô đẩy tôi, bức bách tôi, bóp méo tôi, uốn nắn tôi thành một tên « ma cô » cứng đầu, ngang ngạnh dưới tay có hằng chục đàn em...

Nhưng bây giờ... bây giờ hết cả rồi, Son ạ! Thời oanh liệt của tôi không còn nữa! Đàn em kia đã phản bội tôi và tôi đã phải vào nằm liệt nơi cái bệnh viện bố thí này... chờ chết vì những vết đâm chém của nhiều người, mà trước kia họ đã từng tôn sùng tôi, nhờ vả tôi...

Son mến.

Trước khi từ biệt Son, bằng những lời thú thật chân thành này để rồi mai, một gì đây—chắc thế, vì tôi đã biết sức tôi—tôi sẽ nằm yên dưới lòng đất, tôi mong được Son bỏ lỗi cho tôi tha thứ cho tôi và cho phép tôi được gọi Son lần cuối cùng bằng

MỘT NGƯỜI ĐÃ CHẾT

hai tiếng: *Son* mến như ngày nào...

Bệnh-viện X.

ngày... tháng... năm...

(*Ký tên không rõ*)

✱

Hiếu,

Mày là thằng có tiếng can đảm và gan lì nhất trong « bọn đàn em » của tao, hẳn mày không đến đời phải khóc khi nhận được tin này: *tin tao đã chết*, chết vì những vết thương đâm chém do « bọn đàn em » của tao, trừ mày ra.

Giá mày còn ở bên tao thì sự kiện chắc đã trở nên khác vì tao biết mày không nỡ phản bội tao, hùa theo với chúng nó.

Ngày cho mày về quê hương với ông cụ bà cụ, tao buồn lắm. Dù mày nằng nằng đòi ở lại, tao vẫn cố ép mày phải đi vì tao không cảm lòng được trước sự nài-nỉ, van xin, khóc lóc của ông cụ bà cụ. Tao nghĩ rằng dù sao mày vẫn còn có thể làm lại cuộc đời nơi quê hương miền Tây hiền dịu của mày bên cạnh ông cụ bà cụ... Tao cho mày về mà tao không thấy luyến tiếc, tao chỉ thấy buồn vì xa mày mà thôi. Đêm cuối cùng từ giả nhau bằng những ly rượu nồng cay trong

gian quán nhỏ, tao không nghe mày nói với tao lời nào nhưng tao đã nhìn thấy nơi mắt mày, nơi cử chỉ mày rất nhiều lời chào thân ái. Mày đã chẳng ảm-ức dẫn nát ly trong tay, đồ cả máu ra là gì? Bao nhiêu giọt máu là bấy nhiêu lời tha-thiết của mày đó, phải không?

Hiếu,

Trong đời tao, trong đời « ma cô » của tao, không có giây phút nào tao thấy buồn và hối hận bằng giây phút này, giây phút mà tao sắp mất mày, mất Son và mất cả Mỹ Linh: Mày là em, Son là bạn, Mỹ Linh là tình... Ba hình ảnh thân yêu đó, tao luôn khắc để trong tâm và mong có ngày được sống gần nhau sau khi tao từ bỏ được lớp áo « ma cô », quay về con đường thiện... Nhưng ý nguyện của tao bây giờ không còn có thể thực hiện được nữa. Tao sắp chết!...

Hiếu,

Tao biết những giòng này làm mày cảm-động, rồi tức giận... Máu nóng mày sôi lên, mày có ý định trả thù cho tao? Tốt lắm, mày can đảm lắm, trung thành lắm... Nhưng tao khuyên mày đừng nên làm thế, đừng nên trả

thù làm chi. Tao bây giờ không còn oán hận gì chúng nó nữa đâu ! Hãy tha thứ cho chúng nó và hãy dành sức lực mày, làm việc khác có ích lợi và tốt đẹp hơn...

Thôi, tao dừng đây vì còn phải chờ thời giờ viết cho Mỹ-Linh nữa...

Chúc mày sống vui và gặp nhiều may-mắn.

Bệnh-Viện X ngày..tháng.. năm...

(Ký tên không rõ)

Mỹ-Linh em,

Anh vô cùng đau đớn khi phải viết cho em những giòng này, những giòng mà đáng lẽ ra phải được viết từ những trang đầu dành riêng cho ba người thân yêu nhất trong đời anh: Sơn, Hiếu và em. Nhưng anh không muốn phải giải thích với em về tất cả những sự kiện đã xảy ra : hành động của anh, tung tích của anh và lý do cái chết này của anh hôm nay...

Những lời thú-nhận của anh với Sơn và những lời tâm tình của anh với Hiếu trên kia, đã cho em hiểu được thâm ý anh trong giây phút này. Bây giờ thì anh chỉ còn xin lỗi em về sự lừa phỉnh

che giấu của anh đối với em từ bấy lâu nay... Nhưng mà...

Mỹ-Linh em,

Thật ra hai tính từ kép « lừa-phỉnh » và « che giấu » kia, không phải là những đòn bẩy mà anh muốn gài ra để đánh bại em, du em vào cuộc phiêu lưu cô độc nơi miền Trung buồn tẻ ấy đâu. Những đòn bẩy đó chỉ là mưu định của anh : Anh mong có ngày được theo sống bên em nơi miền Trung tẻ buồn nhưng yên lành và hạnh phúc... Anh đã tự hẹn với lòng rằng sẽ cố-gắng trở về con đường thiện sau ngày yêu em... Nhưng trời không giúp anh và đã hại anh ! Miền Trung kia anh sẽ không bao giờ đến và em sẽ không bao giờ còn được nhìn thấy mặt anh !... Tình yêu đôi ta từ nay cách biệt hẳn rồi !..

Ngày xưa, anh đã giấu em về những hành động « ma cô » của anh và anh đã đội lốt một « nhà giáo » để tán tỉnh em, thuyết phục em trong những ngày em về nghỉ hè ở đây. Và em đã tin anh, đã yêu anh. Bây giờ thì anh thấy thêm khát được làm một « nhà giáo » thực sự để ngày ngày chung tay với em, sống gần em bên lũ trẻ thơ nơi miền Trung xa xôi ấy !..

Mỹ-Linh em,

Anh đã đuối sức quá rồi... Những vết thương hành hạ cơ thể anh mỗi lúc mỗi nhiều. Máu trong buồng ngực anh vẫn cứ rỉ ra theo nhiều vết đâm chém... Anh đã chịu đựng quá lâu, tám ngày rồi còn gì nữa ! Chắc rằng anh sẽ không qua khỏi đêm nay...

Anh muốn viết cho em nhiều nữa, thật nhiều nữa nhưng anh không còn đủ sức để điều khiển ngòi bút. Chữ anh đã ngoằn ngoèo, xiêu vẹo quá rồi. Viết thêm, e rằng em sẽ không đọc được... Hơn nữa, anh cần phải chấm dứt nơi đây để còn có thể ghi được ngày tháng, ký được tên cho em nhìn thấy lần cuối...

Hôn em và vĩnh biệt.

Bệnh-viện X.

ngày... tháng.. năm...

(Ký tên không rõ)

4. —

Tôi đến thăm bác-sĩ giám-đốc bệnh-viện X vào một buổi chiều... Nhân khi chờ đợi đến vấn-đề vấn-nghệ nước nhà, bác-sĩ chợt nhớ

ra tập bản thảo bút ký của một người vừa chết nơi bệnh-viện ông, và ông đã tìm lấy trao tay tôi...

Bản-thảo được viết bằng nét mực nguyên-tử đỏ, trên tập vở học trò, loại 50 trang. Tôi tìm thấy nơi trang 48, bên dưới chữ ký cuối cùng có ghi thêm giòng chữ nguệch-ngoaç, bỏ dở : Yêu cầu được chuyển đến nhà...

Tôi khẽ hỏi bác-sĩ :

— Sao bác-sĩ chưa...

Bác sĩ hiểu ý, sẽ mỉm cười đáp lời tôi bằng một giọng vô cùng chân thành và cảm động :

— Bạn nghĩ mà xem ; tên người chết tôi còn không biết thì làm sao biết được nhà mà chuyển. Chữ nhà ở đây có thể là nhà... vẫn, nhà báo các anh chăng ?

Tôi thấy lời bác sĩ nói có lý.

Và tôi không ngần ngại đem in tập bút ký ấy lên mấy trang báo này. Trước nhất, mong được làm vui lòng người chết, sau nữa, mong nó sẽ đến được dưới mắt ba người thân yêu kẻ xấu số nơi ba phương trời xa xôi kia.

Tăng-cường sinh-lực
BẢNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

ước muốn của tháng bảy

* BÙI-BẢO-TRÚC

Nếu cho tôi một thời- gian
dài hai mươi tuổi
tôi sẽ nghĩ về những ngày sâu tối
trong nỗi buồn đau nô- lệ

nếu cho tôi một con đường nam- bắc
tôi sẽ xin ra đi từ mũi cà-mâu

nếu cho tôi một con đường không biên-cách
thì xin đừng chắn ngang bằng những chiếc cầu
những chiếc cầu gỗ gậy

nếu cho tôi một đêm rất dài
tôi sẽ gục đầu khóc
hết những người anh em đã chết
trên những chiều điện- biên.

cái chết thảm thương của



Yamamoto (mặt)
trước khi lên
đường thanh tra.
ở đảo Solomons
bị phục kích chết

YAMAMOTO

anh hùng đệ nhất
của nước Nhật trong trận
thê chiến thứ II

* Lưu - Bằng

TRONG chiến tranh, nhiều khi có những tin hết sức hệ trọng lớn lao, nhưng lại đến một cách lặng lẽ bất ngờ. Vụ mưu sát đô đốc Yamamoto đệ nhất anh hùng của Nhật cũng đã thành hình từ một sự tình cờ kỳ lạ.

Hôm ấy, vào giữa tháng tư năm 1943 trong căn phòng mật mã được canh giữ cẩn mật của hành dinh đô đốc William F. Halsey tại Nouméa, Tân Calédonie, các chuyên viên mật mã nhờ khám phá ra mã hiệu của quân Nhật từ lâu nên đã bắt được một nguồn tin bất ngờ: Cuộc hành trình sắp tới của Đô đốc Isoroku Yamamoto. Ông này 59 tuổi, tư-lệnh hạm đội Hoàng gia Nhật và là người đã sắp đặt cuộc tấn công Trân châu cảng ngày nào.

Khởi nguồn một cuộc phục kích

Các tay thám mã bắt được một tin hiệu vô tuyến của Nhật và đã mở khóa của bản tin một cách mau chóng. Yamamoto sẽ rời khỏi căn cứ hải quân ở Rabaul, New

Guinea cách Nouméa 1400 dặm về phía tây bắc để lên phi cơ bay đi Bougainville xa 300 dặm.

Lo ngại trước bước tiến của quân Mỹ xuyên qua quần đảo Solomon Yamamoto muốn bay đi thanh tra một chuyến để quan sát tận mắt và thử tìm xem có cách gì ngăn chặn quân địch không. Theo bản tin, ông ta sẽ đáp xuống phi trường Kahili ở phía nam Bougainville rồi lội nước một quãng ngắn đến đảo Shortland. Tự nhiên là Nhật không ngờ rằng Mỹ đã dò ra cách mở khóa những mã hiệu của mình.

Một điều lạ lùng là bản tin vô tình tiết lộ cuộc hành trình của một vị tướng lãnh quan trọng và không thể thay thế lại không phát xuất từ một giới chức cao cấp mà lại gọi từ văn phòng một viên chỉ-huy thủy phi hoàn toàn tầm thường ở Shortland. Vì quá chú trọng các tiêu tiết và lo ngại trước cuộc thanh tra của Yamamoto, vị sĩ quan nhỏ bé kia muốn tin chắc rằng các thuộc cấp khác đều hay lãnh tụ cao cấp của họ sẽ đến viếng. Có biết đâu vô tình ông đã khởi nguồn một cuộc phục kích ly kỳ gay cấn như trong lịch sử chiến tranh.

PHỤC KÍCH YAMAMOTO

Chỉ đứng sau Nhật hoàng và Thủ tướng

Nhiều người Mỹ hãy còn nhớ Isoroku Yamamoto là người hứa hẹn sẽ đọc những điều kiện hòa bình cho Bạch-Cung nghe theo. Sự thực Yamamoto không hề kêu gọi hòa bình, nhưng ông tượng trưng cho phái quân nhân Nhật hách dịch, kiêu hùng. Ông đánh kiếm giỏi, uống rượu như nước lã và rất khát khe trong vấn đề phục trang và sự đúng giờ. Ông vẫn thường mặc đồ trắng bị bõm ở một trại lính lầy lội vì mưa giữa rừng để tới đúng giờ cuộc tranh tra buổi sáng. Ngoài ra ông còn là một chiến lược gia kỳ tài tiên liệu đúng được mọi sự việc sẽ xảy ra. Nếu có một người nào mà nước Nhật không muốn mất và cũng không thể mất, người đó chính là Isoroku Yamamoto.

Các sĩ quan tình báo Mỹ tại Nouméa hiểu rõ tầm quan trọng của bản tin mà họ vừa nhận được.

Với tính hay giữ đúng giờ, chắc chắn Yamamoto sẽ có mặt ở nơi và theo đúng giờ khắc đã tru định. Ông sẽ đáp

xuồng Kahili lúc 9 giờ 45.

Đô đốc Halsey nghe tin này lây làm kích-thích, vui mừng. Ông quyết hạ cho được Yamamoto mà ông liệt vào hàng thứ ba trong danh sách những kẻ thù công cộng (Sau vua Hirohito và Thủ-tướng Tojo). Ông gửi một bức công-điện cho đô-đốc Chester W. Nimitz, tư-lệnh Hạm đội Thái-bình-dương ở Honolulu. Nimitz cũng lại đánh công-điện về Hoa-thịnh-đôn kèm theo mấy câu hỏi riêng: Sự loại trừ Yamamoto có giúp ích gì cho cuộc chiến đấu của ta không? Nhật có ai để thay thế cho ông ta không?

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, Halsey nhận được lệnh của Bộ trưởng Hải quân Frank Knox bảo phải hạ Yamamoto. Trong lịch sử Hoa-kỳ, chưa hề có một vị bộ trưởng nào lại đưa xuống một cái lệnh như thế: phục kích và hạ sát một tướng lãnh địch. Nhưng Knox đi đến quyết định trên một cách dễ dàng. Tất cả các cờ vắn đều đồng ý ở một điểm: Nhật không có ai để thay thế Yamamoto.

16 Phi cơ lên đường

Bây giờ Halsey gọi tin vô tuyến cho Đô - Đốc Marc Mitscher, chỉ huy trưởng các không đoàn đồng minh. Hải quân và Lục quân ở quần đảo Solomons, Mitscher mới họp tất cả sĩ quan tham mưu, các chỉ huy trưởng phi đội, trình bày kế hoạch một cách cặn kẽ.

Trở bản đồ trên vách; Mitscher giải thích rõ các phi công sẽ phải bay hơn 400 dặm trên mặt nước từ phi trường Henderson đến nơi gặp Yamamoto. 18 chiếc P-38 dưới sự chỉ huy của Thomas W. Mitchell sẽ đảm nhận công việc này.

Một số phi công thắc mắc không biết nên hạ sát Yamamoto trên không hay trên mặt nước. Bản tin của Nhật cho hay sau khi đáp xuống Kahili, Yamamoto sẽ dùng khu trục hạm vượt qua eo biển giữa Bougainville và đảo Shortland.

Tất cả các phi công đều đồng ý với nhau rằng hải phận trên thường có tàu nhỏ của địch qua lại tuần tiễu nên khó biết được chiếc nào có chở

«mồi» của họ. Và do đó, cần chặn đánh Yamamoto ngay lúc ông ta còn ở trên không.

Kế hoạch và thời gian chặn đánh được nghiên cứu, bàn cãi thật kỹ lưỡng, rõ rệt.

Hôm khởi sự, sáng chúa nhật 18 tháng 4, thời tiết rất tốt. Trời trong sáng nhìn được thật xa.

18 chiếc P. 38 lần lượt cất cánh lúc 7 giờ 25. Nhưng một chiếc bề bánh xe, một chiếc phải trở về vì thùng xăng dưới bụng nghẹt. Thành thử chỉ còn có 16 chiếc, sẽ đối chọi với đàn Zero của Yamamoto. Tất cả bay về phía tây bắc gần như men theo bờ biển Nam Thái-bình-dương.

Những chấm đen xuất hiện

Lúc này, Yamamoto cũng vừa ngồi vào chiếc ghế phi công trên chiếc oanh tạc cơ hai máy Mitsubishi Betty. Trước kia, ông cũng là một phi công cũ khò. Sáng nay ông mặc đồ kaki vàng thay bộ đồ trắng thường lệ, có lẽ

vì sợ gây sự chú ý của «điệp viên địch» ở Bougainville.

Máy bay cất cánh : hai chiếc Betty chỉ có chín chiếc Zero theo hộ tống, Tham - mưu - trưởng của Yamamoto, đô đốc Matome Ugaki ngồi trên chiếc Betty thứ hai có thể trông thấy tâm thần cứng thẳng của «sếp» mình qua cửa sổ của cockpit chiếc phi cơ dẫn đầu sau khi đàn phi cơ lên đến trên cao 5000 bộ Ugaki thấy Yamamoto rời khỏi ghế phi công và đi đi lại lại trong cái khoảng trên phi cơ đặc biệt dành riêng cho hành khách.

Yamamoto có biết đâu rằng thiếu tá Mitchell và 15 chiếc P.38 Lightning đang bay về phía ông. Mitchell lướt qua quần đảo Russel, tránh hai đảo New Georgia và Vella Lavella sợ có quân duyên phòng của địch ở hai nơi này. Ông hướng dẫn các phi công của ông trong sự im lặng hoàn toàn, duy trì lộ trình theo kim từ điện. Các vị trí kẻ tiếp được do theo kim chỉ tốc độ và những luồng gió quen thuộc.

Cuối cùng vài phút sau 9 giờ 30, Mitchell ra đầu vợt lên cao. Bóng của quần đảo

Treasury ngoài khơi Bougainville đã hiện lên ở chân trời về phía tây bắc. Đúng vào lúc 16 phi công sắp sửa cho phi cơ lên cao hơn nữa, tất cả đều thấy cùng một cảnh tượng : đó là những chấm đen theo hình chữ V từ đằng xa năm dặm bay gần lại theo hướng 10 giờ. Họ bèn bỏ rớt mấy thùng nhiên-liệu dưới bụng phi-cơ để có thể vọt lên cao được nhanh hơn. Lúc này có thể nhận dạng đối phương rõ ràng rồi : hai chiếc Betty bay cao 4.500 bộ có chiến-đầu-cơ Zero theo hộ tống ở trên cao 1500 bộ.

Chiến thuật của các phi công Mỹ rất giản dị : bay trên cao và trước đầu địch rồi đâm bổ xuống. Mitchell tiếp tục lên cao để có thể yểm trợ cho đại úy Lanphier và ba chiếc chiến đầu cơ khác thi hành nhiệm vụ. 1 ôi trong khi các phi công Mỹ đang thắc mắc không biết địch có nhận thấy mình chưa thì một phi công trong toán của Lanphier, trung úy Besby Holmes lại không thể nào buông rớt thùng xăng dưới bụng. Thùng xăng này sẽ làm cho chiếc

P.38 khó xoay sở và trở nên vô dụng.

Nhưng rồi lát sau, Holmes cũng liệng bỏ được thùng xăng và tất cả bốn chiếc đầu cơ đồng loạt bay vút lên cao theo góc 35 độ, tốc lực 200 dặm một giờ.

Như một ngọn lửa hỏa táng

Mây chiếc P. 38 chỉ còn cách chiếc Betty gần nhưt chừng một dặm thì bị chiếc này trông thấy. Nó đâm chúi xuống trông khi chiếc Betty kia hướng vào phía bờ biển Bougainville. Đám Zero rá khỏi hàng, đâm sầm bay thẳng vào Lanphier lúc này đang ở độ cao 6.000 bộ, chiếc bay đầu tiên cho khạt đạn ở mây họng súng bên cạnh, nhưng viên phi-công Nhật bắn kém quá, đạn hụt cả. Lanphier bắn trả liền. Bị trúng nhiều viên đạn, chiếc Zero xoay tít phía dưới chiếc P. 38 giữa « một vùng lửa khói » rồi đâm thẳng xuống khu rừng xanh ngát.

Bên phe địch, ý-thức đầu tiên về nguy cơ của đô đốc Ugaki là tiếng « găm » bắt ngờ

của dàn máy chiếc oanh tạc cơ và việc đột ngột chúi xuống khu rừng phía dưới. Phần Lanphier, chàng bámsát chiếc Betty gần nhưt không kể sá gì đến hai chiếc Zero đang đuổi theo sau.

Chàng ấn lên nút ô súng bắn một tràng dài. Bộ máy mặt của chiếc oanh tạc cơ Betty rời cánh mặt của nó bộc lửa.., phi cơ Nhật một khi đã bén lửa rồi là cháy mạnh như giấy.

Từ chiếc phi cơ kia, đô đốc Ugaki trông thấy một vầng lửa màu cam vàng ửng bao trùm chiếc Betty vô phúc. Một điều lạ lùng là dường như ông thấy được Yamamoto hãy còn ngồi thẳng trên ghế phi công như mọi khi.

Bỗng nhiên thấy có những luồng đạn bay vun vút qua cánh cửa chính chiếc phi cơ Ugaki đang ngồi. Phi công bay ngược trở lên để tránh rồi hướng ra biển. Ugaki chưa xót trước nỗi bất lực của mình và có cảm tưởng sẽ không bao giờ gặp lại vị lãnh tụ thân yêu nữa. Vài giây sau, một luồng khói đen từ dưới rừng Bougainville cuộn

cuộn dâng lên như ngọn lửa hỏa táng xác nhận mỗi lo sợ của Ugaki.

Lúc đó đúng 9 giờ 34 phút sáng chúa-nhật 18 tháng 4.

Tàn công xong, Lanphier bay sà trên mây ngọn cây, chừng cảm thấy lá quét ào xào phía dưới lườn tàu, chàng mới cho phi cơ lên thêm vài thước chớ không muốn lên cao quá sợ biến thành mỗi ngọn cho bầy Zero hãy còn đuổi theo.

Chàng gọi Mitchelly yểm-trợ chàng từ trên cao « xin gửi xuống người nào không bận ». Rồi chàng tiếp tục lượn qua lượn lại dùng đủ mọi cách để tránh đạn của địch từ phía sau. Với một số đạn đã vơi đi nhiều và với chiếc Lightning bị trúng ít nhất 2 viên đạn 7 li 7 và bình xăng gần cạn. Lanphier rẽ sang phía đông nam về Guadalcanal và về nhà.

Oai hùng cả lúc chết

Sở phận chiếc Betty của Ugaki cũng không may mắn gì hơn. Ba chiếc P.38 vây quanh khiến cho viên phi công không tài nào tránh đi

đâu được. Ugaki cảm chắc cái chết trong tay chỉ dương mắt nhìn qua khung cửa sổ như mê mẩn. Ông có cảm tưởng đứng trước một tiểu đội hành quyết đang bồng súng chào trước khi bắn ông ngã gục. Máy chiếc P.38 thay nhau bắn vào cánh phải rồi cánh trái và hạ lần lượt các xạ thủ đại liên trên chiếc oanh tạc cơ Betty.

Cuối cùng động cơ còn lại nổ tung lên, chiếc phi cơ đó rục lửa đâm chúi xuống biển bắn nước tung lên trắng xóa những bọt.

Sứ mạng đã hoàn thành, các phi công Mỹ chỉ tìm cách đánh tháo trở về. Một người bị trúng đạn ở bộ máy bên trái nên chúi dần xuống khu rừng phía dưới như con chim to bị thương. Ông ta không đưa máy bay lên được để nó rơi hẳn xuống rừng nổ tung lên. Một người thứ hai hết nhiên-liệu nhưng cũng đáp được xuống đảo Russell thân thiện. Một số phi công khác bị trúng nhiều viên đạn dưới lườn tàu mà vẫn về tới nơi.

Quân Nhật ở Bougainville vớt Ugaki và viên phi công

chiếc Betty ngoài biển, chỉ có ông này còn sống sót trong số 2 thoan ác cơ và 3 chiếc Zero bị hạ buổi sáng chúa nhật tại tại đó. Đoàn người cứu cấp tới khu rừng đặng sau phi-trường Kahili cô dập tắt ngọn lửa dưới đất do xăng của chiếc Betty chảy ra làm cháy để phải chứng kiến một cảnh tượng nào lòng: dáng người cháy thiêu nhưng còn nhận ra được của đô đốc Isoroku Yamamoto hãy còn ngồi trên ghế phi-công và hãy còn nắm chặt cây gươm samourai.



Hay tin này, Hải quân Mỹ vui mừng vô tả, nhưng không tiết lộ chi tiết cho thế giới biết vì lẽ không muốn cho địch hiểu mình đã dò được mã-hiệu của họ. Ngoài ra vì lý do này có tính cách cá nhân, anh của một viên phi-công tham dự cuộc phục kích đang bị Nhật giam giữ. Nhật có thể trả thù lên người anh này nếu biết sự thật bên trong cái chết của Yamamoto.

Thê rồi một tháng sau, đúng ba giờ trưa, đài Đông-kinh loan báo : « Đô đốc Isoroku Yamamoto tư lệnh Hạm đội Nhật hoàng trong khi điều động hành quân ở tiền tuyến hồi tháng tư năm nay đã chiến đấu ác liệt với địch và đã chết một cách anh dũng trên một chiếc phi cơ.

Hải cốt của đô đốc được đưa về xứ sở ngày 5-6-1943 và được làm lễ quốc táng trọng thể tại công viên Hibiya ở Đông Kinh.

Ở Hoa kỳ chi tiết về cái chết của Yamamoto cũng hiếm hoi như ở Đông Kinh. Phòng Thông tin chiến tranh đưa giả thuyết không chừng Yamamoto tự tử. Lại còn có tin đồn - không được đính chánh - là phi cơ của ông đã rơi một cách bí mật ở ngoài khơi Bangkok.

Đô đốc Mineichi Koga tương đối ít tiếng tăm thay thế chỗ trống của Yamamoto. Các trận thủy chiến vẫn tiếp tục nhưng vắng Yamamoto, phe Nhật bắt đầu núng thẽ.



xưa buồn

mưa rơi nặng cò tích sầu
trở tay cứ mãi yêu màu vàng xưa
buồn nồng nả bóng trắng mờ
sóng khuya dồn lạnh bây giờ có nhau
xin em ngoan giấc ngủ đầu,
hồn yên xác tịnh bên lầu trăm năm

nay buồn

bàn tay hy vọng xa xăm
đã nghe thế kỷ âm ăm sóng xô
lệch chân đất lở bên bờ
em đi cò tích ngàn xưa hiện về
loạn bày ác điều trời kia,
bụi tung phố nhỏ hồn lia bến xanh

mai buồn

trăm muôn chim én xây thành
đời xưa lại mọc trái xanh bên vườn
cỏ hoa em mộng bình thường
tặng em giọt nước cành dương la đà
trời cao tháng hạ buồn so
cuối thu mưa rụng, ngoài ô gió đong
chạnh người sương khói chiều-đông
Khi xuân ơi thổi cho lòng thấm tươi
vầng trăng thế kỷ thương đời
mặt tình đêm quạnh soi ngời núi non

✱ TRẦN-TUẤN-KIỆT



NIỀM BI - AI CỦA HÀ

* Hoàng-Thắng

Từ trong hẻm bước ra lộ, Long chợt nhìn thấy bóng hai người con gái đang đứng đón xe buýt, dưới hàng cây phượng nhỏ. Ánh nắng buổi gần trưa đã chói chang gay mắt. Vào ngày chủ nhật, con đường này vắng vẻ xe cộ. Mặt nhựa như rộng ra, thân hắt hắt bóng. Long bước lại gần. Anh tính lên Saigon để mua

NIỀM BI AN

một vài thứ lặt vặt. Ngay lúc đó, người con gái mặc áo dài màu xanh lơ tình cờ quay lại. Nhận ra anh, nàng mỉm cười. Long cũng khe reo thầm. « Hà ! » Phải rồi. Chính là Hà. Người yêu cũ của anh. Chắc Hà đang yên vui hạnh phúc với chồng. Long đột nhiên đau nhói. Anh thấy mình đã mất hẳn Hà rồi. Dù đã được nàng báo tin trước nhưng giờ đây gặp lại người yêu, anh cũng thấy bồi hồi xúc động pha trộn sự tiếc nhớ và hờn giận.

Long còn nhớ rõ những lời nàng nói với anh trong buổi gặp nhau lần chót :

— Tình đôi ta tới đây là hết, em phải đi lấy chồng. Em không thể nào hiểu được anh.

Rồi nàng trao cho anh tấm ảnh nhỏ với hàng chữ « Nếu cần hãy cứ quên đi ».

Sau đó, Long không còn gặp lại người yêu lần nào nữa. Giờ đây, trong lúc không ngờ nhất, anh lại gặp nàng. Với một người con gái nữa, chắc là bạn. Và chỉ cách chỗ anh ở có vài chục thước, nơi Hà từng tới thăm anh mỗi chủ nhật. Như vậy, Hà đâu còn nghĩ tới anh nữa. Thời thế cũng xong. Long tự nói với mình rồi nghiêng mặt bước đi thẳng.

Nhưng Hà đã bước lẹ theo gọi anh :

— Anh Long ! Anh đi đâu vậy ?

Long đành phải đứng lại. Anh nhíu mày hỏi :

— Còn em, em đi đâu thế ?

— Em đón xe-lô để về Phú-Thọ.

Hắt đầu về phía người con gái còn đang đứng bên cột xe buýt, Long hỏi :

— Em đi với ai vậy ?

Hà mỉm cười :

— Một người cũng đón xe như em. Anh ! anh đi đâu thế ?

— Anh định lên Saigon. Còn em ở đâu tới đây và định đi đâu ?

— Anh quên là em nói về Phú Thọ à ?

— À, ừ, nhưng tại sao em không đến thăm anh ?

Hà ngập ngừng :

— Em ngại những người chung quanh đề ý.

Long khó chịu :

— Việc gì mà ngại. Em đến thăm anh chứ thăm họ hay sao ?

Hà, hay là bây giờ chúng mình quay lại đi.

Hà lắc đầu :

— Thôi đề khi khác anh ạ.

Long đành chịu nhũn :

— Hay chủ nhật tới ?

Hà nói lảng :

— Bây giờ anh có rảnh không ?

— Rảnh. Có chuyện chi em ?

— Nếu vậy anh tới nhà em chơi cho biết chỗ.

Nếu vậy anh tới nhà em chơi cho biết chỗ. A, cô nàng có ý nghĩ gì mà lại mời mình tới nhà chơi nhỉ ? Nàng không sợ phiền hà sao ? Rồi chớ em sẽ nghĩ về anh ra sao khi anh ra về ?

— Sao ? Đi được không anh ? Hà hỏi lại.

Đi thì đi sợ gì. Miễn mình phải giữ ý tứ một chút. Đàn bà lạ thật. Toàn chơi trò nguy hiểm. Long liền gật đầu.

— Cũng được.

Một chiếc xe taxi chạy lướt qua, Long dơ tay vẫy. Chờ xe ngừng, anh mở cửa nhường cho Hà lên trước. Đóng mạnh cánh cửa, Long mở lời :

— Không ngờ chúng mình lại gặp nhau hôm nay nhỉ. Hơn một năm rồi đấy. Nếu không gặp anh, chắc là em dám đi luôn lắm.

Hà mỉm cười, ngả đầu vào vai Long :

— Anh vẫn mạnh chứ ?

— Vẫn như thường. Còn em ? Hạnh phúc chứ ?

Đôi lông mày người con gái nhú lại, nàng không trả lời. Câu chuyện giữa hai người ngừng lại. Chỉ còn nghe tiếng máy xe nổ dần. Long lại nghĩ tới chuyện cũ. Đã một lần, Hà hỏi anh đề lấy một quyết định :

— Em mới nhận được điện tín ngoài Trung gửi vào. Di em

bệnh nặng sắp mất. Nếu em về ngoài đó em sẽ được hưởng hết gia tài một khi di em mất. Còn như em không về thì coi như là không có em rồi, người khác sẽ được hưởng.

Nếu như trước kia thì không nói làm gì, nhưng nay có anh, nên em phân vân quá. Ở lại với anh, em sẽ không có gì hết, mà về thì lại mất anh. Vậy ý anh nghĩ thế nào ?

Long đáp không suy nghĩ :

— Em cứ về ngoài đó. Nếu di em khỏi thì em lại trở vào đây. Còn như di em có mất đi thì em cứ việc nhận gia tài đó. Có gì khó khăn đâu.

Hà xoa tay :

— Đâu có dễ dàng như thế. Nếu ra nhận gia tài, em phải ở lại đề trông coi ruộng vườn chứ. Như vậy em sẽ mất anh.

Ngập ngừng đôi chút, Hà nói thêm :

— Hay là khi đó anh cùng về ở ngoài với em ?

Long lắc đầu nhanh :

— Ở như vậy kỳ quá hà ! Cuộc sống của anh là ở Saigon chứ đâu phải ở một tỉnh lẻ miền Trung.

— Rồi quen đi chứ.

— Không thể nào được. Anh quen nếp sống ở đây rồi, đi nơi khác chắc anh chịu không nổi.

Hà cắn môi suy nghĩ :

— Hay là em không về nhận gia tài nữa. Em vẫn ở lại đây và chúng ta lấy nhau.

Không được. Không được. Em tính như thế là làm cho em mất cả một gia tài. Minh đâu có giàu có gì đề cho cả hai cùng thỏa mãn trong cuộc sống hiện nay.

— Em đừng nên nghĩ thế, em phải về. Nếu em thấy ghét ngoài đó em có thể bán hết gia sản rồi vào trong này buôn bán được mà.

— Em sợ mất anh.

— Không. Anh sẽ chờ đợi em. Tình của chúng ta vẫn trọn vẹn. Miễn em còn nhớ đến anh.

Mô người con gái gấu liền vào môi Long. Hà không muốn nói nhiều nữa.

Một tháng sau, Hà trở vào Saigon. Dì nàng đã mất.

— Em không nhận gia tài của dì em. Và em cũng sẽ đi lấy chồng. Em không thể nào hiểu được anh. Nếu hồi đó anh bằng lòng về với em... nếu anh thiệt tình yêu em. Em đâu có cần lãnh gia tài. Em chỉ cần tình yêu. Cần sự chân thành.

Thôi rồi, Hà nào hiểu được lòng mình. Đi theo người yêu và sống bám vào ruộng đất của người mình yêu ư? Đâu được, xúi nàng bán đi rồi đi theo mình, cũng đâu có được. Đã không hiểu nhau lại thêm sự nghi ngờ xen kẽ, thù là xa nhau.

Và xa nhau thật. Đều rồi giờ đây, hai người cùng ngồi chung một khung xe và mỗi người một ý nghĩ.

— Hình như xe chạy quá rồi bác tài ạ. À, đúng rồi, đi quá rồi.

Tiếng Hà đột vang lên làm Long dứt bỏ vội dĩ vãng. Chiếc taxi đã chạy tới con đường Hà ở. Long mỉm cười hỏi:

— Em tìm số mấy?

— Số 142.

Liếc nhìn số nhà bên đường, Long nói:

— Quá rồi.

Khi chiếc xe quay lại, Long hỏi Hà:

— Chắc em không ở đây nên em mới không nhớ?

— Đâu có, em ở đây mà, chung với một cô bạn.

Long ngạc nhiên:

— Ở với cô bạn gái? Thế còn...

— Em ở với cô bạn gái. Cả hai cùng đi may để sanh sống.

Long nghi ngờ hỏi lại:

— Vậy sao em lại không nhớ chỗ ở.

— Em ở trong ngõ. Chốc nữa anh sẽ biết. Ngõ đã hẹp lại ngoắt ngoéo lắm. Rất có thể lần sau anh tới mà không tìm được nhà đó.

Chờ cho Long trả tiền xe xong, Hà chỉ ngõ hẹp lầy lội:

— Mỗi lần trời mưa, ngõ này dơ lắm. Anh đi sát tường nhà độ một quãng là tới nơi, em sẽ giới thiệu với chủ nhà cũng như với cô bạn em, anh là ông anh họ mới ở Qui Nhơn vào nhé!

— Em muốn thế nào cũng được, Long đáp, mắt vẫn nhìn xuống đất để tránh những vũng nước.

Nơi Hà ở là căn lầu mái ngói. Có cửa riêng đi lên cầu thang. Như vậy cũng tiện khi đi về khuya. Bà chủ nhà đang thổi cơm, thấy Hà về lại có thêm người khách lạ, vừa đáp lễ Long đã nghe Hà giới thiệu:

— Đây là anh của cháu mới ở Qui Nhơn vào đây bác ạ.

Bà chủ nhà mỉm cười:

— Thế à! Mời ông lên lầu chơi.

— Xin phép bà. Long đáp rồi bước lên thang theo Hà.

Trên lầu, tiếng máy khâu kêu ròn. Một người con gái đang chăm chỉ may. Nghe tiếng động, cô gái ngừng đập ngừng đầu lên nhìn. Thấy Long, nàng đứng dậy khẽ cúi đầu chào! Cô gái hơi mập nhưng nét mặt có duyên. Hà giới thiệu:

— Cô Phụng, bạn em và đây là anh Long, anh họ của chị.

Cô gái cúi chào lần nữa rồi đi rót nước. Hà vội lên tiếng:

— Thôi em đừng rót nữa. Đề chị đi mua lade về mời anh Long. Bây giờ em lo nấu cơm là vừa.

Quay sang Long, Hà hỏi:

— Anh ăn cơm với bọn em nhé? Cơm xoàng thôi.

Long gật đầu. Trong lúc hai cô gái sửa soạn làm cơm, Long quan sát căn buồng. Đồ đạc của hai cô gái không có gì, ngoài hai chiếc máy khâu. Chắc cuộc sống cũng không dư dả gì. Vậy còn chồng Hà đâu? Chẳng lẽ hai người thôi nhau rồi? Long cứ vẫn suy nghĩ mãi cho tới khi hai người con gái dọn cơm.

— Anh nghĩ gì thế? Hà hỏi.

Long giật mình nhưng anh không đáp. Có Phụng bên cạnh mà hỏi chuyện thắc mắc đó cũng kỳ.

Sau bữa cơm, Hà trải chiếu lên chiếc divan cho Long nghỉ. Còn hai cô gái thì trải chiếu xuống sàn gỗ. Đột nhiên Hà hỏi:

— Lâu nay anh Long có thường nhổ tóc bạc không?

— Không em à!

Long muốn nói thêm: «Từ khi em giận dỗi bỏ đi, anh có còn ai nữa đâu đề nhờ nhổ tóc sâu!»

— Vậy đề em nhờ cho.

Nói rồi, Hà vâng ngồi dậy, bước về chỗ Long nằm. Vừa rẽ tóc tím tóc trắng, Hà kể cho Long nghe sự cơ cực của việc nhận đồ may mướn. Cực nhọc quá mà kiếm, chẳng được bao nhiêu. Bởi vì giá nhận lãnh rẻ quá. Nếu không nhận sẽ có người khác nhầy vào. đành sống tạm qua ngày.

Khi thấy Phụng đã ngủ say rồi, Hà vội vàng cúi xuống hôn Long say đắm. Long ghì đầu người yêu cũ rồi hỏi nhỏ :

— Còn chuyện em đi lấy chồng ?

Nét mặt Hà trở nên rầu rĩ :

— Làm gì có chuyện đó. Hồi đó em không hiểu được anh nên em nói vậy để xem anh nghĩ sao.

Long kêu lên :

— Trời đất. Sao lại thử kỳ vậy ? Tưởng em nói thật, anh đành chịu. Chẳng lẽ lại đi van xin tình yêu, hồi tưởng anh cũng có tự ái chứ !

Rồi ngập ngừng, Long hỏi thêm :

— Và bây giờ ?

— Em vẫn yêu anh !

Long thở dài nhẹ :

— Vẫn yêu anh mà không lại thăm anh.

— Tại em giận anh !

— Rắc rối quá hé ! Bây giờ em tính sao ?

Liếc nhìn cô bạn gái đang nằm ngủ, Hà chặm rai nói :

— Bây giờ em chưa thể về với anh được, vì còn Phụng.

Chẳng lẽ đề Phụng ở chung với chúng mình thì cũng bất tiện. Đề khi nào Phụng trở về với gia đình, lúc đó chúng mình hãy tính cũng không muộn.

— Thế Phụng...

— Phụng lên Saigon học may rồi vui chân ở lại luôn đây.

Nhưng em biết, rồi có một ngày Phụng nó sẽ trở về. Nhận đồ lãnh, ngồi may mỗi lưng mà không được là bao. Anh cứ yên tâm, chúng mình xa nhau hằng năm trời còn được nữa là thêm vài tháng nữa. Anh bằng lòng chứ ?

Long chỉ còn biết gạt đầu mà thôi.

Chiều hôm đó, Hà phải dẫn Long ra tận đầu ngõ vì anh không nhớ đường.

— Chủ nhật tới em sẽ lại anh.

Nhưng chủ nhật tới Hà không lại, và mãi ba tháng sau nàng mới tới. Vào buổi chiều, lúc trời đang mưa tầm tã. Long đang nằm hút thuốc lá. Rũ áo đi mưa, Hà cười nói :

— Có giận em không ? Mấy tháng nay bận quá nên em không có dịp tới anh được. Hôm nay mới hoàn toàn rảnh tới thăm anh thì gặp trời mưa.

Lấy khăn mặt trao cho người yêu, Long nói :

— Giận chứ. Nhưng bây giờ hết rồi. Em uống nước cho ấm. Phải những hạt nước mưa bám trên tóc, Long âu yếm nói :

— Sao em không đợi tạnh mưa hẳn hãy đi ?

Hà nguýt yêu :

— Đợi tạnh hẳn thì chắc anh bỏ đi rồi !

— Đúng vậy ! Nằm nhà buồn quá anh định thả đi tìm thằng bạn thì trời mưa, rồi em tới. Hóa ra may !

Thấy đồng quần áo dơ của Long vắt đầy chậu Hà vội mang ra :

— Tiện thế trời đang mưa, để em giặt liền rồi rũ.

— Ừ phải đấy. Còn anh đi pha café để thưởng công em.

Giọng Hà nhí nhảnh :

— Rẻ vậy à ?

— Thì anh thưởng luôn cho em cả người pha café nữa. Chịu không ?

— Hứ ! khôn thấy mồ ! Hà nguýt yêu.

Đêm hôm đó, Hà ở lại với Long. Hai người bàn tính chuyện tương lai. Bởi vì Phụng đã về xứ rồi. Cô gái ưa Saigon nhưng không thể sống được ở Saigon, đành phải trở về tỉnh lẻ dù trong lòng vẫn thèm muốn. Hà vẫn nhận lãnh may, Long đi làm. Buổi trưa, chiều về nhà ăn cơm.

— Chỉ còn nửa tháng nữa là hết hạn nhà em sẽ về đây. Đồ đạc lật vặt em tính cho luôn bà chủ nhà, chỉ mang máy may đi thôi.

Long nói đùa :

- Sao không cho luôn cả máy may để đi cho nhẹ?
- Hà cong cớn :
- Rồi anh có chịu mua cho em cái khác không?
- Lẽ dĩ nhiên là không?
- Vậy mà xúi dại người ta. Hà cấu nhẹ vai người yêu.
- Anh nói rõn mà. Để mai anh đi đánh thêm chiếc chìa khóa trao cho em, rồi bất ngờ hôm nào về em cứ việc mở cửa vào. Từ trước tới giờ anh cứ sáng đi tối về, về sau có em, buổi trưa anh sẽ ăn cơm nhà cho ngon miệng.

●
 Khi Long dọn nhà đi nơi khác, cách khoảng thời gian từ hôm Hà ngủ lại đã hai năm qua.

Chỉ còn nửa tháng nữa là hết hạn nhà, em sẽ về đây. Nhưng đã bốn mươi tám lần nửa tháng trôi qua rồi, Hà không quay trở lại. Một khoảng trống trong tâm hồn Long chưa có dịp nào được xóa lấp. Hà đi đâu? Tại sao nàng không lại? Hay nàng đã có một mối tình mới? Đam mê hơn? Mới mẻ hơn?

Long chỉ còn biết lắc đầu than thầm : « Đàn bà thiệt khó hiểu ! »



★ DANH NGÔN

Bổ cứu trời đất gọi là « công », ích lợi thế gian gọi là « danh », có tình thần gọi là « giàu », có liêm sỉ gọi là « sang », biết đọc sách gọi là « phúc », có tiếng thơm gọi là « thọ », có con cháu dạy được gọi là « Khương ninh ».

TRẦN-CẤP-SƠN

CAO BÁ QUÁT

Vua Tự-Đức có khen họ Cao không?

HỌ CAO BỊ CHÉM HAY TRỐN THOÁT ĐI TU?

● CỤ LƯƠNG VĂN CÁN CÓ PHẢI LÀ NGƯỜI CHÔN CẤT THI HÀI CAO BÁ-QUÁT

(tiếp theo P.T. 155)

NĂM Tự-Đức thứ tư (1851) được tin vua Hàm Phong nhà Thành mạt, vua Tự Đức bảo các đình thần làm câu đối viếng. Đình thần biết ông chữ tốt, mời vào đề viết, Cao-bá-Quát biết trước, nên khi vào thấy bút mực và vóc đề sẵn trên kỳ, ông viết liền :

Át mặt bát âm Đường bạc hải
 Bì hào vạn lý Tống thâm sơn
 (Nghĩa là tiếng bát âm im bất khắp biển nhà Đường; khi Đường

HỌ CAO CÓ PHẢI LÀ NHÀ CÁCH-MANG, VÀ LÀ TÁC GIẢ CỦA NHỮNG CÂU ĐỐI... DƯỚI ĐÂY CHĂNG ?

★ Thái-Bạch

thái Tôn mắt), tiếng kêu gào muôn dặm khắp núi sâu nhà Tống (khi Tống-nhân-Tôn mắt).

Đình thần thấy ông tự nhiên dám viết, ngạc nhiên xúm lại, nhưng ai xem cũng phục tài. Câu đối dâng lên, vua Tự-Đức cũng cho là được.

Khi Tùng-thiện-Vương, Tuy lý Vương cùng các thân sĩ mở thi xã Tùng Vân, nghe ông hay chữ, mời đến tham dự và đưa văn thơ của thi xã cho xem. Xem rồi, ông lấy tay bịt mũi, và phê vào tập thơ :

*Ngán thay cái mũi vô duyên,
Câu thơ thi xã con thuyền Nghệ an.*

Tuy thế, hai ông Tùng, Tuy đều không giận, lại còn đem ông giới thiệu với một thân vương khác. Thân vương này mời ông vào phủ uống rượu. Ông đến với đầu trần và chiếc áo dài trắng. Thân vương ra tận cửa đón. Thế mà rượu say, ông chỉ làm mấy câu thơ đề tạ rồi lặng lẽ ra về :

Hữu khách thỉnh ẩm tửu,

*Bất tri khách thị thù.
Kim tịch thị hà tịch ?
Thiên cao minh nguyệt tri.*

Nghĩa là :
*Có khách mời uống rượu,
Chẳng biết (khách ai đây) ?
Đêm nay đêm gì vậy ?
Trời cao trăng sáng hay.*

Khi vua Tự Đức sai đại thần Phan văn Nhã dự thảo bản văn Ngọc điệp. Ông Nhã làm xong, mời các quan đến uống rượu, đưa bản thảo cho mọi người xem, có ý khoe hay. Một viên đại thần khác cũng vốn cậy văn tài, nên xem xong, cất giọng .

— Ý các quan thế nào, chớ tôi thấy văn bác Phan làm lung củng lắm.

Lời qua tiếng lại, rượu vào, thành hai bên chủ khách cãi nhau. Viên đại thần nọ nổi nóng nói :

— Văn như thế, chớ làm cũng được !

Thế là thành đánh nhau. Việc đến tai vua Tự-Đức, vua cho đôi Cao-bá-Quát vào hỏi thêm chứng cứ, ông khai :

*Bất tri lý hà
Bỉ viết cầu, thử diệc viết cầu.
Bỉ thử giai cầu
Dĩ tương đầu ầu
Thần cụ thần lâu*

Nghĩa là :
*Chẳng biết tại sao,
Người này nói chớ, người kia
cũng nói chớ*

*Cả hai đều chớ.
Thành đánh đấm nhau,
Thần sợ thần chạy.*

Cũng thời gian tại Kinh, nhân thấy hai ông Hà-tôn-Quyền, Nguyễn-công-Trứ được nhà vua tin cậy, mà thường tự đắc về văn tài, nên vào một dịp Tết, ông đã viết dán đôi câu đối móc xỏ hai ông này :

*Ý cầm thương quýnh, quân tử
ố kỳ văn chi trú ;
Bao Tề ý Tấn, thánh nhân bất
đắc dĩ dụng quyền.*

Nghĩa là « mặc áo gấm phủ áo thừa ngoài ấy, vì người quân tử ghét vẻ sắc sỡ ; dung nước Tề, nề nước Tấn, là sự dùng quyền bất đắc dĩ của thánh nhân mà thôi ». Nhưng ở khía cạnh

khác, người ta cũng dự biết ông ngụ ý nói « quân tử ghét văn chương của tên Trứ, nhà vua phải bắt đắc dĩ mới dùng đến tên Quyền.

Khi làm giáo thụ Quốc-oai, ông bất mãn, dán hai câu đối ở học đường.

*Ba gian nhà trống, một thầy một
cò một chó cái,
Mấy đứa học trò, nửa người
nửa ngòm, nửa đười ươi.*

Quan Tổng đốc tỉnh Nguyễn-bá-Nghi sức các quan giáo thụ, huấn đạo trong hạt, cứ ngày đầu tháng phải dẫn học trò lên văn-miếu bình văn đề mình ngồi chủ tọa.

Ông theo lệnh, nhưng chỉ đưa các quyền xoàng ra, còn quyền nào hay để lại, dẫn học trò lên núi Sài-son bình riêng. Có người hỏi, ông bảo :

— Bình văn trên núi cho khi nghe, ở dưới đất không ai biết cả.

Việc ấy đến tai Nguyễn-bá-Nghi, ông này giận lắm, và cũng đem lòng ghét Cao-bá-Quát nữa.

Qua những mâu giai thạc trên,

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250mg
VITAMINE C
- 1483. BYT. DPBC.

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

chúng ta thấy Cao-bá-Quát quả người có tài văn chương và mẫn tiệp. Tuy nhiên ở mặt khác, người ta cũng phải nhận đó là những phần ảnh một cách trung thực cái bản tánh kiêu ngạo của ông, kiêu ngạo đến mức, thường khoe với người đời « Cả thiên hạ chỉ có bốn bề chữ, riêng ông chiếm hai bề, anh ông : Cao-bá-Đạt và bạn ông : Nguyễn-văn-Siêu một bề, còn một chia cho tất cả ».

Chính bản tánh ấy đã khiến ông càng ngày càng đi vào cô độc, bất mãn, đề tự gặt lấy cái hậu quả không đẹp.

Tiểu thay hữu tài mà vô hạnh !

Âu đây cũng là gương soi cho những kẻ tự cao tự đại, khinh thế ngạo vật, coi kẻ xung quanh lúc nào cũng tựa hồ rơm rác.

Những chuyện sau đây có phải là chuyện Cao-Bá-Quát ?

Ngoài những giai thoại đã kể,

còn nhiều sách, nhất là những sách vở mới xuất bản gần đây có ghi thêm một vài chuyện khác :

Có lần Cao-bá-Quát thấy hai bên cột Hoàng cung có hai câu đối :

*Thần khả báo quân ân,
Tử năng thừa phụ nghiệp.*

Nghĩa là : « bầy tôi có thể báo ơn vua, con cái có thể nối nghiệp cha ».

Ông phê bình cho đó là câu đối rất dở, là « thượng hạ đảo huyền, luân lý suy vi » vì bầy tôi ở trên vua, con ở trên cha. Việc đến tai vua, nhà vua đòi vào hỏi, ông tâu : « Không phải sửa chữa chữ nào, chỉ đảo lên thành « quân ân thần khả báo, phụ nghiệp tử năng thừa » là không ai còn bắt bẻ gì được.

Lại có lần, vua Tự-Đức mới nghĩ được hai câu thơ vừa Nôm vừa Chữ rất kỳ quặc, đem đọc các quan nghe, nhưng lại thắc nói là năm chiêm bao được thần nhân tặng :

*Viên trung oanh chuyển khê khà
Đã ngoại kỳ hoa lăm tằm khai.*

Thấy vậy, ông Quát cũng thác tâu :

— Đây là hai câu trong bài 8 câu, hồi đi học thần đã có nghe.

Vua bộp đọc cả bài. Ông cũng bịa luôn ra đọc ngay và ngụ ý xỏ vua :

*Thảo mã tây phong huếch hoác
lai,*

*Khuênh khoang thi tứ tự đề hài.
Viên trung oanh chuyển khê khà*

*Đã ngoại kỳ hoa lăm tằm khai
Xuân nhật bất văn sưng lộp*

*Thu thiên đa kiến vũ lồi nhài
Khê khê thi ký đa nhân thức,*

*Khệnh khạng tương lai vấn tú
lài*

Nghe xong, vua Tự-Đức lặng

thình không nói, còn các quan thì ngồi ngẩn như phỗng. Rồi sau đó ít hôm, ông đòi đi giáo thụ Quốc oai,

Song theo cụ Ứng Bình Thúc Giạ thị, chắt của Tuy lý Vương, thì bài thơ ấy đã có trong một tập

bản thảo về thơ từ hồi trào Minh Mạng. Cũng như hai câu đối trên không hề thấy có ở các cung điện và lầu đền tại Huế.

Như thế, có lẽ « tam sao thất bản » của ai kia ấy, và chuyện ai kia ấy, không thể tin rằng của Cao bá Quát được.

Vua Tự Đức có phải là người đã khen Cao bá Quát

Theo hầu hết các sách giáo khoa, bình sinh Cao bá Quát là một nhà văn trứ danh, khiến vua Tự Đức đã phải có câu khen :

*Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán
Thi đáo Tùng Tuy thất Thịnh
Đường*

Nghĩa là « văn đến như ông Siêu, ông Quát Tiền Hán cũng thua, thơ đến ông Tùng, ông Tuy Thịnh Đường cũng kém ».

Nhưng xét cho cùng, câu ấy không phải của Tự Đức mà chính của một người Trung hoa.

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483.BYT.OPBC.

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483.BYT.OPBC.

Sở dĩ, chúng tôi dám nói như vậy, vì thấy cụ phó bản Kiều oánh Mậu (người xã Đông sảng, huyện Phúc thọ, tỉnh Sơn-tây, đỗ khoa Canh thìn năm Tự Đức thứ 33, dương lịch 1880) một tay viết sử của triều Nguyễn đã chép trong « Bản triều bạn nghịch liệt truyện » cách đây 64 năm, tức năm Tân Sửu, niên hiệu Thành Thái, dương lịch 1901. Những tài liệu trong đó theo tác giả là tra cứu trong 2 quyển « Hoàng triều đại điển chính biên ». « Đại Nam liệt truyện » hoặc dẫn chứng ở các thi văn tập của các danh gia, hoặc tham khảo các công văn, hoặc hỏi nơi các vị bô lão, kỳ mục, chớ không dám dựa vào những sự mình nhớ ra nghĩ ra để soạn cho thành xong tác phẩm. Có thể nói là tập sử gần sự thực hơn hết.

Tánh khí và văn tài Cao Bá-Quát qua ngòi bút của cụ Kiều-oánh-Mậu

Đề cập Cao-bá-Quát, cụ Kiều oánh-Mậu có đoạn chép trong « Bản triều bạn nghịch liệt truyện » :

« Quát thường nói thiên hạ chỉ ta có mắt, còn hết thầy đều không ». Có lần, Quát cùng ông Siêu và hai ông Tùng-thiện-Vương, Tuy-lý-Vương làm thơ trong ba đêm, Quát xong 30 bài, bài nào cũng được truyền tụng, nên khi ra về Quát khoe khoang : « Đêm qua ta đã áp đảo được cả Tùng, Tuy rồi. »

« Quát vốn được đại nho; Nguyễn-văn-Giai kính trọng. Khi ông Giai cưới cô đào hát ở Bắc Ninh làm lẽ, có nhờ làm ca từ đề hát, Quát hạ bút viết ngay : *Bắc phương hữu giai nhân, Tuyết thể nhi độc lập.*

Giá đã nên nhất cố khuyh thành Trọng cho tài mà lại tặc cho mình.

Chen chúc bấy đời chi mãi tá. Ngã diệc tự tác ngã, Nhân phi bất thị khả khán nhân. Vòng thị phi chót đã quá chân. Thôi đã biết chuyện đời là thế thế

Thoi thắm thoát bóng dâu vừa xế, Mới ngày nào mái tóc chấm ngang vai.

Của đời ai kém chi ai.

« Quát mượn bài này tỏ ý mình. Ông Giai khen thưởng, buộc làm một bài có tính chất tục

nữa. Quát xin rượu thêm, rồi viết :

Trước đã mắc lo càng cái vớt, Sau lại thêm thẹn thùng với con công.

Sự dẫu có sự lạ làng, Ô tướng quân cùng Mao động chủ,

Sách có chữ « Âm dương đảo chú ».

Thay hóa công mà rên đúc lấy nhân tài.

Càng già càng dẻo càng dai,

Ông Giai thường 3000 quan tiền. Quát đem đi vào cuộc hát xướng, chỉ vài ngày hết, đến nữa, ông Giai lại cho hậu, chớ hề thốt ra một lời nào chán ghét.

« Sau Quát làm giáo thụ Quốc Oai, có dán câu đối cửa :

Mộ phạm năm ba tháng mặt trắng, Đình chung một chiếc rươi lưng vàng.

Lại khi lên núi Sài-son có thơ rằng :

Di lai Bắc quốc sơn vu hảo ; Sản khước Tây thành nguyệt cánh minh.

(Tương Bắc rời đi non rạng vẻ ; thành Tây đây lại nguyệt càng trong).

« Xem đó đủ biết cái khẩu khí

con người ! ».

Một câu đối giết người hay một việc làm đại bất nhân của Cao Bá Quát

Cũng theo cụ Kiều oánh Mậu : « Khi Quát đỗ rồi, đến làm gia sư một ông tri huyện hồi hưu, xuất thân tú tài, làm tiên chỉ làng Cửu cao, huyện Văn Giang.

« Trong làng có tên cai tổng Khản nhà giàu, không phục ông Huyện, thường hay phá ông mỗi khi có việc làng việc ấp. Không thể chịu đựng, ông Huyện bàn kể với gia sư. Quát lập mẹo, sai một anh học trò nghèo đến xin ăn nhà cai tổng Khản, Khản hạch hỏi thơ văn, anh học trò trả lời thông cả. Nhân thấy nhà Khản mới sửa xong cái cổng, anh học trò làm một câu đối :

Đặng bình chính trực khản vương đạo, Cao đại quang minh thị ngã tâm
Cai tổng Khản đặc ý cho khắc vào cửa.

Tới hôm lễ đình, cai tổng Khản theo lệ đem mâm lễ ra tế thần và cho bằng tiền vàng. Ông

Huyện sai người đi tố giác Khản lộng quyền, và dẫn thêm chứng bằng câu đối trên cùng nhiều chuyện bịa khác. Kết cục, Cai tổng Khản bị tử hình. Trước khi chết, y dặn vợ con phải bỏ giấy bút vào áo quan cho nhiều và nói :

— Nay ta không thể gỡ oan được, nhưng xuống âm thế nào cũng làm cho ra lẽ, đề kẻ nào bày mưu hại ta cũng phải chịu quả báo này.

Sau đó, nhà cai tổng Khản và nhà ông Huyện đều suy, Quát bị tử nạn, người ta cho là báo ứng của tên cai tổng xã Cửu cao. Nhưng không tin trọn được ở thuyết hoang đường ấy.

Cao bá Quát bị tử hình hay trốn thoát đi tu ?

Chép về Cao bá Quát, cụ Kiêuoánh Mậu cũng nói Quát bị tổng đốc Sơn tây Nguyễn bá Nghi sai chánh phó lãnh binh tới trừ bắt được đem về chém đầu bêu lên, Song lại thêm : « thuyết khác nói Quát khi bị giải về Hà-nội, có người thương hại, đã tráo một tên tử tù khác giống Quát để thay vào. Còn Quát trốn lên Lạng-son, vào một chùa tu, sau vài năm mới chết. »

Vậy cuộc đời Cao-bá-Quát lại thêm một dấu hỏi về cái chết của ông.

Theo thiên ý thuyết này không đúng, vì triều đình đã cố tâm giết Quát, tổng đốc Sơn tây là Nguyễn bá Nghi, càng cố tâm giết Quát. Và lại, án Quát được thi hành rất mau cùng luôn với hai con như trên đã nói. Quát không thể thoát được cái lưới nghiêm mật của quan quân triều đình. Người đưa thuyết ấy, hẳn do đr đảng của Lê-đuy-Cự và của Quát chỉ nhằm mục đích hy vọng gây lại cuộc nổi loạn, ngoài ra không gì bằng chứng để khả dĩ tin được.

Một bài thơ cuối cùng của Cao-Bá-Quát

Nay nhân nói về Cao-bá-Quát, tưởng chúng ta cũng nên biết đến một bài thơ cuối cùng của ông, đồng thời cũng là bài ít ai biết đến. Ấy là bài « Trương Lương tổ đa bệnh » gồm 8 câu dưới đây :

*Ngũ triều chực nhục lịch như ba,
Thùy nhả Trương Lương bệnh tổ đa
Ngoại cảm Hán thiên tân vũ lộ,
Nội thương Hàn địa cữu sơn hà.*

*Vũ cừ mục nhiệt Hồng cầu thổ,
Tần oán tâm hàn bác lãng sa.
Thử bệnh hạnh tông tiên tử
được,
Ta vô tiết khẩu Tín như Hà.*

Tạm dịch là :

*Bổng cao lộc hậu trải năm triều
Ai tổ Trương Lương vốn bệnh
nhiều.
Ngoại cảm mớ mưa trời Hán
thăm;
Nội thương sông núi đất Hàn
siêu.*

*Tim hàn bác lãng thù Tần dữ
Mắt nóng hồng cầu oán hận liễu
Bệnh ấy thuốc tiên may chữa
được.*

Tiếc không xén miệng lữ Hàn Tiêu.

Theo các cụ văn thân trước, sở dĩ có bài thơ này là khi bị

giam ở ngục Sơn-tây, mỗi lần quan Án đòi lên lấy cung, Quát tới lại cáo bệnh, quan Án bảo :

— Bệnh gì mà bệnh như Trương-Lương ấy, hãy làm bài thơ « Trương-Lương tổ đa bệnh » được không ?

Quát nói được, và xin giấy mực viết ngay tại chỗ. Bài thơ này, giá trị là có những tên bệnh trong đó, nên quan Án cũng phải phục tài.

Tuy nhiên, quan án vẫn không thể tha được hay làm giảm nhẹ đi được cái án « làm giặc » của một thi sĩ họ Cao.

Nhắc lại, nghĩ cũng tiếc thay cho cuộc đời của một thi nhân có tài và có học lực vậy.



★ LỜI KHUYÊN ÁC ÔN

Bà nọ đến hỏi vị luật-sư :

- Thưa luật sư, tôi rất hối hận việc này. Tôi nhờ nhà tôi đi mua dùm một hộp khoai tây và anh ấy đi không trở về ?
- Ông ta đi bao lâu rồi ?
- Đã ba năm rồi. Vậy ông dạy tôi phải tính sao ?
- Thì bà về khai hộp đậu xài đỡ đi!

đời sống

• MẠC - TƯƠNG

trên con đường đi tới
ta vẫn kiếm tìm em
trên đoạn đường tiếp nối
ta bỗng thành đên cuồng

ta đi là đi mãi
bước người dù viễn khơ
ta yêu là yêu mãi
dù đã chết giữa đời

những buổi chiều trần tục
trong thành phố sa mù
linh hồn ta bỗng khóc
trong tiếng đàn em ru

bao nhiêu lần hấp hối
trong nhạc khúc tuyệt vời
bao nhiêu lần chết đuối
trong đôi mắt xa vời

bây giờ ta hôn ta
mộ: thân thể đã già
bây giờ ta hôn ta
mùi thời gian phôi pha

trong vũ trụ vô - cùng
ôi tình hồn ngu ngơ
ngàn năm ngáy ngó tìm
tiếng đàn em thiên thu.



THAM
KỊCH
SỐNG

NGÔI MỘ

★ RENÉ BELBENOIT
● TRỌNG-TẤU lược dịch

L.T.S.— Sau 15 năm bị lưu đày, một người dân Pháp tên là René Belbenoit đã tìm cách trốn khỏi đảo Guyane. Chẳng ta đã dùng xương độc mọc của thổ dân để vượt qua biển Antillis và sau đó đã phải cuộc bộ trong những khu rừng rậm ở Trung Mỹ. Mặc dầu phải trải dèo lặn suốt khổ cực như vậy, Belbenoit vẫn giữ được trong mình một tập tài liệu đầy cộm. Đó là tập nhật ký nhà tù của chàng. Sau 22 tháng trường vất vả, Belbenoit bị kiệt sức nhưng rồi cũng tới được Mỹ Quốc.

Nơi đây các văn gia và các nhà xã hội học tỏ ra rất chú trọng tới số phận của chàng. René Belbenoit bèn trao cả tập nhật ký của mình cho họ. Sau khi đã sửa chữa và sắp xếp lại, tập nhật ký này của Belbenoit được đem ấn hành, và đã thâu lượm được nhiều thành công rực rỡ. Cuốn sách này được P.F. Caillé dịch ra tiếng Pháp tựa đề « Les Compagnons de la belle », và hiện nay đã bán hết không còn một cuốn.

Chúng tôi xin cống hiến bạn đọc Phổ-Thông một trong những câu chuyện thật do René Belbenoit kể lại.

B I dòng nước lũ cuốn đi, con thuyền độc mộc chở bốn chúng tôi lướt về hướng Rio Acarouany. Mặt trời vừa mới lặn mà bóng tối đã vội bao trùm khắp cả khu rừng rậm đáng sợ trên đảo Guyane thuộc Pháp. Ở đằng sau chúng tôi là cả một nỗi tuyệt vọng, ảm đạm, là cảnh chết trong sự sống của nhà tù... Đứng trước mặt chúng tôi là biên cả mệnh mông. Con thuyền sẽ đưa chúng tôi về đâu? Về bến tự do? Hay tới bến tử thần?

Anh chúa trùm vượt ngục của chúng tôi là Đại Ca Marcel hướng dẫn chúng tôi có vẻ được lắm. Thế rồi chúng tôi đã đi đến trước một trại cải huấn nọ. Chúng tôi phải tạm ngủ đêm tại nơi này.

Trong khi đi lang thang để kiểm củi khô về đốt, tôi bỗng nhìn thấy một cây thập tự giá bằng đá chôn xiêu vẹo ở dưới đất, và bị bụi rậm che gần kín mít. Tôi cất tiếng gọi đại ca Marcel lại và hỏi:

— Mộ ai chôn ở đây thế này, đại ca.

Marcel đáp:

— Tu viện trưởng Pierre đấy. Marcel vội lấy lưỡi dao của

anh để cạo lớp rêu xanh phủ đầy trên phiến đá.

Tôi hỏi:

— Tu viện trưởng Pierre là ai.

— Thì cũng là một tội đồ như mày... như tao vậy!

Và Marcel hạ thấp giọng xuống nói tiếp:

— Một sứ giả của Chúa!

Đại ca Marcel đã sống 20 năm trong tù. Và từ khi gia nhập cái xã hội lao lý này, anh ta còn phạm thêm hai tội giết người nữa. Tắm thân đồ sộ và kịch cợt của anh, chỗ nào cũng đầy những hình xăm đủ kiểu. Ấy thế mà không hiểu tại sao con người ấy lại có thể thốt lên những lời lẽ thành kính như vậy được?

Một giờ sau, bốn chúng tôi cùng ngồi trước đồng củi khô đang bắt lửa. Cả một đám mây muối rừng kính khùng bạc vây xung quanh chúng tôi, nhưng nhờ lớp khói củi chúng tôi cũng được che chở một phần nào. Marcel ngồi trầm ngâm ngắm những ngọn lửa củi không nói năng gì cả. Thế rồi đột nhiên anh ta bỗng ngồi thẳng người lên, đôi mắt chăm chăm nhìn cây thập tự giá trông trước mộ Tu Viện Trưởng Pierre. Anh cất giọng trầm buồn:

— Cha Pierre... Tôi trông thấy rõ cha, ở kia kia! Ở ngay trước

NGÔI MỘ

mặt tôi đây này! Tôi vẫn còn nghe rõ văng vẳng đâu đây giọng nói của người. Mỗi lần điêm danh buổi tối mà tên gác khám cất tiếng sửa, gọi tới tên người thì người lại dịu dàng đáp lại: « Có mặt! »

Chúng tôi im lặng ngồi nghe Marcel kể chuyện. Marcel lại tiếp:

— Tôi được quen biết cha Pierre trên chuyến tàu chở chúng tôi tới đảo Guyane lần đầu tiên. Mỗi lần thấy cha Pierre cầu nguyện thì chúng tôi cứ trơ ra đó, chẳng cảm thấy gì cả. Bởi vì người ta còn cảm động thế nào nổi khi người ta được biết câu chuyện của ông thầy tu nói trên. Ông ta đã giết một bà lão thực thà chất phác. Người ta thường gọi cha Pierre là « Thầy Tu mất áo ».

Cha Pierre là một ông cha sở ở ngôi nhà thờ nhỏ nọ tại Saint Rémy, thuộc miền nam nước Pháp. Hình như tất cả mọi người đều kính trọng ông ta. Ở phía tiền giáo đường của cha Pierre có một bà già góa cư ngụ. Tên bà ta là Duval. Một buổi sáng mùa đông nọ, có một bà nhà quê thường lui tới nhà bà Duval, khi vừa mở cửa bước chân vào nhà bà ta bỗng giật mình nhìn thấy bà ta nằm chết sóng soài ở dưới đất.

Quần áo bà Duval bị xé rách mướp. Hình như trước khi chết, bà Duval đã cố chống cự kịch liệt với kẻ sát nhân.

« Người ta có rất nhiều bằng cứ để buộc tội cha Pierre. Có những dấu chân in trên tuyết, đi từ cửa tiền giáo đường tới nhà bà Duval. Tất cả mọi người đều biết rằng bà Duval là kẻ rất nhút nhát. Mỗi khi đêm xuống rồi, luôn luôn bà ta khóa chặt cửa lại và ở trong nhà. Chỉ có khi nào cha Sở gọi thì họa chăng bà ta mới chịu mở cửa vào các giờ đó. Ngoài ra, sở cảnh sát còn khám phá được ra một bộ quần áo thầy tu của cha Pierre dính đầy máu, chôn tại vườn tiền giáo đường. Cha Pierre vẫn không ngớt tuyên bố rằng, trước mặt Chúa và trước mặt loài người, ông là kẻ vô tội. Mặc dầu vậy ông vẫn bị kết án khổ sai chung thân...

Ngay sau khi ở dưới tàu lên, người ta dẫn chúng tôi tới giữa một khu rừng rậm, đồng thời cũng là một trại khổ dịch. Cha Pierre cũng như những tù nhân khác. Người ông to lớn khỏe mạnh và ông chẳng hề than khổ bao giờ. Luôn luôn ông là kẻ làm việc xong trước các bạn tù khác:

Mỗi ngày một người tù có phải sự phải cưa cho xong một số cây đề cắt thành một thuốc củi. Và mỗi khi làm xong công việc của mình rồi thì ông lại làm giúp những tù nhân nào yếu ớt quá.

« Qua năm sau, người ta đưa tôi tới trại tập trung Oraput. Trại này chuyên đề giam giữ các loại tù nhân bất trị. Quả thật là một địa ngục trần gian! Người ta phải làm việc tại những vùng đầm lầy, đầy muỗi mòng, và bùn lầy tới thất lưng quần. Tất cả mọi người đều mắc bệnh sốt rét ngả nước.

« Sau khi tôi tới Oraput được vài tuần, thì cha Pierre cũng được cử tới thay thế một tên tù chuyên lo về bệnh xá của trại giam. Người ta có thể nói được rằng đây là một cơ hội nhất thời hiếm có. Bởi vì một khi được làm việc ở nơi đó, người ta sẽ có dịp kiếm được ra thiếu gì tiền. Người ta sẽ bán những vải băng cho các tù nhân bị thương, hoặc bán vải thừa cho các bạn tù. Bạn tù nhân sẽ dùng vải thừa để làm lư ở i b á t b u r o m b u r o m đem bán lại cho lính gác để lấy tiền mua thuốc hút. Người tù trông coi bệnh xá trước kia còn

bán cả thuốc kí-ninh cho những bệnh nhân sốt rét thương hàn nữa là đằng khác. Vào thời kỳ đó, nếu bị phạt thì các tù nhân sẽ bị trút phần thuốc kí-ninh trong thời gian một tháng.

Nhưng khi cha Pierre tới đảm nhiệm chức vụ này trong bệnh xá thì những trò lừa lẹo nói trên không còn nữa. Nếu ông có hối lộ của chúng tôi một vài liều thuốc thì cũng chỉ là để đem cho một con bệnh khác mà thôi. Chính mắt tôi đã trông thấy những tù nhân hấp hối xin ông rửa tội cho. Ngay cả bọn lính gác cũng bắt đầu tỏ ra kính nể cha Pierre.

« Khi Oraput bị giải tán theo lệnh của vị y sĩ trưởng, cha Pierre đã xin được gởi tới một nhà thương của các tù nhân cù ở Saint-Louis. Đây là một hòn đảo nhỏ hẹp, dài chỉ chừng độ nửa cây số. Các tù nhân mắc bệnh cùi phải sống trong những túp liều dơ dáy bần thiêu. Họ phải tự tay nấu nướng lấy đồ ăn. Họ phải hoàn toàn sống biệt lập với thế giới bên ngoài. Mỗi buổi sáng lại có một người gác khám đến vớt một sọt thức ăn trên đảo rồi lại đi ngay. Mỗi tuần mới có một y sĩ ghé đó cho thuốc.

« Mặc dầu lúc này gầy đét như

một que củi, cha Pierre vẫn đương đầu một cách oanh liệt với cuộc sống khổ cực trên đảo. Cha Pierre đã sống chung được 5 năm trên đảo với các tù nhân cùi. Bỗng nhiên một hôm, người ta chở tới đảo một tù nhân mới tên là Groscaillou. Ah ta bị giam trong một trại tập trung giữa rừng đã tám năm qua và chính tại nơi đó anh ta mắc phải bệnh cùi. Khi cha Pierre tới băng bó cho anh thì Groscaillou đang nằm ở trên một chiếc băng ca đặt trong một túp liều siêu vẹo. Mặt mũi anh ta không còn có vẻ gì đáng người nữa cả.

« Cha Pierre cúi mặt xuống gần Groscaillou. Tên tù nhìn trừng trừng vào mắt ông trong giây lát, đoạn rú lên sợ hãi, hai tay chới với như muốn đẩy ông dang xa xa. Cha Pierre vẫn điềm tĩnh đưa bát sữa ra trước mặt y, giọng nói ngọt ngào phúc hậu:

— Uống đi con! Uống đi cho khoẻ!

Tên tù hét lên:

— Không! Không! Chắc không phải đâu! Chắc không phải cha Pierre đâu?

Cha Pierre chợt hỏi:

— Chả con biết ta?

Groscaillou rên rĩ:

— Cha không nhận được ra con sao? Con là Jean Groscaillou đây!

« Cha Pierre lặng người đi một giây lâu không nói gì được cả. Một lát sau ông mới lẩm bẫm:

— Tội nghiệp cho con, Jean! Chúa đã phạt con thật là nặng!

« Groscaillou bèn gọi tất cả các tù nhân cùi vào trong liều và nói:

— Tôi biết chắc thế nào tôi cũng chết! Tất cả các bạn có mặt ở đây, xin hãy nghe tôi. Cha Pierre là kẻ vô tội. Chính tôi là kẻ đã phạm tội giết người để cho cha Pierre đến nỗi bị hàm oan và bị ở xử tù cách đây 20 năm. Chính cha biết như vậy, nhưng cha nhất định không chịu nói.

« Phải, chính tôi là kẻ đã giết chết bà góa phụ Duval. Trước kia tôi là thợ làm vườn cho cha Pierre và tôi đã ngủ trong một căn phòng nhỏ ở tiểu giáo đường bên dưới phòng ngủ của người. Có một đêm nọ tôi đã lén lấy trộm quần áo của cha để mặc vào người. Tôi nghe người ta nói là bà góa phụ Duval có chôn của trong nhà. Bà ta nghi ngờ tất cả mọi người, nhưng tôi biết rằng

nếu cha Pierre gọi cửa thì thế nào bà ta cũng mở. Nhưng khi bà ta nhận được ra tôi thì bà ta la to lên. Tôi đành phải bóp cổ cho bà ta câm miệng lại. Và tôi đã xiết cổ bà ta chặt quá...

« Tôi đã chôn bộ áo thày tu ở cuối vườn, nhưng tới lúc trở vô tiểu giáo đường thì tôi chạm trán cha Pierre. Cha chột hiểu ngay rằng tôi vừa làm một chuyện tầm bậy. Cha Pierre bèn dắt tôi tới chỗ xưng tội. Tôi đã thú nhận tất cả mọi tội lỗi với cha và hứa là sáng sớm hôm sau tôi sẽ nạp mình. Ngày hôm sau, hiến binh đã tới bắt cha đi. Vì còn trẻ tuổi quá nên tôi không muốn chết. Tôi đành im lặng vậy. Tôi cũng có chờ cho người ta tới bắt tôi, nhưng chờ lâu lắm vẫn không ai tới bắt tôi cả, bởi vì cha Pierre không chịu nói. Cha không muốn phản bội những lời xưng tội của tôi. Thế là cha đã chịu ở tù thay tôi.

Groscaillou nài nỉ:

— Cho tôi một miếng giấy đi, để tôi viết những lời xưng tội! Mau lên. Tôi cảm thấy không thể nào sống lâu được nữa rồi.

Cha Pierre đáp:

— Con ơi! Con làm gì thêm vô ích. Tốt hơn là con nên xưng tội với Chúa. Chúa đã

trừng phạt con nặng nề lắm rồi! Hãy cầu nguyện Chúa để Chúa tha tội cho con!

« Đêm hôm đó, Groscaillou đã biến khỏi căn lều. Vài ngày sau người ta tìm thấy xác y nổi lều bều trên mặt nước.

« Khi người ta yêu cầu cha Pierre làm một tờ khai về vụ án mạng ở Saint-Rémy, thì người từ chối.

« Người đã trả lời như sau:

— Tôi đến đây là do ý muốn của Chúa. Chúa đã chọn tôi để xoa dịu những nỗi đau thương của các tù nhân này. Tôi phải làm theo ý Chúa!

« Một tháng sau thì những giấy tờ chính thức ra lệnh trả tự do cho cha Pierre được gửi tới nơi. Nhưng trễ quá rồi. Viên y sĩ muốn gửi người đi bệnh viện Saint-Laurent, nhưng cha Pierre lại yêu cầu được chở tới bệnh xá của người cùi.

Người nói:

— Những người này là bạn thân của tôi. Tôi yêu cầu được ở lại với họ.

« Khi cha Pierre qua đời, chính bọn tù nhân đã tự tay đào huyệt chôn người, và bọn lính gác đã trồng cho người chiếc thập tự giá bằng đá này. »

Chúng tôi đã ngồi im lặng để nghe Marcel đại ca nói chuyện mà không hề làm ngắt quãng lời nói của chàng. Một lần nữa, cặp mắt Marcel đã lại hướng về phía ngôi mộ trong khu rừng. Ở bên kia ngọn lửa chỉ còn là bóng tối âm u đầy đặc. Marcel bỗng cất giọng trầm trầm:

— Đó mới là một người!
Mới chính là một người!



* GIA ĐÌNH TÂY PHƯƠNG

Một hãng thống-kê tư nọ mở một cuộc thăm dò ý kiến để tìm hiểu vấn đề: ai là chủ gia-đình. Có 1.000 ông chồng được hỏi ý kiến và kết quả là:

650 ông trả lời là: bà vợ.

349 ông trả lời là: bà mẹ vợ

Chỉ có 1 ông trả lời là: tôi. Và ông ta mở ngoặc để biên thêm rằng: (tôi góa vợ).

Tăng cường sinh lực

BĂNG

CETONIC 250 mg

VITAMINE

M83. BYT. ĐPĐC.

B A
T H A N G
H O
« V ũ »

• LÊ-TRANG-KIỀU

Những nhà văn tả thực,
mở đầu cho nghề phóng sự
ở nước ta :

- TAM-LANG Vũ đình Chí.
- TIÊU-LIÊU Vũ Bằng
- THIÊN HƯ Vũ trọng Phụng

II

* **Thiên hư, người họ Vũ thứ ba**

DẾN ông Vũ-Trọng-Phụng. Buổi đầu tôi được quen với Vũ-Trọng-Phụng bằng mấy câu « *Chuyện Ngộ Báo* », chuyện lối tả chân, như các « *Mặt trái Đời* ». Hồi ấy (1931-1933) các « *Chuyện Ngộ Báo* » đang thịnh hành, không ngày nào là người ta không thấy một « *câu chuyện* »

kể bởi những nhà văn Thanh-Châu, Ngọc-Giao, TchyA, T. Mậu, v.v... Ông Vũ-Trọng-Phụng cũng viết đâu có vài ba chuyện. Thế mà tên ông không lần được với bọn Thanh-Châu, Ngọc-Giao... Tôi phải chú ý đến ông ngay. Vì bằng một lối văn rất trôi chảy, gọn ghẽ, rõ ràng ông kể chuyện có duyên tẻ. Tôi còn nhớ mãi đến bây giờ cái chuyện thú vị của chiếc đàn bầu, (đàn độc huyền). Ác nghiệt, nó làm cho một chị Vũ bị oan, một « *cậu* » chủ bị mọc sừng, và một mợ chủ bị cay đắng. Tôi còn nhớ mãi những « *sen* » linh hoạt cô ngồi đánh tam cúc với thằng nhỏ

VŨ TRỌNG PHỤNG

đẹp trai, ông giáo đánh tổ - tôm với bà tham làng...

Cho nên một dạo, tôi không thấy Vũ-Trọng Phụng viết ở *Ngộ Báo* và cũng không thấy viết ở đâu nữa thì tôi tiếc ngẩn tiếc ngơ... Nhưng tưởng rằng vì một lẽ gì ông đã vĩnh quyết với nghề viết văn.

May sao chẳng bao lâu thì tôi thấy tên ông ký dưới thiên phóng sự « *Cạm bẫy người* », thiên phóng sự về bọn cờ bạc bịp. « *Cạm bẫy người* » là thiên phóng sự đầu tiên ở nước ta đã có cái giá trị được in ra thành sách. Nó cũng là thiên phóng sự đầu tiên của ông Thiên Hư. Nhưng « *bước đầu tiên ấy đã là một bước về vang* », « *Cạm Bẫy Người* » vừa ra đời đã được ngay các báo chí trong nước, và các nhà bình phẩm cực lực hoan nghênh. Nó làm cho tài ông Phụng không còn ai ngờ được nữa.

Được khuyến khích, bởi cái kết quả tốt đẹp ấy, ông lại viết thêm những cuộc điều tra về « *Kỹ nghệ*

lấy Tây », về « *nghề cạo giấy* » (một thiên phóng sự, điều tra về nghề cạo giấy của mấy ông công-chức, ông ký thời bấy giờ. Bài đầu, tôi còn nhớ Phụng viết về « *Ký Con* » một tên ký quèn ở nhà Gò Đa Hà nội, sau là một tay cách mạng bên Nguyễn - thái - Học), — rồi sau đấy ông lại viết về « *Cơm thầy cơm cô* » v.v...

Từ nhà viết truyện ngắn, Vũ Trọng Phụng đã trở nên một nhà phóng sự, cũng như ông TamLang. Từ địa vị nhà văn, hai ông cùng đã trở nên hai nhà làm báo. Mà có lẽ hai ông không bao giờ trở lại với nghề xưa nữa. Nhưng, vì chẳng điều đó mà là sự thực (như lúc đó tôi nghĩ), tôi rất tiếc cho hai ông, nhất là cho ông Vũ - trọng - Phụng. Ông Phụng cứ viết cho tôi nữa đi những truyện ngắn, hay những truyện dài về xã-hội, tôi dám chắc sự nghiệp văn-chương ông sẽ rực-rỡ vô cùng, và ông sẽ được hoan-nghênh còn hơn ông Nguyễn-công-Hoan nhiều lắm. (Lúc ấy, truyện ngắn của Nguyễn-công-Hoan đang được bạn đọc hoan

Tăng cường sinh lực

BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C

1483. 011. 100.

ngheh).

Vì Vũ Trọng Phụng thực là một tay thiện nghệ trong văn tả-thực (un maitre du style réaliste). Văn ông không giống như văn Balzac, Flaubert, cũng không giống như văn Émile Zola và Maupassant. Văn ông là gồm cả những giọng mạnh mẽ, hùng-hồn, nhí nhảnh và lạ lùng, nhất là lạ-lùng... Tôi còn nhớ, hồi tôi còn đứng chủ-trương tờ *Tân Thiếu-Niên* (1934), tôi có cậy Vũ trọng Phụng viết cho cái Phóng-sự « *Nghề Cao Giấy* » (sau bị cấm) thì bao giờ tôi cũng phải dục Phụng ba, bốn, năm lần, mà đến phút cuối cùng Phụng mới viết. Thường khi tôi lại lấy bài của Phụng để đưa cho thợ nhà in, hầy còn thấy Phụng xong có một nửa. Thế là khách cứ ngồi chơi, thế mà Phụng cứ viết, vừa viết vừa tiếp chuyện, vừa mồm mím cười. Rồi viết xong là Phụng đưa ngay cho tôi, cũng không xem lại nữa, có khi không kịp đợi cho ráo mực. Thế mà bài của Phụng bao giờ cũng hoàn

toàn. Những lần sau này, tôi có dịp chủ trương các tờ *Tiến-Hóa*, *Hà-nội Báo* v.v.. Phụng cứ có lệ đợi ngày cuối cùng, xuống hẳn nhà tôi, hay Tòa Báo, rồi ngồi viết. Phụng viết một mạch từ lúc đặt bút xuống tờ đầu, cho tới tờ cuối, xong đưa tôi, chứ không ngừng, không nghỉ. Thật là lạ-lùng. Nhưng đừng tưởng thế là ông cầu thả công việc viết văn đâu. Phụng rất thận trọng là khác. Có lần Phụng đã nói với tôi, muốn viết một kỳ báo (bao giờ ông cũng viết vừa 5 trang giấy lớn, để in đủ khoảng 5 trang báo tuần khổ *Hà-nội báo*) như vậy, ông phải thâm nhập tài liệu, bố trí câu chuyện, rồi nghiền ngẫm năm bảy ngày, đến ngày sau cùng mới xuống tòa báo, lấy giấy ngồi viết một mạch. Cũng vì thận trọng công việc viết văn như vậy mà Phụng không nhận viết cho nhiều báo. Những lần ông đã nhận giúp cho *Tân Thiếu Niên*, *Hà-nội báo* ... là ông không hề nhận viết thêm cho một tờ nào. Có lần ông Nguyễn Tường Tam, lúc ấy ra số đầu tờ *Ngày Nay* (chủ trương

nhiều phóng sự, điều tra) lại cậy Phụng giúp đùm, mà Phụng cũng không nhận. Tam đưa cả máy ảnh cho Phụng, nhưng lúc ấy Phụng đương bận giúp cho *Hà-nội báo* mất rồi...

Trở lại câu chuyện Phụng hợp tác với « *Hà-nội báo* » của tôi bấy giờ, vì tôi nghĩ như trên (tín rằng Phụng viết những truyện dài, những tiểu thuyết về xã hội sẽ còn được hoan nghênh hơn là Phụng viết về phóng sự), nên tôi bàn với Phụng viết tiểu thuyết dài cho *Hà-nội Báo*. Tối ấy, tôi kéo Phụng xuống cô đầu, rồi hai anh em nằm bàn đề dựng một tiểu thuyết đặc sắc cho tờ báo. Tôi đưa ra câu chuyện Nghị-Hách và Thị Mịch lúc bấy giờ cũng dựa vào một câu chuyện thời sự, và bố trí với Phụng thành một truyện dài. Tiểu thuyết này tức là chuyện « *THỊ-MỊCH* » đăng ở số đầu tờ *Hà-Nội Báo*. Vũ Trọng Phụng viết tiểu thuyết xã hội rất linh động. Nhưng cũng vì linh động quá mà sở Thông Tin bấy giờ ra lệnh bắt ngưng truyện dài « *Thị Mịch* » lập tức.

Phụng liền viết tiếp cho *Hà-nội-Báo* thiên truyện dài « *Giông Tố* », nhưng trong « *Giông Tố* » thì các nhân vật chính cũng vẫn là Thị Mịch, cũng vẫn là Nghị Hách... *Giông Tố* rất được hoan-nghênh, và sau đó được in ra thành sách.

Nhờ được hoan-nghênh vậy, nên Phụng từ đấy thường viết tiểu-thuyết dài. Sau này viết nhiều truyện dài cho *Hà-nội-Báo* như *Số Đò* (một truyện cười dài) v.v.. cho *Tiểu Thuyết Thứ Ba* (của ông Mai Linh) và cho *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* (của ông Vũ Đình Long), cho *Đông Dương Tạp Chí* (của Nguyễn Giang) v.v...

Thiên tài của Vũ Trọng-Phụng từ bấy giờ bắt đầu nảy nở. Và Phụng không thiếu chi đất dụng võ...



Trở lại câu chuyện văn-học lúc bấy giờ. Gần đấy, báo *Nam Phong* chết! Mặc dầu « ông bầu » của nó là ông Lê văn Phúc cố sức chạy ngược chạy xuôi, đòi

Tăng-cường Sinh-lực
BĂNG
CETONIC 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

Tăng-cường Sinh-lực
BĂNG
CETONIC 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

VŨ TRỌNG PHỤNG

thê tài, bán xuống giá, in đẹp lên, nó cứ yếu, yếu sụ, rồi dần dần tắt nghỉ luôn. Cái có trông thấy của sự chết ấy là cái sự ông Phạm Quỳnh bỏ nó mà đi làm Thượng Thư. Nhưng cái nguyên nhân sâu xa là cái trào lưu văn học bình dân.

Lúc ấy, một cái không khí ưa chuộng bình dân đã thổi qua xứ này. Nhà chính trị chú trọng đến dân nghèo. Nhà xã hội chú trọng đến dân nghèo. Trong xã - giao, cái «mốt» không phải ở sự kiêu cách khệnh khạng nữa. Những cô thiếu nữ đã bỏ những chuỗi hạt vàng, những cặp xuyên dây cò, dây tay, mà đeo một chiếc kiềng sơ sài, đôi hoa tai bạc, hay chiếc vòng huyền nhũn nhũn. Những thiếu niên thì hết sức cười nói, ồ ạt, nô rôn, thích trộn lẫn với đám đông hơn là lên mặt ta đây bộ vệ.

Văn học cũng khuynh hướng về bình dân. Văn chương đã thôi là những thiên diễm sử của khách phong lưu, hay là những món tráng miệng cho mấy ông trưởng - giả những lúc canh tàn, tiệc mãn.

Cho nên lời văn đã thôi không mọc mọc, dài các, nặng nề nữa. Nó phải sáng sủa gãy gọn, và nhẹ nhàng. Nó phải sơ sài, mộc mạc như tâm hồn một bác thợ cày, một cô cắt cỏ.

Lối báo chí «trường giả» mở màng như báo «*Nam Phong*» theo luật đào thải, lẽ tất nhiên là phải chết. Cho nên những văn phóng sự, tả chân một ngày một bành trướng, một ngày một có địa vị vẻ vang. Mà trong đội văn sĩ phóng sự, ba ông Vũ đình Chí, Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng (lúc bấy giờ) đã như một «*bộ tam phong*». Theo gương ba ông họ Vũ, *Việt Sinh* của báo *Phong Hóa*, cô *Nguyễn thị Kiêm* ở báo *Phụ Nữ Tân Văn*, rồi *Trọng Lang*, *Thế Lữ* ở *Ngày Nay*, đã tập đề ý đến những cảnh tượng khuất khúc éo le của xã-hội. Hiện bấy giờ thì có lẽ không một tờ tuần báo hay nhật báo nào ở Đông-Dương là không đăng một hay hai cuộc phỏng vấn, phóng sự, điều tra, về hạng dân nghèo khó.

Trào lưu văn học bình dân

Tăng cường sinh lực

BĂNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

1483 BYT. DPDC.

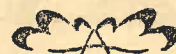
VŨ TRỌNG PHỤNG

này đã nâng cao mục đích của văn học lên một bậc Từ bấy giờ, văn chương không những như ông Hoài Thanh (tác giả *Thi nhân Việt Nam*) đã nói, chỉ dùng để làm cho cuộc sống người ta thêm đời dào dạt tốt lên mà thôi. Văn chương còn dùng để giải bày những nỗi thống khổ của người cho người biết mà cứu vớt, cứu mang, ngộ hầu một ngày trong loài người sẽ hết được những nỗi uất ức, những điều bất công, ngộ hầu một ngày kia loài người sẽ đi đến một thời kỳ hoàn toàn cực lạc.

Cái mục-đích đó nếu một ngày nào văn-nhân nước ta sẽ đạt tới được, thì công-đầu phải là của «*Ba thằng họ Vũ*».



Vũ Trọng Phụng tác giả thiên phóng sự «*Cạm bẫy người*» dưới nét vẽ của Côn-Sinh trong báo *Loa*—1935.



* DANH NGÔN

Nuốt được cái cay đắng trong cái cay đắng, mới làm được hạng người trên loài người.

Lục-tài-tử



Ở TRẬN - TUYẾN

BA - LÒNG

hoàn toàn yên lặng . . .

(*All quiet on the Balong front*)

T

ÔI đặt cái tựa trên đây và chua thêm câu dịch Anh-ngữ, vì, thực ra, sau khi đi thăm trận-tuyến Ba-Lòng trở về trại Lam-Sơn ở Đồng-Hà, đêm nằm trên võng tôi sức nhớ đến quyển truyện của nhà văn-sĩ Đức Erich Maria Remarque : « *Im Westen nichts neues* » dịch Anh-văn : « *All quiet on the Western front* » mà tôi đã đọc cách đây 30 năm.

Cảnh chiến-trường ở « mặt khu » Ba-Lòng, mà Quân-đội ta vừa mới chiếm được trong một chiến-thắng vẻ-vang, dĩ-nhiên là không giống với chiến-trường ở biên-thùy Pháp-Đức hồi 1914-18. Nhưng tôi cũng đã thấy trong thung-lũng Ba-Lòng một ống chân người còn cả bàn chân bị bom đạn chặt đứt rời khỏi thân-thề người Việt-cộng tử-nạn và cháy đen thui, nằm trên một bãi cỏ. Tôi cũng đã nghe lúc trời sắp tối tiếng con chim rừng hót líu-lo trên họng súng ca-nông..

Tôi đứng lại ngó chim, chờ nó hát nữa. Nhưng nó im băng và bay vào rừng sâu.

Tiếng chim đã nín. Tiếng súng đã im.

Cũng như trong « *All quiet on*

the Western front », tôi viết bài ký-sự này trong lúc ở Ba-Lòng hoàn-toàn yên-lặng...

★

Nghe tôi ngó ý muốn sống vài hôm với anh em chiến-sĩ ở tiền-tuyến và thăm một cuộc hành-quân của Sư-đoàn I Bộ-binh, Thiếu-tướng Nguyễn-chánh-Thị, Tư-Lệnh Quân-đoàn I kiêm Tư-Lệnh vùng I chiến-thuật, Tổng-hành-dinh ở Đà-nẵng, nhìn tôi với một nụ cười, và giọng nói rang-răng :

— Quân ta đang đánh chiếm mặt-khu Ba-Lòng ở Đồng-Hà, anh muốn ra đó không ?

Tôi hoan nghênh ngay, và liền đó Thiếu tướng gọi bí thư, Đại úy Chung, làm giấy tờ cho tôi đi. Giấy tờ qua phòng của Đại tá Huỳnh công Thành, Tham mưu trưởng, và Trung tá Phạm cao Đông. Trung tâm trưởng Trung tâm Hành quân Quân đoàn I.

Vì có ít thì giờ nên tôi muốn đi ngay sáng hôm sau, và được Đại-Úy Trưởng phòng 4 hẹn 5 giờ sáng sẽ có xe Jeep đến đưa tôi ra Phi trường Quân sự Mỹ để đi trực thăng của Mỹ ra Đồng Hà. Cuộc hành trình sắp đặt như thế nghe thật êm xuôi, nhưng 5 giờ 30 viên Trung úy trực tại Trung tâm Hành quân đưa tôi

vào Phi trường quân sự Mỹ thì gặp sự khó khăn không ngờ. Quân cảnh Mỹ gác cổng không cho chúng tôi vào. Họ cho biết được lệnh cấm tất cả người Việt, kể cả quân nhân, vào phi trường Quân sự Mỹ trong bốn ngày 17, 18, 19, 20 tháng 8, để phòng Việt cộng phá hoại phi trường trong 4 ngày ấy, vì 18-8 là một ngày lễ kỷ niệm của Việt cộng.

Trung úy phải ngoại giao khéo léo với viên đội Quân cảnh Mỹ, bảo rằng tôi là một Chủ báo được Thiếu tướng Thi cấp giấy đi thăm cuộc hành quân ở Ba Lòng. Viên đội Mỹ gọi điện thoại vào Phi trường đề xin chỉ-thị. Cuộc điện đàm kéo dài gần 10 phút đồng hồ ! Rốt cuộc viên đội Mỹ «O.K.» và cổng mở, xe jeep của chúng tôi chạy thẳng vào phi-trường.

Vài ba chục trực thăng của «Marines» Mỹ, và các loại phi-cơ phản lực đậu đầy nghẹt hai bên, tiếng động cơ ầm-ầm thường xuyên gây nên không khí náo động kinh khủng. Trời hãy còn tối, chiếc xe jeep của chúng tôi chạy quanh co trên các phi đạo vắng vẻ âm u, giữa hai dãy đèn xanh thấp lè tè, chỉ cách mặt đất chừng hai cen-timét, màu xanh dương rùng-rợn như những ngọn đèn ma.

Mười phút sau, viên sĩ quan Mỹ chỉ huy phi-trường đưa tôi ra một trong những chiếc trực thăng đang sắp sửa cất cánh. Một phi-công Mỹ vừa nắm tay kéo tôi lên, thì trực thăng chuyễn động vọt lên không trung.



Nghe nói « mật khu » Ba-Lòng của Việt cộng là «ghê» lắm, và cuộc hành quân còn đang tiếp diễn, tôi ra đi đây như một cuộc phiêu lưu nguy hiểm, nhận hết mọi sự rủi ro nhưng thỏa-mãn được lòng ham muốn. Tôi đi với hai tay không, chẳng đem theo một vật gì cả, không mang máy ảnh, không bút giấy, không thẻ kiểm- tra, áo sơ-mi cụt tay không đeo cà-vạt, chân đi dép, tóc không chải brillantine, quần không ủi.

Tôi chỉ có trong túi hai trăm đồng bạc bằng giấy 20đ., ba gói thuốc Salem, một quẹt lửa và một danh-thiếp với một câu « Giám- đốc tạp-chí Phổ-thông, Saigon » đề lơ như tôi bị trúng đạn chết hình-linh ngoài mặt trận thì người ta sẽ biết mà báo tin về Tòa soạn... Nhưng tôi tin nơi số tử-vi của tôi không bị « bất đắc kỳ-tử » và cái chết của tôi hãy còn... khuya ! Ông Thầy tướng Ấn-độ xem cho

bà Nhu đạo nọ có nói tôi đến 80 tuổi mới chết lận mà !

Tôi đang xem quyền « *Le Soleil est aveugle* » của Curzio Malaparte, nhà văn trú-danh của nước Ý và Đại-Uý trong Quân-đội hời Đệ-nhi Thế-chiến. Malaparte viết ký-sự về cuộc hành-quân của Quân-đội Ý đánh Pháp hồi tháng 6-1940 ở vùng núi Alpes. Nhưng nhạt-nheo làm sao, giả-tạo làm sao, tôi đọc đến quá nửa quyển rồi mà chẳng thấy cảm-hứng gì cả. Tôi rút quyển sách không tiếc, vào một xó chiếc trực-thăng của Mỹ.

Tôi ngồi gần cửa, cạnh người lính Mỹ đang chia hòng súng đại-liên xuống rừng núi trùng trùng điệp điệp... cách trực thăng chừng 1000 mét. 7 giờ, trực thăng nghiêng mình đậu xuống một cánh đồi trơ trọi, ngoài ven phi trường Đồng Hà. Chín chiếc trực thăng khác cũng của Marines Mỹ, lần lượt đáp xuống, nối đuôi nhau thành một dãy dài.

Tôi nhảy xuống đất, tự thấy mình là người « xi-vin » độc nhất

giữa đám đông toàn là quân nhân Mỹ từ trên 10 chiếc trực thăng nhảy xuống. Họ không để ý đến tôi. Tôi không để ý đến họ. Viên phi công Mỹ lái chiếc trực thăng « của tôi » chào tôi một tiếng rồi đi. Tôi móc túi lấy một điếu thuốc, châm lửa hút.

Thấy nhà ga nhỏ nhỏ của phi trường ở tít đằng xa rộn rịp những sĩ quan Việt và Mỹ, và bốn xe nhà binh chờ đầy nhóc binh sĩ đến đỗ trên một bãi cỏ rộng, tôi đi thẳng đến đó. Tôi hơi ngỡ ngàng vì tự thấy mình là người « xi-vin » độc nhất, hoàn toàn xa lạ, lạc loài vào giữa đám đông quân nhân mặc đồng phục toàn một màu xanh đậm, nai nịt súng đạn đầy mình như sắp sửa đi ra trận. Dĩ nhiên tôi cảm thấy nhiều sĩ quan Việt-nam ngó tôi với đôi mắt ngạc nhiên, không ai biết tôi là ai, từ đâu tới và đến đây làm chi ?

Thấy một Trung-tá Việt ngồi trên một chiếc ghế cạnh một sĩ quan Mỹ, tôi tiến đến nói chuyện với Trung tá về mục đích tôi đến

Thăng-cường sinh-lực

BĂNG

CETONIC 250mg VITAMINE C

1483. BYT. DPCC.

đây. Trung tá nhả nhận mời ngồi chờ Chuẩn tướng Chuân sắp đến. Chuẩn tướng Nguyễn văn Chuân là Tư Lịnh Sư đoàn I, hiện chỉ huy cuộc hành quân Lam Sơn 190 chiếm mật khu Ba-Lòng, một địa thế hiểm trở mà Việt cộng đã từng khoe khoan là « bất khả xâm phạm ». Trước đây, trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp, suốt mười năm quân đội Pháp, không dám leo hánh đến đây. Việt Cộng lại dùng Ba Lòng làm nơi giam hãm các nhà ái quốc chống Cộng. Thời kỳ ông Ngô đình Diệm mới về nắm chánh quyền, đảng Đại-Việt chiếm Ba - Lòng làm chiến khu chống gia - đình nhà Ngô. Từ sau Cách mạng 11-1963 Việt-Cộng xâm-lăng lại chiếm Ba-Lòng làm căn-cứ du-kích đánh phá các tiền đồn Quảng-Trị.

Nhưng Trung tuần tháng 8 vừa qua, pháo-đài bay B-52 của Mỹ từ đảo Guam ở Thái-bình-Dương bay thẳng vào thả bom mật-khu Ba-Lòng, gây thiệt hại rất nặng-nề cho Việt-Cộng.

Kể tiếp cuộc ném bom khủng-khiếp đó, Sư-đoàn I Bộ-binh của ta nhờ trực-thăng Mỹ chở tới, đã tiếp-tục cuộc hành-quân đồ-bộ

vào đánh chiếm mật-khu Việt-Cộng.

Ở phi-trường Đồng-Hà là nơi binh sĩ xuất trận, tôi được hân-hạnh chứng kiến cuộc trực-thăng-vận rầm-rầm rộ-rộ của hai tiểu-đoàn Bộ-binh trực-chỉ vào chiến-địa Ba-Lòng. Từ 8 giờ sáng, mười trực-thăng « Marines » chở một lượt trên mỗi trực-thăng 12 binh-sĩ, và kế-tiếp hai đợt, lên giã núi rừng chắt-ngắt ở hướng Tây còn phảng-phất sương mù. Mỗi chuyến trực-thăng cất cánh, một làn bụi đỏ tung lên, tiễn các chiến-sĩ thân-yêu đi làm nhiệm-vụ.

Trung úy Tôn thất Đàm và Trung úy Nguyễn văn Phúc, hai sĩ quan trẻ tuổi rất khả ái của Tâm lý chiến ở trại Lam Sơn, được điện thoại báo tin, đã ra tìm tôi tại phi trường, và vui vẻ chỉ cho tôi xem trên một bản đồ quân sự những nơi mà quân ta đang đồ bộ từ các trực thăng. Nhờ đó, tôi được theo dõi cuộc tiến quân chiếm các địa điểm mà quân ta đã quét sạch chiến trường từ ngày đêm hôm trước.

(Xem tiếp kỳ sau)

N.V.



BÌNH •

NGUYỄN

• QUÂN

* Thiệu Sơn

CÔNG tử Thắng thay cha làm tướng quốc nước Triệu. Vua Triệu phong cho đất Bình-nguyên nên gọi là Bình-nguyên-Quân.

Bình-nguyên-Quân cũng có lòng chiêu hiền đãi sĩ không khác gì Mạnh-thường-Quân ở nước Tề. Mỗi bữa sò khách ăn cơm gần ba ngàn người. Ở trong phủ đệ có riêng một cái lầu để cho bà Mỹ-nhơn ở. Có một nhà thường dân ở gần đó. Người chủ nhà có tật ở churen, ngày nào cũng dậy thiệt sớm đi cà nhắc ra múc nước. Bà Mỹ-nhơn ngồi ở trên lầu ngó xuống thấy vậy cả cười.

Người có tật nơi chân xin vào yết kiến Bình nguyên Quân và nói : « Dám thưa Tướng công, tôi nghe tiếng ông biết chiêu hiền, đãi sĩ cho nên hiền sĩ không kể gì xa xôi ngàn dặm cũng đi tới cửa ông.

Tôi không may có bệnh nơi churen, cử bộ không được tiện mà hậu cung của ông trở lại cười tôi. Tôi muốn sao cho được cái đầu của người đã cười tôi, vì tôi không thể đề cho một người đàn bà làm nhục, tôi chịu không được ».

Bình-nguyên-Quân cười rồi trả lời rằng : « Được đề rồi ta sẽ tính. »

Người ấy lui ra Bình nguyên Quân cười mà nói rằng : « Lão kia thật quá ngu, có nghĩa gì

một tiếng cười mà muốn giết mỹ nhân của ta ».

Nghe chuyện đó nhiều thực khách bỏ đi lần lần, chiều theo sò mầy tháng trước thì giãm tới phần nữa. Bình nguyên Quân lầy lằm lạp, đánh chuông hội hết tăn khách lại hỏi : « Tôi tiếp đãi các anh chưa có điều gì thất lễ, vì có gì mà bỏ đi lần ? ».

Một người đứng ra thưa rằng : « Tướng công không chịu giết bà Mỹ-nhơn cười người có tật nơi chun. Các người đó tự nghĩ rằng Tướng công coi sắc đẹp trọng hơn hiền tài nên họ bỏ đi. Rồi đây chúng tôi cũng không ở nữa ». Bình-nguyên-Quân nghe vậy thất kinh, bèn xin lỗi rằng : « Các anh em cứ yên tâm, sự ấy tôi xin chịu tội ». Nói rồi bèn xách bội kiếm giao cho tá hữu chém đầu bà Mỹ-nhơn rồi bôn thân đem tới quì trước cửa người đầu chun mà thỉnh tội. Từ đó môn hạ ai cũng đều khen, tăn khách lại trở lại đông như trước.



Tướng quốc nước Tấn có mời thù riêng với tướng quốc nước Ngụy là Ngụy Tế. Vua

Tấn hứa bắt Ngụy Tế lấy thủ cấp cho tướng quốc được vui lòng. Ngụy Tế nghe tin cả kinh liền trả lại ấn tướng cho Ngụy rồi chạy qua nước Triệu tá túc tại nhà Bình-nguyên-Quân. Vua Tấn cho quân qua đánh Triệu. Triệu có tướng tài ngăn địch lại có quân Tế viện trợ nên Tấn không thắng nổi. Vua Tấn bèn khiến sứ giả nói với Bình-nguyên-Quân rằng :

« Nước Tấn đánh nước Triệu quyết bắt Ngụy Tế mà thôi. Như đem Ngụy Tế ra nộp thì lui quân ngay ».

Bình - nguyên - Quân nói : « Đại phu chớ nghe lời người ta. Ngụy Tế đâu có ở nhà tôi ».

Vua Tấn bèn đổi chiến lược, rút quân về, trả lại ba thành cho Triệu rồi lại giao hảo như xưa. Vua Triệu cũng làm thơ khiến người đáp tạ. Về tới Hàm-cốc vua Tấn lại cho người đem thơ mời Bình-nguyên-Quân qua chơi nước Triệu. Bình-nguyên-Quân lãnh thơ đem tới yết kiến vua Triệu. Hỏi đó Ngu Khanh làm tướng quốc. Ngu Khanh nói : « Nước Tấn là một nước hung dữ như

hồ lang. Trước Mạnh Thường Quân đi tới nó còn bắt giữ lại không cho về. Huống là nay nó còn nghi Ngụy Tế ở Triệu thì Bình-nguyên-quân lẽ cũng không nên qua ». Vua Triệu có ý sợ Tấn. Bình-nguyên-Quân xung phong ra đi. Vua Tấn thân Bình - nguyên - Quân tới lầy lằm vui mừng, thường ngày đều bày yến đãi.

Ba ngày sau, Tấn vương như lúc vui say nung chén rượu trước mặt Bình-nguyên-Quân mà nói rằng : « Ta xin hỏi người một lời, như người bằng lòng thì hãy uống chén rượu này cho hết ». Bình - nguyên - Quân nói : « Đại vương đã tưởng đến tôi thì nói gì cũng xin vưng mạng ». Vua Tấn nói :

« Xưa Châu-văn-Vương được Khương-Thượng thì cho làm chức Thái-Công, Tề-Hoàn-Công được Quán-Trọng thì tôn làm Trọng-Phụ. Bây giờ Phạm-Thơ cũng là Thái Công và Trọng-Phụ của ta. Phạm-Quân có một cứu nhân là Ngụy-Tề hiện ở tại nhà người. Vậy nhà người nên khiến người ấy đem đầu trở qua đây để cho vừa ý Phạm-Quân. Đặng như vậy thì

ta cảm ơn nhà người vô cùng. »

Bình-Nguyên - Quân thưa : « Tôi có nghe người sang mà vì bạn là nhờ lúc còn hèn, giàu mà vì bạn nhờ lúc còn nghèo. Ngụy-Tề là một người bạn của tôi, vì đầu thiết cố ở nhà tôi thì tôi cũng không nỡ nói ra, huống chi lại không có ở nhà tôi ». Vua Tấn nổi giận nói : « Nhà người không đem Ngụy Tế ra thì ta không cho người trở về ». Bình-Nguyên-Quân nói : « Cho về hay không, sự ấy là tự ý Đại-Vương. Và lại Đại-Vương bày tiệc đòi tôi tới mà lấy oai hiếp tôi, thì cái lẽ khúc-trực thiên hạ cũng đều biết hết. » Vua Tấn biết ý Bình - Nguyên - Quân không chịu phụ Ngụy-Tề mới đem về Hàm-Dương cho ở công quán. Và khiến người đem thơ cho vua Triệu, đại-ý trong thơ nói không cho Bình-Nguyên-Quân trở về.



Vua Triệu tiếp đặng thơ thì cả giận mà nói với đình thần rằng : « Có lẽ nào ta lại vì một người vong thần nước khác để đổi lấy một vị Trấn-quốc công tử của nước ta ». Ông bèn cho quân đèn vây

nhà Bình-Nguyên-Quân để bắt Ngụy-Tề. Tân khách của Bình Nguyễn-Quân nhân lúc nửa đêm thả đi, trốn qua nhà Tướng quốc Ngu-Khanh. Ngu Khanh bèn cời trả tướng-ấn làm thơ tạ Triệu-Vương rồi thân hành đưa Ngụy-Tề qua Ngụy để nhờ Tín-lãng-Quân che chở. Tín-lãng-Quân là em vợ của Bình-Nguyên-Quân, nhưng ông cũng không muốn ách giữa đàng gánh quàng vào cổ. Ông do dự nên để thời gian trôi qua rất lâu rồi mới chịu ra tiếp.

Thầy lâu không có chủ nhà ra tiếp Ngu-Khanh biết rõ Tín-lãng-Quân không có thiện chí bèn tính dẫn Ngụy-Tề đi đường tắt qua Sở. Ngụy-Tề than rằng: «Tôi vì không biết nghĩ xa nên đắc tội với Phạm-Thúc, một lần làm phiền cho Bình-Nguyên-Quân, hai lần làm lụy tướng công lại để tướng công vì tôi phải chịu gian lao qua Sở xin cứu mạng, tôi nghĩ lại thêm nhục, chẳng nên sống làm chi». Nói rồi liền rút gươm tự-tử. Ngu-Khanh chạy lại cứu nhưng không kịp. Vừa lúc đó thì xe Tín Lãng Quân chạy tới. Tín Lãng Quân ôm tử-thi Ngụy-Tề

mà khóc. Thành linh quân Triệu kéo tới biết Ngụy-Tề đã tự vận rồi thì tâu với Ngụy Vương muốn xin cất thủ-cấp Ngụy Tề để chuộc Bình Nguyễn-Quân về nước. Tín-lãng-Quân đang cho trâu liệm thì-hài người quá cô để chôn cất, nhưng nghe sứ giả nói cặn kẽ hết lời đành phải bằng lòng quân Triệu cất thủ cấp mang về, còn thi hài thì mai táng ở ngoài thành.

Vua Triệu cho đem thủ cấp của Ngụy-Tề tới Hàm-Dương dâng cho vua Tấn. Vua Tấn bèn đem lễ vật tòng tiến Bình Nguyễn Quân và cho đưa về nước.

Tân-Vương ý mạnh muốn tiếm xưng đế hiệu bắt các nước phải thần phục mình như những nước chư hầu đối với Thiên-Tử. Nước Triệu không chịu thần phục, Tấn kéo quân qua đánh. Triệu đánh không lại cầu cứu với Ngụy. Ngụy sợ oai Tấn không dám cứu. Bình-Nguyên-Quân sai người qua cầu cứu với Tấn-Bì là Nguyên soái nước Ngụy, Tấn-Bì cũng từ chối. Bình-

nguyên-quân liền cầu cứu với em vợ của mình là Tín-lãng-Quân. Tín-lãng-Quân nhờ có những tân khách giỏi hiền kẻ cho ông lầy trộm được binh-phù của nhà vua rồi kéo gia-nhân tới bản dinh Tấn-Bì bảo rằng ông đã được lệnh vua thay thế để cầm quân. Tấn-Bì không tin nên Tín-lãng-Quân phải giết Tấn-Bì để đoạt chức nguyên-soái rồi đưa binh phù ra để hiệu triệu ba quân. Như đó mà ông có quân kéo qua cứu viện cho Triệu. Đồng thời Bình Nguyễn Quân cũng mở cửa thành xua quân ra đánh. Quân Tấn thua phải rút lui để bảo toàn sanh lực.

Tuy thắng Tấn nhưng Tín-lãng-Quân cũng không dám về nước vì đã phạm tội ăn trộm binh phù mà chưa được Ngụy-Vương tha tội. Ông cho người kéo quân về Ngụy còn ông và tân-khách vẫn cư-ngụ nơi Triệu và được Triệu-vương đãi-đãi một cách rất trọng-hậu.

Tín-lãng-Quân nghe nói ở Triệu có hai người ẩn-sĩ danh tiếng: một người là Mao-Công theo phường cờ-bạc, một người là Tiết-Công cả

ngày chỉ ngồi quán rượu trà. Ông bèn đi bộ đến kiếm hai người đó làm quen và cùng nhau ăn uống nhậu nhẹt cho tới chiều mới về. Bình-nguyên-Quân than-phiền với vợ về việc đó vì ông cho rằng Tín-lãng-Quân giao-du bừa bãi e làm tổn-thương danh-dự của mình. Bà phu-nhân thuật lại mấy lời đó cho em nghe thì Tín-lãng-Quân liền nói: «Trước em cũng tướng Bình-Nguyên-Quân là một người giỏi, cho nên thà chịu tội với Ngụy-Vương mà cướp binh tới cứu. Bây giờ Bình-Nguyên-Quân chỉ chuộng những người tân-khách hào-hoa mà không tìm những người tài giỏi. Lúc em còn ở nước Ngụy nghe nước Triệu có Mao-công và Tiết-công, giận không gặp được để chơi với nhau cho vui. Ngày nay giáp mặt, đối lời còn sợ sức mình chơi chưa xứng bạn. Bình-Nguyên-Quân lại cho là xấu-hổ vậy thì chiêu-hiễn đãi-sĩ ở chỗ nào đâu? Tín-lãng-Quân không phải là người hiền, em không nên ở lại nữa.» Nội ngày ấy Tín-lãng-Quân khiến tân-khách h tu-chính hành-trang muốn đi qua nước khác.

Bình-Nguyên-Quân nghe tin Tín-lãng-Quân sắp đi có ý sợ mới nói với phu-nhơn rằng : « Tôi cũng chưa có điều chi sai lộng lịnh-đệ mà sao lịnh-đệ lại bỏ đi ? Phu-nhơn có biết vì cơ gì chăng ? » Bà phu-nhơn mới thuật lại mấy lời của Tín-lãng-Quân. Bình-Nguyên-Quân liền thân-hành lại công-Quán xin lỗi. Khi ấy Tín-lãng-Quân mới chịu ở lại. Nhưng môn-khách của Bình-Nguyên-quân nghe rõ việc ấy đều bỏ về theo Tín-lãng-Quân hết phân nửa. Những tân-khách các nước tới du-lịch cũng đều hỏi tới Bình-Nguyên-Quân nữa.

★

Khi đầu Ngụy-Tế ở tư-phủ, khi qua Tấn đòi-đáp với Tấn-vương, Bình-Nguyên-Quân cũng tỏ ra là người có đảm-lực và nghĩa-khí. Nhưng nhược điểm căn-bản của ông là trọng sang khinh hèn; trọng giàu khinh nghèo. Ông đãi khách đề được tiếng là

biết kính hiền, đãi sĩ nhưng thật ra ông không biết người, biết của, biết tài và dùng tài trong đám mây ngàn người làm môn-khách của ông. Mỹ-nhân của ông cười người có tật ở chơn, đáng lẽ ông phải biết giáo-dục và sửa-trị người nhà ông. Đằng nấy ông lại tỏ vẻ khinh-bĩ người bị chê nhạo. Người ta đòi cái đầu của mỹ-nhân chẳng qua chỉ là nói cho đã nư. Miễn là ông biết cư-xử cho hợp lễ thì chuyện gì mà không giải quyết được. Tới khi môn-khách ùng ùng kéo đi ông mới quýnh và cắt luôn đầu của mỹ-nhân đem dâng cho người tàn-tật. Thật là hổ-đổ, vụng tính và ngu-muội vô cùng.

Bao nhiêu tiếng tăm ông được hưởng đều do cái sở thực-khách của ông đem lại cho ông. Nhưng sau khi Tín-lãng-Quân đã cứu ông và cứu cả nước ông mới thấy ông đề lộ chân tướng một cách đầy đủ và rõ rệt.

Người tài đâu phải là chỉ

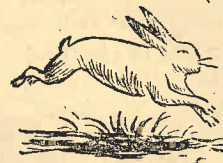
có trong số sang giàu và quyền quý. Người tài nhiều khi ẩn mình ở các giới bình dân. Cờ bạc, rượu trà là những tật hư, thói xấu. Nhưng biết bao người tài trong khi chưa đắc thời đắc vị vẫn có thể mượn rượu trà, cờ bạc để tiêu-khiển hay ẩn mình. Phải biết dùng tài ngay từ khi tài chưa thị-thò. Và phải biết người ngay từ khi người ta chưa xuất đầu lộ diện. Và

có thể mới đáng là tri-ký của người ta và mới đáng cho người ta phục-vụ.

So sánh với Mạnh-thường-Quân thì Bình-Nguyên-Quân chưa bằng. Nhưng so sánh với Tín-lãng-Quân thì cả Mạnh-thường-Quân lẫn Bình-Nguyên-Quân đều thua xa.

Một kỳ sau tôi sẽ nói đến Tín-lãng-Quân.

● ★



★ BẠN BÈ

Hai người bạn gặp nhau.

Anh nọ hỏi bạn:

— Anh có thể giữ bí-mật dùm tôi chuyện này không nào ?

— Tôi sẽ giữ kín cho anh. Thế chuyện gì đấy ?

— Anh làm ơn cho tôi mượn 3.000 đồng.

— Anh cứ yên lòng ! Anh kể như tôi không hề nghe anh đã nói gì cả nhé !

Rồi anh ta đi thật nhanh.

Tăng-cường Sinh-lực

BĂNG **CETONIC** 250mg

VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.

Tăng-cường Sinh-lực

BĂNG **CETONIC** 250mg

VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.

hiện tại

★ NGỌC-HUYỀN-PHƯƠNG

*Bởi cuộc sống đã làm anh sợ hãi
Lý tưởng hận thù chông chắt lên nhau
Không sống được khi biết mình đã lớn
Nhìn quê hương gặm nhấm nỗi chua cay*

*Anh sẽ đi trở thành người chui rúc
Kì ông nhìn người không nhận diện ra anh
Anh sẽ sống muôn đời ôm tuổi nhục
Dòng thời gian ai xóa bỏ cho đành*

*Bao nhiêu đó anh vào trong số kiếp
Mệt mỏi rồi anh nhận chịu riêng anh
Thay sa trường trời về trong thành phố
Anh cúi đầu nước mắt bỗng chạy quanh*

*Làm con trai tâm hồn đầy sa mạc
Sống lạc loài như người thiếu quê hương
Đất mẹ hiền từng đưa con rời rạc
Mẹ có buồn cho những đứa ly hương*

*Con ngồi khóc một mình trong đêm tối
Tự thẹn thùng cho nước mắt vô duyên
Hỡi Thượng đế linh hồn tôi chới với
Người nữ nào hờ hững và bỏ quên*

*Đi vào cuộc đời giấc mơ thành ảo tưởng
Nụ hôn đầu chua chát biết bao nhiêu?
Thán l'au sậy sống buồn đau vất vưởng
Dòng sông này tìm lại tiếng thương yêu*

TRUYỆN NGẮN

★ Hữu-Chân



NƯỚC sông đen ngòm, Chi nhìn thấy giòng nước chảy xuôi, rùng mình sợ hãi khi nghĩ đến ngày mai đầy u-tối. Chi có cảm tưởng như đứng bên bờ vực thẳm. Chưa bao giờ nàng thấy đau khổ như lúc này. Chán nản và mệt nhọc, nàng dờm dờm nước mắt. Hai tay nàng níu chặt lấy thành cầu. Nàng ngước mắt lên trời than thở :

— Giang ơi! Anh cố hiểu em thêm chút nữa!

Ám ảnh kinh hoàng đó vẫn khắc khoải trong tư tưởng nàng. Ốc nàng sôi réo như đợt sóng ngầm, van lơn rồi thì thăm... Mắt nàng mở to hốt hoảng! Nàng đưa tay lên vuốt trán dầm ướt mồ hôi. Ánh mắt nàng trắng dại, phảng phất một hình ảnh...

Gió lạnh thổi làm cho tâm hồn nàng dịu xuống. Lòng đồn dập đau khổ và hối hận vẫn vò

ÂM ẢNH

xé trong tim nàng. Sự đau khổ ấy đã xói lên một cực độ mà lòng nàng không chịu đựng nổi, nàng cần môi cổ quên bằng tiếng thở dài.

Mưa bụi hắt vào mặt, một cảm giác rờn rợn nổi lên xâm chiếm tâm hồn nàng. Tay nàng chới vơi như kẻ sắp chết đuối, hy vọng muốn sống. Sự biến diễn trong tư tưởng nàng như một vệt chớp sáng lóe giữa đêm tối âm u. Lúc này nàng đã coi hết những mặc cảm sợ hãi. Sự suy tư, đau khổ, chỉ nằm trong khoảng thời gian ngắn rồi phai nhòa. Con người đã lớn theo thời gian và nàng không thể chống nổi định mệnh. Nàng chỉ là một con người nhỏ nhoi trong cuộc sống hỗn tạp. Điều đó nàng đã chấp nhận một cách chân thành.

Nàng không thể phản bội Giang. Nàng vẫn hoài vọng được sống bên Giang!

— Anh Giang ơi! tiếng nói của anh, em không thềm học cũng nhớ như trăm ngàn lần, em đã qua ngõ nhà anh.

Buổi nào anh thềm nói bên em:

— Rồi chúng ta sẽ có nhà, em sẽ cho anh những đứa con ngoan và kháu khĩnh.

Và bây giờ tiếng nói ấy đâu còn nữa. Anh ơi, người con gái như em chỉ một lần biết nghĩ và biết sống cho tình yêu, anh đã tàn nhẫn chối bỏ tất cả tình yêu của em, cũng như em đã chân thành từ bỏ mọi dĩ vãng để trở về sống bên anh.

Nàng oán thù dĩ vãng. Nàng vẫn sống với thực tại. Giang đã trừng phạt nàng bằng sự căm lặng. Nỗi buồn tê lạnh ấy, nàng vẫn âm thầm chịu đựng suốt thời gian qua. Có những đêm nàng khóc muốn khô cả nước mắt, mà Giang vẫn lặng thinh. Chính vì vậy làm cho nàng tủi thân hơn. Nàng chẳng khác một tên tội nhân bị giam giữ trong thời kỳ nghi vấn. Tại sao Giang không nói trắng ra, chàng vẫn đồn nén trong nội tâm và bản hồ sơ kết tội nàng vẫn ở trong thời kỳ cứu xét.

Nhìn xuống bờ sông, nàng thấy

ÂM ẢNH

toàn màu đen viền ảnh... Từng vầng nước soáy tròn sâu thẳm thẳm chỉ là những vệt đen ngoằn ngoèo như dây thép gai cuộn tròn đêm tối. Nàng muốn lao đầu xuống nước để quên đời song ý nghĩ ấy chỉ là những mặc cảm yếu hèn. Nàng hiểu lắm. Lúc này nàng vẫn sáng suốt trong tư tưởng để giải thoát những ám ảnh nội tâm. Mắt nàng tự lại tình thương để gửi về Giang.

« Em không thể chết hèn nhất, em phải sống để tìm chân lý. Em sẽ hãnh diện đứng trước anh để nghe anh kết tội. Nếu em còn bị đau khổ dày vò là chính em còn yêu anh tha thiết. Em vẫn đợi chờ tiếng nói của anh để rồi ngày mai lặng lẽ xa xôi tình cảm nín, em đi vào gió lộng.»

Trong cái yếu đuối của nàng lại đột khởi mầm sống mãnh liệt như hai luồng điện nóng lạnh gặp nhau. Và nàng mơ hồ thấy vòng tay Giang ôm trọn thân thể nàng. Cả thân hình nàng được bao bọc trong lớp da nóng cháy.

Nàng cũng không biết tại sao nàng lại yêu Giang say đắm thế? Giang không có địa vị, không có tiền tài danh vọng, chàng chỉ là một nhà văn nghèo. Nàng yêu Giang không tính toán. Mặc dầu mẹ nàng ngăn cấm, không cho hai người lấy nhau, nàng vẫn tìm gặp Giang lén lút... Lòng tự tin của nàng đã thắng. Nàng còn nhớ bài thơ « tình đầu » của Giang:

« Anh vẫn gọi em những ngày dài vô tận từ thời tền sử xa xăm. Phạt đã sinh ra chúng mình trên núi cấm độ ấy mình ngây dại chỉ tìm yêu trong ánh mắt tình thần

đâu có nghĩ đến tình yêu thề xác anh vẫn tìm em trong giấc ngủ mê man

tóc em hoang dại phủ trắng rừng môi bờ ngõ rung rung anh thấy cả hồn thơ áo trắng thuở lọt lòng mẹ

anh vẫn yêu màu trắng tinh khôi màu trắng phủ lên cả mặt trời; phủ lên hết ngọc ngà châu báu màu trắng ấy là hồn em tinh khiết...»

Tăng cường sinh lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483.BYT. DPBC.

Tăng cường sinh lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483.BYT. DPBC.

Nghĩ đến đây, nàng mỉm cười như đến buổi nao, nàng mặc áo trắng, Giang nhìn nàng không nói, chàng đã lặng lẽ trao nàng bài thơ ấy. Hình ảnh đó vẫn khắc sâu trong tiềm thức nàng, êm dịu như tiếng thơ, trầm bổng như cung đàn tuyệt diệu.

Thế giới trong mắt nàng chỉ có Giang là hình ảnh tuyệt đối.

Nhớ một đêm mưa, nàng đi coi ciné về quần áo bị ướt sũng. Nhưng nàng cũng không về nhà. Nàng nghĩ đến Giang, nếu giờ này nàng đến thăm sẽ làm cho Giang ngạc nhiên lắm. Vì từ trước đến nay chưa bao giờ nàng đến thăm Giang vào giờ này. Nghĩ vậy, nàng cười thích thú.

Cuộc gặp gỡ hôm đó, da thịt nàng đã sống với đời sống của nó mà bao lâu nàng vẫn kiềm chế nó...



Thời gian thấm thoát trôi đi hai người đã lấy nhau. Thế rồi sấm sét lại đến với nàng. Nàng không thể hiểu được, những

biến đổi về Giang. Có lẽ chỉ tại trong giây phút mềm yếu, nàng đã trao cho Giang tất cả...

Cử chỉ của những kẻ yêu nhau thường có, dù nàng cố tránh cũng không thoát khỏi lưới tình.

— Anh khinh em lắm, phải không ?

Giang không trả lời quay đi. Mặc dầu bị Giang ruồng bỏ, nàng vẫn cứ yêu Giang tha thiết.

Có buổi chàng nhìn sâu vào đáy mắt nàng. Nàng run rẩy hỏi:

— Sao anh nhìn em kỳ thế ?

— Vì anh không muốn tin em cũng như anh không dám tin anh có thể chiếm được em trọn vẹn.

Chàng nói thật nhỏ. Nàng phải ghé sát để nghe hết lời.

Cũng lúc đó, những tiếng huyền não của đám người đi qua đã cắt ngang giấc mơ ấy. Nàng thấy tiếc rẻ và nhớ thương cuộc gặp gỡ vừa qua. Tình yêu giữa Giang và nàng rất gần mà cũng xa. Nó vừa thắm thiết lại vừa xa lạ. Nàng

thấy nhớ đôi mắt soi bóng của Giang lúc này và ngay bây giờ nữa, bên thành cầu Thị Nghè này, hình như đôi mắt Giang vẫn nhìn nàng đắm đuối.

Có thể nào mãi như thế này sao ? Nàng không thể chịu nổi cuộc sống hiện tại. Nàng chờ ở Giang một cái gì hơn thế nữa để hàn gắn hạnh phúc. Nhưng thực tại vẫn không thay đổi. Nàng muốn gặp Giang để nói lại giấc mơ vừa qua. Nhưng đến khi gặp Giang có lẽ nàng không đủ can đảm để nói thành lời.

Nàng với Giang tuy sống gần nhau, song hai người như mặt trăng với mặt trời.

Nàng vẫn sống bằng mộng tưởng. Dù hình ảnh ấy chỉ đến với nàng trong khoảnh khắc, nàng vẫn chụp bắt để lặn hưởng. Nàng vẫn sống với ảo ảnh, cả yêu thương lẫn hờn giận đều pha trộn như màu sắc hội họa. Niềm đau khổ của nàng cũng là tình yêu vô tận mà nàng đã hiến dâng cho

Giang, hình ảnh ấy trở nên bất tử đối với nàng. Nàng cố đây dựa trốn tránh nó, chính là lúc nàng thấy yêu điên dại. Tình yêu ấy như ma quái chấp chờn, muốn tìm nó, chẳng bao giờ thấy, nó đến, nó đi, như gió cợt hoa. Nàng không dám xin gì hơn bằng mộng tưởng. Nàng tìm thấy tình yêu trong thế giới nội tâm, nó tinh khiết như màu ngọc.

Bởi vậy, nàng vẫn sống chung thủy với Giang. Nhưng lúc nhớ Giang, nàng vẫn kiếm tìm chàng trong tiềm thức.

Niềm tin nhỏ bé ấy là kết tinh tim óc nàng và cũng là tiếng kêu cứu đau thương của kẻ chiến bại.

— Kia, có phải chị Chi đó không ?

Nàng giật mình ngoảnh lại :
— Khuya rồi, em đi đâu thế ?

Vân lắc đầu nũng nịu. Thường lệ nàng rất mến cử chỉ ấy, bây giờ nàng thấy khó chịu. Hình như Vân cũng cảm thấy thế, nét mặt xịu xuống và đôi mắt ngáy thơ.

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

Tăng cường sinh lực
BĂNG **CETONIC** 250 mg
VITAMINE C
1483. BYT. DPBC.

ngước nhìn chị đầy vẻ lo âu :

— Sao lúc này trông chị buồn thế ?

Nàng lắc đầu chua chát :

— Em không nên nghĩ ngợi nhiều về chị. Chị vẫn sống hạnh phúc bên anh, em còn nhỏ không nên tìm hiểu đời sống nội tâm của kẻ khác. Hiện nay chị bị bệnh hoạn về tinh thần, cần phải có một chỗ tĩnh để nghĩ ngợi.

Nghe xong câu nói ấy, Vân cảm thấy thương chị vô cùng, dù còn nhỏ, Vân cũng lờ mờ hiểu nỗi đau khổ của chị.

Vân băn khoăn hỏi tiếp :

— Chị đừng giấu em vô ích. Buổi tối nay, em lại thăm chị, gặp anh, em biết ngay là hai người giận nhau.

Vừa nói, Vân vừa nhún vai làm điệu :

— Em tuy nhỏ, nhưng biết hết cả đấy, chị ạ !

Nghe em nói, Chi thấy se thắt cả ruột gan và buồn hơn bao giờ hết ! Nàng có cảm tưởng như mỗi lời nói của Vân như

mũi kim nhọn đâm vào tim nàng. Nàng cảm tưởng những giòng máu đỏ đang loang lổ thấm ướt trên ngực. Nàng cố trấn tĩnh để che dấu vết thương tinh thần.

Vân băn khoăn hỏi tiếp :

— Nhưng điều em nói vừa rồi đã làm chị không vui, em xin lỗi chị.

Nàng trả lời giọng gạc :

— Em nói rất đúng.

Vân ngây thơ hỏi tiếp :

— Tại sao lúc này em nói chị lại có vẻ buồn bã thế ?

Nàng dịu dàng nói :

— Đó là tại em quá giàu tưởng tượng, nào chị có gì đâu mà buồn. Em nên biết khi hai người yêu nhau tha thiết thì họ dễ khổ sở, cũng như họa sĩ «Văng-gốc» đem hết nhiệt thành vào họa phẩm, nét vẽ của ông lúc nào cũng quặn quại đau thương. Ông là kẻ yêu nghề và đã chết vì nghệ thuật. Thì tình vợ chồng cũng vậy, anh và chị giận nhau là lẽ thường, có yêu mới có giận hờn. Sau này em có lấy chồng mới thấy cái thú

của kẻ yêu nhau.

Nàng nói một thoi dài đề tự an ủi mình cũng như đề xây dựng niềm tin yêu mãnh liệt cho bản thân. Rồi bỗng nhiên nàng cảm tức giận mà không hiểu nổi mình tức giận gì, giận Vân, giận Giang ?

Nàng bỗng nhiên run toàn thân. Biết mình không chịu đựng nổi, sắp bật lên tiếng khóc,

nàng nhìn Vân van lơn :

— Em đi đi... chị van em, em đi về kéo mẹ mong.

Vân bàng hoàng sợ hãi quay đi. Nàng ngờ ngác nhìn theo cho tới khi bóng nàng khuất vào đêm tối.

Nàng muốn gọi Vân, nhưng mắt nàng hoa lên, giọng nàng tắt nghẹn...



Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lãn-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

Công-công Sinh-lực
BĂNG

CETONIC

250 mg
VITAMINE C

14-83. BYT. DPBC.



Tuấn

DÂN CHÚNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI 1910
NƯỚC VIỆT 1960

★ Nguyễn-Uỷ

(tiếp theo P.T. 155)

NHỮNG phong trào Đông-Dương Cộng-sản-dảng chỉ nở bùng lên ở Trung và Nam-kỳ trong hai năm 1932-33 rồi bị đàn áp gắt gao, không còn hoạt động công khai được nữa. Đảng viên Cộng sản bị bắt rất nhiều ở Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng nam. Quảng Ngãi, và bị đày đi Côn-Lôn, Ban-mê-thuật, Lao Bảo. Trong thời kỳ này xuất hiện ra cái «mốt» của người Cộng sản viết chữ *f* thay vì «*ph*» (thực dân *Fáp-fản-đối, fê-bình...*) và *dz* thay vì *d* (*tự-dzo, dzân chủ...*) Họ nói *tự-dzo, thực-dzân...* bằng cách nhấn mạnh chữ *d* thật nặng, như chữ *z* của Pháp.

Ngòai ra quăng đại quần chúng

ở thành thị cũng như ở thôn quê, khắp ba Kỳ Trung, Nam, Bắc, rất thờ-ơ với những vấn đề «*quốc sự*» mà ngày nay chúng ta gọi là vấn-đề chính-trị. Sinh viên Cao-đẳng Hà-nội và học sinh Trung-học cả ba xứ đều chán-nản về các phong-trào «*cách-mạng*» bị liên-tiếp thất bại, không còn gì làm phấn-khởi tinh-thần của thanh-niên nữa. Trừ một thiểu-số vẫn giữ vững lý-tưởng «*ái-quốc*» của mình, còn hầu hết lớp trẻ lớn lên sau thế-hệ Nguyễn-thái-Học và Nguyễn-An-Ninh, đều đổ xô vào các phong-trào lãng-mạn do lớp thanh-niên trí-thức «*Retour de France*» (du-học ở Pháp về) đề-xướng trong các lãnh-vực hoạt-động xã-hội.

TUẤN, CHÀNG TRAI

Hăng-hái theo các trào lưu «*quốc-sự*», Trần-anh-Tuấn, chàng trai đã trưởng-thành ở Hà-nội trong thế-hệ Nguyễn-thái-Học, cũng hăng-hái theo rồi các phong-trào lãng mạn xã-hội. Hai biển-cổ sôi-nổi nhất vừa xảy ra trong lúc này: Tờ tuần-báo *Phong Hóa* của một sinh viên khoa-học ở Pháp mới về tên là Nguyễn-tường-Tam, xuất bản ở Hà-nội, và Báo-Đại vừa đổ Tú-tài Pháp ở Paris về Huế để làm Vua, lên ngôi nhà Nguyễn, kể vị phụ-hoàng Khải-Định.

Tôn chỉ đầu tiên của tuần báo *Phong Hóa* là đả kích những cái gì cũ kỹ của xã-hội Việt-nam, và chủ trương một đời sống trường giả mới, thích hợp với phong trào lãng mạn của thời đại.

Cái khôn khéo tùy thời của ông Nguyễn tường Tam, chủ nhiệm báo *Phong Hóa*, là biết lợi dụng đúng lúc sự chán nản của tinh thần thanh niên và dân chúng sau các vụ «*Hội-kín*» liên tiếp thất bại, gây ra máu lửa hãi hùng và tang tóc, của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đông dương Cộng-sản-dảng, để phát hành tờ báo *Phong Hóa*, chuyên về

hài hước, làm cho độc giả cười, thành một trò vui nhộn. Nhưng ông lại dùng giọng cười trào-phúng đó để đả kích cái «*phong hóa*» cũ kỹ của xã hội Việt-Nam. Do đó, ông đặt ra một nhân vật lỗ bịch mà ông cho tên là «*Lý Toét*» và «*Xã-Xệ*» tượng trưng cho tất cả những gì hủ lậu, «*quê mùa*», ngớ ngẩn, của người Việt Nam trước cái văn minh tân tiến của Pháp, và của Âu-Mỹ.

Ngay từ những số đầu, tờ báo *Phong-Hóa* đã bán chạy như tôm tươi, chính là nhờ những tranh vẽ Lý Toét Xã - Xệ đầy cả mấy trang báo và những mục hài hước chế nhạo nhân vật điển hình ấy. Lý toét Xã-Xệ là lý do chính của tờ *Phong Hóa*.

Tuấn là một độc giả siêng năng của báo ấy. Dù trong túi không còn tiền, Tuấn cũng mượn người này người nọ để mua cho được tờ báo phát hành mỗi tuần một lần. Nhưng Tuấn nhận xét khách quan những phản ứng của độc giả báo *Phong Hóa* chia làm hai loại. Các giới trí thức bảo thủ và cách mạng cực đoan không tán thành cái chủ-trương người Việt nam công khai kích bác và mỉa mai chế nhạo người Việt-nam trong lúc người Pháp đã khinh rẻ người dân Việt

nhieu quá rồi, gọi người Việt bằng một danh từ xuyên tạc đều giả : « nhaque » (nhắc cờ), do chữ « nhà quê » bỏ dấu. Nhà văn và nhà báo có trách nhiệm giáo hóa dân chúng, đưa dân chúng lên con đường văn-minh, tiến-bộ, chứ không có quyền bao biện, chê cười những phong-tục cổ truyền của dân-tộc. Người ta kết án cái chủ-trương của báo *Phong Hóa* ở điểm đó.

Nhưng phản-ứng thứ hai, là của thanh-niên và các giới bình dân thì có tánh-cách tiêu-cực, dễ-dãi hơn. Họ chỉ biết vỗ tay cười theo, vô-ý-thức, như khi họ xem một chú hề làm trò cười trước khán-giả.

Tờ báo *Phong Hóa* trong mấy lúc đầu đã gây ra hai luồng dư-luận như thế trong dân-chúng, nhưng nói tổng quát về kỹ-thuật làm báo thì ông Nguyễn-tường-Tam và bộ biên tập của ông đã gặt được kết-quả rất khả quan. Tờ *Phong Hóa* lúc đầu in lem-luốc, sơ-sài trên 4 trang, sau đó một năm đã sáng-sủa hơn nhiều và tăng lên số trang.

Ông Nguyễn-tường-Tam với bút-hiệu Nhất-Linh, hồi đó chưa thành lập nhóm Tự-lực văn-

đoàn, và tờ *Phong Hóa* chưa có tham-vọng đó. Mục đích của *Phong Hóa* chỉ là cải cách phong hóa mà thôi. Mai một thời gian sau, khi số độc-giả đã đông-đảo, các nhà văn trong tòa soạn đã sản-xuất được một vài tác-phẩm được hoan-ngheh, nhóm Tự-lực văn-đoàn mới ra đời và xoay hẳn chiều hướng về văn-nghệ. Những trận cười vui nhộn chung-quanh Lý-Toét, Xả-Xệ đã nhạt dần, người ta đã bắt đầu chán ngấy lối chề-nhạo vô-ý-thức đó, thì các tiểu-thuyết của Khái - Hưng, lôi kéo được một số rất đông độc giả khát khao một lối sống tình cảm lãng mạn phóng dật hơn, thoát khỏi những khắc khe của thành kiến. Đồng thời báo *Phong Hóa* làm cả công việc «lancer» các «mốt» áo tân thời cho phụ nữ. Một chàng thợ may lấy tên là Cát Tường vẽ trong *Phong Hóa* mỗi tuần một kiểu áo mới, rất được các cô «tiểu thư tân thời» hưởng ứng. Phong trào «Áo Lemur» được các cô vũ nữ hoan nghênh trước nhưt. «Lemur» là do chữ «Tường» dịch ra tiếng Pháp, được báo *Phong Hóa* phổ biến sâu rộng, đứng theo chủ trương của nhóm Nguyễn tường Tam đã kích và chê cười cái cũ, đưa ra cái mới theo trào lưu văn minh Pháp.

Và phương diện chính trị, chính phủ thuộc địa Pháp, và thực dân Pháp ở «Annam» nhìn các hoạt động rộn rịp của Nguyễn Tường Tam và nhóm *Phong-Hóa*, với cặp mắt đầy thiện cảm. Vì sau những vụ bùng nổ đẫm máu của Việt nam Quốc Dân Đảng của Nguyễn thái Học, và Đông Dương Cộng sản đảng của Nguyễn Ái Quốc (ở bên Tàu), chính phủ thực dân rất bằng lòng thấy đại đa số thành phần trí thức, thanh niên, phụ nữ «An-nam» chạy theo các phong trào lãng mạn của nhóm Nguyễn tường Tam, nhạo báng

những hình ảnh «An-nam-mít» lở bịch tên là Lý-Toét, Xả-Xệ, gây ra trận cười vui nhộn khắp các tầng lớp dân chúng, quên các biến cố « cách mạng » vừa xảy ra, và thờ ơ lãnh đạm với tất cả các vấn đề « quốc sự ».

Đồng thời, người Pháp cho Bảo Đại hồi hương, để cho phong trào thanh niên lãng mạn được cụ thể hóa một cách tung bừng xáo động hơn, hấp dẫn hơn.

(còn nữa)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo - Hiểm và tái Bảo - Hiểm những tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chính :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm,

mình ơi!

cáo

Quảng

đời

xưa,

và

Quảng

cáo

đời

đời

M

ÌNH ƠI! Mấy ông

thầy-trưởng quảng-cáo trong các báo coi bộ rôm quá, hông biết họ có câu được nhiều thân-chủ hông?

— Không nhiều thì ít, thế nào những quảng-cáo đó cũng thu hút được một số người nhẹ dạ, dễ tin.

MÌNH ƠI!

— Theo em thì « hữu xạ tự nhiên hương », nếu mình giỏi tự khắc thiên-hạ biết tiếng, không cần phải quảng-cáo rùm beng. Quảng-cáo phần nhiều khoác-lác, ít ai tin.

— Em đừng quên rằng quảng-cáo đã được hiệu-nghiệm ngay từ khi con Rắn Satan khoe-khoan với nàng Eva những đức-tính đặc-biệt của trái pôm. Nào là ăn trái pôm vào thì trí óc được thông minh, được hiểu biết việc phải việc quấy, nào là được bình đẳng với Chúa. Con Rắn Satan quảng cáo trái pôm khéo cho đến nỗi nàng Eva nghe bùi tai, liền đưa tay lên cành hái ăn rồi lại quảng cáo cho chàng Adam: « Ngon ác, Mình ơi! Mình ăn thử xem! » Adam vội - vàng cắn trái Bôm như cô vợ trẻ đẹp đã làm.

Bà Tú tùm - tùm cười. Ông Tú nói tiếp:

— Dần dần con cháu của Adam và Eva đông chật cả Địa-cầu, và lo sợ các loài thú đẻ ăn thịt. Những kẻ săn được nhiều, đem con mồi đi quảng cáo để đổi lấy các khí giới bằng đá hay bằng gỗ. Dĩ - nhiên cũng có những người cha muốn gả con gái lấy chồng, bèn quảng cáo cô gái, nào là nàng đẹp hơn cô con gái hàng xóm, nào là nàng

nấu ra-gu ngon hơn các thiếu-nữ khác của bộ lạc, và nàng sẽ là người vợ hiền lành, ngoan ngoãn, không bỏ chồng theo trai ..

Bà Tú cười sặc sụa, véo ông Tú :

— Bộ Minh muốn nói lúc Bà Má em gả em cho Minh, ông bà cũng quảng cáo em như vậy sao?

Ông Tú xít-xoa cười :

— Anh nói về thời xưa kia mà! Từ đời thượng cổ Hy-Lạp, đã có những người chuyên môn rao hàng ở các chợ. Ở thành phố Athènes, 300 năm trước Chúa Giê-su ra đời, đã có những cô gái điếm Hy-Lạp mang giày có đóng đinh ở dưới đế. Mỗi lần cô đi dạo phố, những cái đinh đó in trên đất thành những chữ: « mời anh đi theo em ».

Thời thượng cổ La-Mã, cũng có những người làm nghề rao quảng-cáo cho các tiệm buôn.

Khi người ta đào lên thành phố hoang tàn Pompéi bị trận động đất kinh khủng do hỏa diệm sơn Vésuve chôn vùi dưới tro bụi, năm 79, người ta còn thấy những tấm bảng quảng cáo treo trước các tiệm buôn, tiệm ăn, trường học, nhà thờ, tiệm trồng răng, v.v... Có cả tấm quảng cáo cho tuồng hát Casina của thi sĩ Plaute trước một rạp hát. Tại thủ đô La-Mã,

100 năm trước Jésus Christ, đã có một chàng văn sĩ kiết tên là Martial được một nhà sản xuất dầu thơm tên là Cosmus, nhờ quảng cáo cho tiệm của y. Martial bèn làm bài thơ tặng nàng hơi khô Gellia như sau đây : « Quý nương đi dạo chơi trong thành phố La-Mã, bất cứ nơi nào, người ta cũng tưởng rằng cả tiệm nước hoa của Cosmus đi theo quý nương ! »

Đấy, em xem, đời thương cô La Mã, người ta đã có mảnh lối quảng-cáo như thế rồi.

Bà Tú cười, cắt ngang :

— Ngày nay em thấy người ta cũng mượn hộ răng của cô Kim-Cương để quảng cáo cho một hiệu thuốc đánh răng...

— Biết đâu sẽ có một ngày nào đó người ta cũng mượn cặp mắt đẹp của em để quảng cáo cho... nước thuốc Optreix !... Dưới đời Hoàng đế César, (101 — 44 trước Chúa Jésus) tại La-Mã đã có một tờ báo hằng ngày chép tay, tựa là *Acta Diurna* (Việc hằng ngày). Trong tờ báo này đã có đăng vài ba quảng cáo nhà buôn. Nhà sử học Tacite có tiết lộ cho ta biết rằng tờ báo *Acta Diurna* được chép tay ra nhiều bản để gửi đi các tỉnh và cho quân đội...

Ở Pháp, và các nước Âu-châu thời Trung-cổ, đã có những

luật-lệ về việc rao hàng để quảng cáo. Trong quyển sách « *Livre des Mestiers* » nói về các nghề-nghiệp ở Paris, có một đạo luật cấm sự cạnh tranh bất chánh như sau đây : « Không được quảng-cáo khoác-lác cho món hàng của mình, và làm giảm giá-trị món hàng của bạn đồng-nghiệp. Không được dùng lời quảng-cáo la lớn và lôi-kéo người khách hàng đang trả giá ở tiệm bên cạnh cùng bán một thứ hàng như mình. »

Thế-kỷ thứ VI, ở Trung-Hoa đã phát minh ra nghề in bằng bản khắc trên gỗ, nhưng chỉ đến Tứ Thư Ngũ Kinh và các sách Sử. Việc buôn bán phần thịnh nhưng không có quảng cáo, vì người Tàu áp-dụng triệt để câu châm-ngôn : « Hữu xạ tự-nhiên hương ». Ở Âu-châu, đến thế-kỷ XII mới bắt chước khắc bản in trên gỗ hoặc trên đá như người Tàu, mãi đến năm 1440 Gutenberg ở Mayence mới phát-minh ra nghề in bằng chữ chì, nguyên-thủy của nghề in hiện nay. Thế-kỷ XVI, mới có những tờ báo in bằng chữ chì, thay thế cho báo chép tay. Nhưng các báo in chỉ để đăng tin-tức, không đăng quảng-cáo. Các tiệm buôn quảng-cáo món hàng của mình bằng cách thuê người rao miệng, như

ở La-Mã và Hy-Lạp thời xưa. Quảng cáo nhiều nhất là các môn thuốc chữa bệnh. Người ta cũng thấy nhà Vuakêu gọi thanh niên đi lính bằng những tờ quảng cáo quân sự như sau đây dán khắp các phố : « Lời rao cho phái thanh niên trẻ đẹp. — Các người trẻ nhập ngũ sẽ được trả lương cao và hưởng nhiều danh vọng. Có nhiều thì giờ để giải trí. » Ngày 30-5-1631, Théophraste Renaudot mở ra tờ báo đầu tiên in bằng chữ chì, tên là *La Gazette*, mỗi tuần ra một lần, 4 trang, có khi 8 hoặc 12 trang. Tờ báo mới được dân chúng hoan nghênh nhiệt liệt, và do đó quảng cáo thương mại cũng bắt đầu được phổ biến rộng rãi hơn xưa. Tờ báo *Gazette* đã đăng những mục « Rao vặt » : mua bán nhà cửa, nhà cho thuê, đám cưới, đám ma, cần dùng người giúp việc, v.v...

— Ô, Mình ơi, thế ra quảng cáo trên mặt báo đã có trước đây trên 300 năm kia lặn à ?

— Chớ sao. Đời nay có gì mới lạ đâu. Chẳng qua là bắt chước theo đời xưa cả. Nhưng đời xưa quảng cáo lương thiện hơn, không khoác lác như đời nay, và nhất là không có cạnh tranh bất chính, phá-hại nhau như ngày nay. Ngày 6-1-1649, dân chúng Paris nổi loạn chống vị Tề-tướng Ma-

zarin, chính phủ phải tạm thời dời xa thủ-đô, thì tờ báo *La Gazette* cũng được lệnh phải dọn đi theo chánh phủ. Nhưng hai người con trai của Théophraste Renaudot ở lại Paris đề xuất bản một tờ báo mới, tên là *Le Courier français*. Trong số 3, tờ *Le Courier* đã tự quảng-cáo như sau đây : « Báo *Le Courier français* bán chạy hơn bánh mì. Dân chúng đổ xô nhau dành-dựt từng tờ. Nhiều người phải đến tòa báo đặt tiền trước, mới mua được một tờ khi báo phát hành. Thấy vậy, Donneau de Visé mở tờ báo thứ hai, tên là *Le Mercure galant*, đăng tin-tức, và thơ, câu đố, tranh vui cười, v.v... ngoài những quảng-cáo thương mại.

Trong một số báo *Le Mercure*, có một quảng-cáo như sau đây : « Nếu ai có một con ngựa lông toàn xám, muốn bán, hoặc ai muốn mua một con ngựa như thế, thì xin hỏi ông Pécou... »

Hoặc :

« Có chiếc đòn dương cầm, còn tốt, có thể bán rẻ 50 đồng louis, mặc dầu giá mua đã 100 pistoles ».

Sau Cách mạng Pháp 1789, các báo ra loạn xạ, quảng cáo thương mại cũng được dịp phổ biến sâu

trong quần chúng. Nhưng từ năm 1827, chế độ quân chủ tái lập, vua Charles X muốn đóng cửa hết các tờ báo chính trị chống chế độ, nhưng vì có luật tự do báo chí của thời Cách mạng còn hữu hiệu nên nhà Vua không dám ký sắc lệnh đóng cửa «ngang xương» những tờ báo có uy tín đối với dân chúng. Thủ tướng Villèle bèn đánh thuế nặng các tờ báo. Các báo bị khủng hoảng tài chánh, nhưng họ không đóng cửa.

Họ xoay qua kiếm thêm lợi tức bằng sự mở rộng những trang quảng cáo để lấy tiền quảng cáo bù đắp vào các chi phí tòa soạn. Nhiều nhất vẫn là quảng cáo các môn thuốc chữa bệnh, như pommade Mèlainocome chữa bệnh lác và bệnh lậu, pâte pectorale Reynauld Higné chữa bệnh phổi, là hai thứ thuốc đáng quảng cáo thường xuyên và rộng lớn trên tất cả các báo.

Ngày 5-12-1827, báo *La Gazette de France*, lần đầu tiên đăng một quảng cáo «tìm bạn bốn phương» như sau đây :

« Một thiếu nữ trẻ, duyên dáng, có vốn 6000 quan, và nhiều hy vọng làm giàu, muốn kết hôn với một người đàn ông sang trọng » (Báo *Gazette de France*,

số 339, ra ngày 5-12-1827.)

Báo *Gazette*, muốn khuyến khích các nhà buôn đăng quảng cáo, có đặt ra câu châm ngôn :

« Bán nhiều để bán rẻ,

« Bán rẻ để bán nhiều »

« Muốn bán nhiều và bán rẻ, nên đăng quảng-cáo trong *La Gazette de France* »

Ngày 1-7-1836, một tờ báo mới ra đời, tên là *La Presse*, đăng rất nhiều quảng-cáo và cũng rất nhiều bài vở hấp dẫn, do một bộ biên tập gồm toàn các nhà Văn nhà Thơ danh tiếng lừng lẫy : Victor Hugo, Balzac, Alexandre Dumas, Sandeau, Scribe, Jules Lecomte, Théophile Gautier.

Trong 6 tháng, tờ *La Presse* bán chạy nhất của nước Pháp : 10.000 người mua dài hạn. Năm sau, số đó tăng lên 20.000 người. Số 3, đề nguyên một trang lớn đăng quảng-cáo một nhà Ngân-hàng mới mở.

Tính trung bình mỗi ngày tờ báo thu vào được 150.000 quan tiền quảng cáo,

Thời kỳ văn chương lãng mạn thịnh hành, giới trẻ ham chuộng những tiểu thuyết tình cảm mơ mộng, một tờ báo văn nghệ tên là *La Sylphide* có đăng một quảng cáo như sau đây.:

« Di chúc của một thiếu nữ.

« Chủ nhật vừa rồi, những người ở thuê một căn nhà tại đường *Saint Honoré* xúm nhau lướt bắt một con chim họa mi bay lượn quanh trong sân. Người ta quyết bắt cho được con chim ấy vì thấy nơi cổ của nó có đeo một tấm giấy do một sợi dây cột vào cổ. Cuối cùng, người ta đã bắt được con chim, ngòai ta mở tờ giấy ra xem, thấy có mấy giòng chữ sau đây : « Tôi là một cô gái mồ côi, nghèo, 20 tuổi, đau ốm hoặt, không có nghề nghiệp. Tôi đã quyết định đêm nay tôi tự tử. Tôi chỉ có một bạn thân độc nhất trên đời, là con chim họa mi này, tôi trả tự do cho nó, Tôi van xin người nào bắt được nó hãy săn sóc nó, nuôi nó, quý nó. Tôi xin cảm tạ. Cảm tạ ! .. Ký tên: Marie ». Hiện ông X... chủ tiệm buôn đồ len ở đường... đã động lòng thương cô Marie và con chim họa mi của cô, nên đã đem chim họa mi về nuôi với tất cả

tấm lòng tận tụy, thiết tha vô cùng cảm động...»

Đó chỉ là cái quảng cáo khôn khéo của một nhà buôn biết lợi dụng thời thế. Vì quảng cáo ấy ra đời trên tờ *La Presse* thì công chúng đa cảm và tò mò, kéo đến xem đông nghẹt cửa hàng len của ông X. Nhờ đó mà hàng len của ông được rất đông người chú ý và đến mua tập nập...

Bà Tú cười duyên đáng để chấm dứt câu chuyện đã hơi dài :

— Cũng không khác nào một vài đoàn hát cải lương ở Sài Gòn muốn quảng cáo cho một tuồng hát của mình và cho một nữ tài tử đóng vai chính, bịa đặt ra chuyện cô nàng bị một gã si tình bắt cóc đem đi giấu một nơi bí mật xa xôi...

Các báo đăng rùm lên, rồi mười ngày sau cô nàng đã trở về Sài Gòn trong trường hợp ly kỳ như tiểu thuyết.

★ Diệu Huyền

Người tù 69

Vì lý do bản thảo bị thất lạc trong một buổi dọn nhà, chưa tìm lại được, nên thiên ký sự « **Người tù 69** » tạm gác một thời gian, chờ tác giả viết lại, sẽ đăng tiếp. Xin thành thật cáo lỗi cùng bạn đọc.

PHỔ THÔNG ★ ★

**một tai nạn khủng khiếp
trong tương lai trên thế-giới**

HOA NHÂN MÃN



• MỘT CUỘC SỐNG ĐẦY LẮM THAN ĐÓI KHỔ, NHƯNG ĐI ĐẾN ĐÂU CŨNG GÂY DỰNG ĐƯỢC MỘT SỰ NGHIỆP LỚN LAO, GIÀU CÓ.

✱ NGUYỄN-QUANG

✱ KHÔNG CẦN ĐẾN VŨ KHÍ,
NGƯỜI TÀU ĐÃ CHIẾM CÁC
THỊ TRƯỜNG THƯƠNG MẠI QUỐC-TẾ ?

(Tiếp theo Phở-Thông 155)

**Có 176.000 Hoa kiều
ở Bắc-Mỹ**

VỚI tổng số Hoa kiều cư ngụ, sanh sống tại Hoa-Kỳ, có thể nói đông gấp 9 lần số Hoa kiều ở Âu châu hợp lại, mà 1/3 tổng số kể trên, thường thường hiện nay đã lập nghiệp tại San-Francisco.

Theo sách sử cho biết, vào năm 1850 một số lớn Hoa kiều đã qua lập nghiệp tại Californie, và sau khi cuộc cách mạng chống nhà Thanh, dân chúng đói khổ nên đã làm phu mỏ vàng ở Californie với giá công cao.

Một số lớn người Tàu qua làm công nhân tại các mỏ vàng ở Californie đều là người Quảng-đông nơi đã bị thiên tai, nội chiến làm

NẠN NHÂN MÃN

cho họ bị đói khổ hơn cả, nên họ qua đây rất đông.

Cuộc di cư vĩ đại của hàng ngàn người Tàu qua Californie đã bị hạn chế bởi đạo luật 1882, nhưng con số người trước kia di cư đã đến 300.000.

Đạo luật 1882 đã hạn chế, trong 10 năm, không cho phép công nhân thợ thuyền Trung hoa được nhập nội. Và năm 1892, đạo luật hạn chế người Trung hoa lại gia thêm thời hạn cho đến năm 1902 mới thôi.

Chánh phủ Hoa thịnh Đồn cũng từ chối không cho người Tàu hải ngoại được quyền nhập tịch, ngoài ra những trẻ em Tàu đã sanh đẻ tại Hoa-kỳ đều có quyền vào làng Mỹ.

Người ta nhận thấy có nhiều biện pháp hạn chế thương mại, ngăn ngừa công việc làm ăn đã làm nạn chí người Tàu qua đây, nên họ đành trở về quê.

Tuy vậy, có một số đông Hoa-kiều, sau khi bỏ đất Hoa-kỳ ra đi vì bị hạn chế, đã kiếm cách vượt biên giới Mexique vào ngụ trên đất Californie.

Năm 1943, đạo luật 1882 đã được bãi bỏ, cho nên hiện nay, tổng số Hoa-kiều sống trên đất Hoa-kỳ đã lên tới 176.000

đều có công ăn việc làm đầy đủ.

Những thành kiến mà người ta thiếu cảm tình với những Hoa-kiều hải ngoại ngày nay đã thay đổi hẳn.

Có nhiều công dân Hoa-Kỳ gốc Trung hoa đều rất dễ cảm và thông minh, nên người ta không ngạc nhiên, khi nhận thấy một số đông sinh viên học sinh Trung hoa từng học trong các trường ở Hoa-Kỳ đều chăm chỉ học hành thành tài vẻ vang.

Dân tộc Hoa-kỳ cảm thấy sung sướng hãnh diện, khi trông thấy hai sinh viên Trung hoa sinh tại đây đã chiếm được hai giải thưởng Nobel về khoa « hạch-lý-học. »

Trong quân đội Hoa-kỳ và trên các đường hàng không của nước này thường thường đều, thích dùng cơm tàu.

Thế nên trong thành phố Cựu-Kim-Son (New York) người ta đã đếm được 3.000 tiệm cao lầu của người Tàu.

Và không thể quên ghi lại đây, trong dịp cố Tổng thống Kennedy ra ứng cử cũng như sau ngày đắc cử tuyên thệ vào Tòa Bạch Ốc đã có một «đội quân múa lân» của sinh viên, học sinh, thanh niên Trung hoa của trường Sainte-Marie ở San Francisco tổ chức

biểu diễn mua vui tung bừng náo nhiệt.

Việc tổ chức «múa lân» này là dấu hiệu đầu tiên trong lịch sử khai quốc Hoa-kỳ vậy.

Cơm Tàu

Món ăn Tàu đã được nổi tiếng ngon nhứt thế giới, vì những tên đầu bếp đều lành nghề.

Bởi vậy, thế nhân đã không tiếc lời ghi nhớ mãi những món ăn ngon của người Tàu chiên nấu, nên đã có câu : « ăn cơm Tàu, ở nhà Tây, lấy vợ Nhứt » là « tam khoái » nhứt trần gian ?

Có một người Việt-nam đã khôi hài bảo : « Âu châu và Mỹ châu đều lu mờ rồi. Vì mỗi khi « dạ dày kêu » người ta đều phải tìm kiếm tiệm cao lâu của người Tàu ngay. ».

Người ta đếm được tại Balé có 34 tiệm cao lâu, chưa nói đến sáu mươi nhà hàng của người Việt người Cao ly và người Nhứt.

Những con số nhà hàng ở Ba Lê nói trên đều vẫn chưa nhiều mấy, bằng hàng ngàn nhà hàng của người Tàu thiết lập tại Luân-Đôn. Và, tại New-York đang có 3000 khách sạn của người Tàu.

Thành thật và công bằng mà

nói, phần đông, dân chúng Hoa kỳ đều thích ăn cơm Tàu, nên người ta đã thấy có những người Hoa kỳ lại đóng hộp đem bán những thức ăn này.

Trong các câu lạc bộ quân đội thường thường đều muốn những ông đầu bếp Trung-hoa sành nghề đứng nấu nướng, chiên xào cho các sĩ quan ăn hằng ngày.

Và cũng như trên các chuyến tàu bay dân sự đều có thực đơn Trung-hoa cho hành khách.

Những Hoa-Kiều tại Âu châu và Pháp

Nhìn chung trên các nước Âu-châu đang có phỏng chừng 25000 Hoa kiều, nhưng số này chưa chắc đúng lắm, bởi vì một số đông Hoa kiều sanh tại Hồng Kông vào làng Anh và những người khác nhập dân Nam dương hay Hòa-Lan rất đông.

Tại nước Pháp, vào những năm 1915 — 1916, do hiệp ước thân thiện giữa 2 chánh phủ Hoa-Pháp đã cho phép thu nhận 50.000 công nhân thợ thuyền người Tàu ?

Vì hiệp ước này, sau ba năm người ta thấy có 25.000 công nhân Trung-hoa đã hồi hương,

và một số khác có vợ người Pháp đều ở lại đây lập nghiệp làm ăn sanh sống.

Sau đệ nhứt thế chiến, đại học đường Pháp-Hoa ở Bắc Kinh có thành lập một chi nhánh tại thành phố Lyon ở Fort Saint — Irénée.

Trước cửa chi nhánh nhà trường này đã khắc mấy hàng chữ Tàu « đại học đường Pháp-Hoa ».

Hàng năm chi nhánh đã thu nhận nam nữ sinh theo học trường Thuốc hoặc Luật-khoa hay Khoa học kỹ thuật, còn Văn khoa lại rất ít có người theo học. Những nam nữ sinh viên học tại chi nhánh này, phần đông, đều có học bổng của chánh phủ Bắc kinh trợ cấp qua cuộc khảo sát tại quê nhà, trước khi qua đây nhập học.

Ông Edouard Herriot, nhân sĩ chủ tịch quốc hội Pháp là người đã ân cần theo dõi tổ chức này.

Vậy nên, sau khi tốt nghiệp, các nam nữ tân khoa, trở về nước đã giữ một vai trò quan trọng trong chánh phủ Trung Hoa.

Tuy nhiên, có một số ít ông tân khoa đã tự nguyện ở lại trên đất Pháp, bởi có vợ người Pháp, hoặc vì lý do đường xá xa xuôi cách trở, đại khái, như các vị Linh mục François Houang và Vincent Wou và những người khác, không gia đình bận rộn, đã ở lại để tìm tòi nghiên cứu thêm.

Hiện nay, vì lý do Nước Pháp chưa giao thương với chính phủ Bắc kinh Cộng sản, nên việc trao đổi văn hóa đã ngưng trệ.

Nhưng giữa năm 1964, Pháp đã ký hiệp thương với chính phủ Bắc kinh do đặc sứ Edgar Faure thực hiện và Pháp bỏ Đồng minh Anh Mỹ, đã thừa nhận Trung-Cộng.

Mặc dầu người ta vẫn thấy ngày nay, đã có một số 12 sinh viên Đài loan, và các sinh viên, Hồng Kông, Saigon, Mã lai, Madagascar đều đang du học tại Pháp, theo các trường ở Lyon và Paris.

Rải rác khắp các đô thị Pháp đã có 3000 du học sinh Áchâu và 3000 người hoặc lai hoặc chánh gốc đều đang tòng học trong các đại học đường ở Paris.

Và, một số đông học sinh « cha tây mẹ Tàu hoặc cha Tàu mẹ Tây » đều được ưu tiên biệt đãi, sống theo đời sống của người Pháp và không bao giờ nói tiếng Tàu !

Ngoài ra, trên đất Pháp người ta nhận thấy một số chánh khách Trung-Hoa sau khi Trung Cộng toàn chiếm lục địa đã lưu vong sống ở đây.

Hoa kiều ở Thái-Lan rất đông

Điều này khi nói ra không có gì là mâu thuẫn và khó nghe, nhưng ngay thẳng mà nhận rằng người Tàu đến ngụ tại đất Xiêm rất lâu đời, nghĩa là có lẽ trước người Thái vậy ?

Những Hoa-kiều này, phần đông đều nghèo khổ vô nghề hoặc có nghề nghiệp trong tay đã xông vào làm cu li trong các nhà máy chà lúa hoặc làm phu đánh vựa cho các hàng thầu nhà cửa.

Sau một thời gian làm ăn lam lũ, để dành một số tiền bạc, rồi nhẩy ra đi bán « dò cháo quấy » hoặc đậu phụng rang khắp phố phường và, một số người khác, nhiều vốn hơn, tạo nên cửa tiệm, mở hiệu buôn tạp hóa nhỏ nhỏ, mua bán, đã trở nên giàu to.

Có nhiều người trong đám phú gia Hoa kiều tại Siam đã làm gián điệp cho chánh phủ địa phương đều được trọng vọng và nhờ thế, chẳng mấy chốc, gầy dựng được sự nghiệp to lớn khắp nơi trong nước Siam.

Những Hoa-kiều ở Siam, phần đông, quê quán tại các tỉnh thuộc miền Đông Nam nước Tàu, nên sau khi đến đây lập

ngiệp làm ăn, đã thành lập trường học, nhà thương, nghĩa địa và những hội phước thiện tương tế của nhóm người thuộc tỉnh nào theo tỉnh ấy.

Bởi thế, những Hoa kiều này có một ngôn ngữ riêng biệt, nghĩa là người Quảng Đông nói ra, người Phước-kiến hoặc Triều châu đều khó có thể hiểu nổi.

Trong khắp nơi trên lãnh thổ Thái lan, hễ nơi nào đông dân dễ sanh sống, là có những hiệu buôn của người Tàu, bằng chứng, tại thủ-đô Bangkok đã có nhiều phố xá của Hoa thương.

Và, có một vài khu vực, ngoài những cư xá công chức ra, là nhà cửa tiệm buôn của người Tàu.

Và những người chịu khó làm ăn vất vả, cày sâu cuốc bẫm, chân lấm tay bùn, trồng rau làm ruộng, nên những Hoa kiều sống tại đây đã làm chủ được nhiều mẫu ruộng đất và, nếu chánh phủ Thái-lan còn dành mọi sự dễ dàng, họ sẽ khai thác được thêm nhiều đất đai đang bỏ hoang.

Người Tàu lo làm ăn quanh năm suốt tháng cho ngày nay và ngày mai, không biết tới những ngày lễ nghi. Nhưng, bây giờ, các tiệm buôn, các hiệu cao lâu của người Tàu đều đóng cửa chiều chúa nhật.

Và mỗi lần Tết đến Xuân về, chẳng riêng gì tại Thái lan, mà khắp thế giới có Hoa kiều, đều nghỉ việc ăn Tết thường xuân trong ba hoặc bốn ngày liên tiếp.

Ngoài ra, trong tháng giêng âm lịch theo tục lệ, người Tàu ở đây hay ở những nơi khác cũng như lục địa hoặc Đài-loan — quan trọng ngày tháng âm lịch — có nhiều ngày lễ lạc khác, song họ không nghỉ việc.

Chỉ có ngày lễ Thanh - minh vào khoảng tháng tư dương lịch, đối với họ, là quan trọng hơn cả.

Tuy vậy, chứ sau khi đem nhang vàng hoa quả đến thăm viếng mồ-mả và lễ chùa đình xong vào khoảng 8 hay 9 giờ sáng, thì mọi người đều lại tiếp tục sanh hoạt như thường lệ.

Có nhiều ngôi chùa lớn của người Tàu lập nên tại thủ đô

Bangkok và tro 3 những thành phố khác ở Thái lan, nhưng vẫn còn thiếu số đối với những số đông đình chùa miếu vũ của người Thái.

a). — *Những trường học.*

Sau khi Trung-Cộng toàn chiếm lục địa Trung hoa, phần đông, các nhà trường của người Tàu thành lập ở trên đất Thái đều bị chánh quyền sở tại đóng cửa.

Bởi lẽ, có thể dễ hiểu, biết đâu, những ngôi trường này đều biến thành trung tâm nội gián của Trung Cộng mà chẳng còn kính trọng đến luật lệ của Bộ Quốc-Gia Giáo-dục Thái ?

b). — *Những điều trở ngại khó khăn?* Năm 1910, chánh phủ quốc gia Thái, để tránh khỏi nạn lạm phát, nên kinh tế quốc-gia đang bị Hoa kiều lũng đoạn, đã cấp thời tăng gia thuế khóa, bằng cách đánh vào những môn bài Hoa-thương.

Đề tự vệ, các Hoa - thương, lúc ấy đã đình công bãi thị toàn diện.

Tăng-cường sinh-lực
BĂNG

CETONIC 250mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPDC.

Tăng-cường sinh-lực

BĂNG

CETONIC 250mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPDC.

Những lao công, những thợ thuyền, những người cu li đều đình công, và những hiệu buôn nhà hàng đều đóng cửa.

Đứng trước sự tổng đình công như thế, chánh quyền Thái đã phải nhượng bộ sau vài ngày đó.

Trong thời chánh phủ do Thống tướng Phibun lãnh đạo dưới lá cờ quốc gia thuần túy đã ban hành nhiều luật lệ hạn chế Hoa kiều nhập nội.

Biện pháp tối hậu này đã chấm dứt sau Đệ Nhị Thế Chiến, rồi mối tình thân thiện giữa người Thái và Hoa kiều đã trở lại êm đẹp.

c) *Tương lai của Hoa Kiều ở Thái Lan* ? Gần hầu hết các trường học của Hoa kiều ở đây đều bị đóng cửa, và các phụ huynh học sinh, sinh viên, xưa kia, đã thường hay gọi con em về chánh quốc học hành, song hiện nay lại khác hẳn.

Lý do căn bản thứ hai, nếu sau khi ra khỏi đất Thái hoặc di chuyển con cái về Trung - cộng học hành, những người này đều khó lòng trở lại Thái.

Bởi thế, các phụ huynh đều gọi con cái vào học tại các nhà trường Công giáo hoặc trường Tin lành.

Cuộc đời lưu vong sanh hoạt của Hoa kiều ở Thái Lan, xuyên qua những biến chuyển chánh trị ở chánh quốc đã đem lại cho họ nhiều sự khó khăn về đời sống tinh thần cũng như vật chất, nhưng nhờ báo chí Thái - Lan đã cởi mở rất nhiều.

Mặc dầu có một số Hoa kiều, đề yên thân làm ăn kiếm nhiều tiền, đã vui lòng xin vô dân Thái nhưng đa số đều cương quyết chống lại tư tưởng này.

d) *Những người Tàu Công giáo*.— Những Hoa kiều ở Thái theo đạo Kitô hay bà con, con cháu đã đang gồm có một số đông hơn người Thái công giáo.

Tại thủ đô Bangkok đang có một số đông Nhà Giảng Tin Lành tổng cộng được 7.000 tín đồ theo đạo này.

Ngoài ra, tại các tỉnh đang có vào khoảng từ 4 000 đến 5.000 người theo đạo Tin-Lành.

Còn người Việt Nam, sang đây đã lâu đời, hiện nay, đang có những nhà thờ Công giáo, Nhà Giảng Tin-Lành và những ngôi chùa Phật - giáo khắp nơi có đông người Việt ở.

Cuộc đời tôi mọi...

Qua tài liệu hình ảnh của tạp chí Missi (2-1965) đã trình bày những nhân vật Tàu lỗi lạc ở khắp thế giới.

Bằng chứng, thí dụ Bà Wu, hiện nay, đang sống tại Hoa thịnh đốn, là « Nữ vương của môn hạch lý học » đã đưa ra luận án về khoa này, nên hai nhà thông thái Trung hoa Lee và Yang — người này 31 tuổi và người kia 35 tuổi—nhờ thế đều được giải thưởng Nobel.

Trước sự việc kể trên, người ta không khỏi không ngạc nhiên, khi trông thấy một số đông người Tàu tha hương đều cam chịu làm kiếp tôi đòi ?

Cuộc đời lầm than tủi nhục của họ đã đi qua nhiều thế kỷ và hiện nay tại Congo Brazzaville, trong 33 năm trời liên tiếp đã có

800 lao công người Tàu làm cu li khai thác đường xe lửa của người Pháp.

Trong khi khánh thành các con đường sắt tại đây, Tu viện trưởng Fulbert Youleu, Tổng thống của quốc gia này, lúc ấy, đã thân ái trao tặng từng người, trong số 800 lao công, mỗi người một chiếc mẽ đay ghi ân công tác tại Congo.



Đứng trước hai chánh phủ Bắc Kinh và Đài loan, 15 triệu rưỡi Hoa kiều hải ngoại có thể làm một nước Tàu thứ ba, tuy không thích chi chữ Mác Lê, song vẫn có đôi khi, lòng quê rạo rực, đã hướng về lục địa. Vì họ nhớ đến ông bà cha mẹ bà con đều đang sống trên đó ?

Nhưng trên thực tế, một khối Hoa kiều này đã ủng hộ chánh quyền quốc gia Đài-loan và, chắc chắn, nếu không lầm, họ ước mong sống trong một nước Trung hoa phú cường giữa thế giới.

(viết theo tài liệu tạp chí Missi 2-1965)



Tăng cường sinh lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.

Tăng cường sinh lực
BĂNG

CETONIC 250 mg
VITAMINE C

1483. BYT. DPBC.



* Trần-Quán-Kiệt

CẢ hai đã nhập ngũ từ lâu. Họ thiện chiến lắm. Chiến tranh ác liệt và tàn khốc của một giống nòi, vì tranh nhau bảo vệ một chủ nghĩa, một đảng tự do, một đảng cộng sản. Chàng được miễn dịch vì đã có hai anh đi rồi. Sắp sửa lại có lệnh tổng động viên và trường hợp của Triệu sẽ bị hủy bỏ. Triệu có thể phải nhập ngũ vào khoảng đầu năm tới.

Ở đây đây chán nản và tuyệt vọng nhưng nếu phải chọn Triệu sẽ chọn vùng quốc gia, Triệu là hạng người trung lưu trí thức, chàng không thích sống dưới những chế độ khe khắt được. Có những điều thường gọi là sự thắc mắc trong lương tâm, đó là sự đờ máu.

Chàng đã từng chứng kiến, hoặc chính tay, tiêm lấy máu của những người hiến máu giúp thương binh. gương mặt họ tái đi vì lo sợ. Chàng đã từng chứng kiến cảnh bán máu của nhiều người nghèo. Họ bán máu để lấy tiền. Mỗi lần lấy một số tiền để có thể sống được vài ngày trong gia đình, chàng biết như vậy, và chàng cảm thấy tâm hồn mình xao xuyến khó chịu. Có sự khốn nạn nào bằng cảnh bán máu để ăn, để có máu mà sống lây lất. Nhưng cũng không khốn nạn bằng cảnh nuôi người, để làm một con vật đờ máu cho chiến tranh, để bán súng một cách hợp lý. Vì thế, Triệu cảm thấy Cộng sản có tội. Một kẻ gây nên sự đờ máu, bất cứ để làm gì đều có tội với loài người. Loài người sanh ra không phải để giết nhau mà để sống trong tình huynh đệ, sự lầm lỗi của họ phải được sửa trị bằng giáo dục nhân đạo. Trong cơn điên loạn, trong sự nóng nảy mà lý trí thì ông

kiểm soát nội bầu máu nóng hăng sôi, họ có thể mù quáng giết nhau được. Kẻ bình tĩnh không thể nào giết người, đó là vô nhân đạo.

Gương mặt cương nghị chợt hiện lên vẻ đần đờ mệt mỏi. Triệu là hiện thân của một tâm hồn trong sạch hoàn toàn, một lương tâm đẹp, nhưng chàng cảm thấy mình đang bất lực. Trước những trận bão lòng, trước những uy thế, những nguy hiểm chàng chưa đủ bình tĩnh để chống chọi. Giận mình, giận đời, giận cái xã hội đảo điên, giận cái định mệnh bi đát chung, trong đó có mình đang sống, chàng bỗng nghiêng chặt hàm răng, đập mạnh tay xuống bàn. Vô tình chạm vào chiếc ly rơi vỡ tan dưới nền xi-măng. Triệu mới giật mình nhìn lại.

Ở đây ban đêm hiện lên bộ mặt sống của nó bằng ánh đèn rực rỡ, bằng điệu nhạc mê hồn, bằng hơi hám của các ả chiêu đãi. Tiếng cười rộn rã, tiếng khui rượu lộp bộp, tiếng đùa bỡn hòa với tiếng ly tách khua rộn ràng, âm thanh hỗn loạn sôi lên gương mặt của mấy ông khách say sưa, trên làn môi nhễ nhại mồ hôi và vết son của mấy nàng chiêu đãi. Không khí chói rực một cõi thiên đường của làng thực khách, của gái buôn hương, của thời loạn, của con người sống vội vã, sống điên cuồng say đắm vô trật tự.

Dung ơi, xem gì đấy, có thấy khách làm bề ly không? Tiếng nói đánh đá của cụ chủ dậy lên. Một nàng chiêu đãi đang đứng ôm tròn chiếc cột giữa bàn, có nét mặt trái soan, đôi mắt sâu mang nhiều nỗi u-ẩn che khuất dưới làn lông mày sậm buồn. Nghe gọi, nàng vội vàng chạy đến bên Triệu, cúi xuống nhặt mảnh vụn đem vào thùng rác.

Khi Dung trở lại Triệu vẫy tay gọi:

- Cho thêm một chai cô à.
- Ông đã mệt?
- Không, tôi có một đau? Cô ngờ tôi say đập bề ly ư?
- Em nào nghĩ thế?
- Hay em thấy tôi lạ lùng?
- Em cũng không để ý lắm. Ông có lạ lùng gì, thiếu gì những

người khách ở quán này như vậy? Họ còn ngờ ngáo phá phách và đâm chém nhau nữa kìa!

— Vậy thì em hỏi tôi làm gì?

— Không! Người chiêu đãi nói đến đây bỏ vào trong mang ly và chai bia đặt lên bàn với vẻ mặt lạnh lùng. Triệu ngược lên nhìn, chợt bắt gặp đôi mắt u ám đó thoáng nhìn chàng. Đôi mắt có những tia sáng lạnh và có sức làm lưu luyến những ai nhìn thấy.

— Cô là một người đẹp! Không hiểu sao Triệu nói câu ấy với người chiêu đãi. Nàng vẫn lạnh lùng đưa tay lau bàn, vừa rót bia vào ly cho khách.

— Cô không nghe lời tôi?

Dung, tức nàng chiêu đãi trả lời:

— Em có nghe, cảm ơn ông.

— Tôi thấy cô lạ! Cô lạnh lùng quá, khác hẳn những nàng kia.

— Em có gì đâu lạ lùng?

— Xin lỗi, thấy cô có vẻ buồn. Cô buồn vì tôi làm bề ly đề chủ rầy không hở?

— Đâu có. Em làm việc chủ. Chủ sai bảo là thường. Khách làm bề ly thì mình bán mình phải dọn chớ, có gì đâu mà buồn?

Giọng của Dung ấm và nhẹ nhàng, không có vẻ chanh chua cũng không có vẻ gì chiêu chuộng giả trá trong lời đó. Tóc nàng màu đen tuyền như cuộn mây óng ả phủ nhòa xuống vai.

Người nàng lanh lẹ thon nhỏ. Nàng có bàn tay ngón thon mượt nà trắng hồng như ngọn bút.

Bỗng đâu Triệu đưa tay mình vuốt nhẹ lên bàn tay nàng đang đặt trên bàn. Dung im lặng đứng yên.

— Cô ngồi xuống đây cho vui.

— Em không ngồi được.

— Vì sao?

— Bán không được phép ngồi với khách.

— Vô lý, đã cho phép bán lại không cho phép ngồi, thế cô bán

đến mấy giờ?

— Đến một hai giờ khuya.

— Cô bán từ mấy giờ?

— Từ mười hai giờ trưa.

— Cô không mệt?

Dung gật đầu im lặng. Trông nàng lúc đó càng thêm buồn bã. Triệu cảm thấy niềm thương xót dậy lên, niềm thương không bờ bến. Chàng ngồi yên một lát định nói gì rồi lại thôi.

Chợt Dung hỏi:

— Chắc ông cũng buồn?

— Không! Chẳng có gì! Triệu trả lời rất mau lẹ, dường như Triệu sợ một việc không đâu, đó là Dung đoán được tâm trạng chàng đang ngẫm tưởng nhớ đến Nga. Nhưng nàng chiêu đãi là người đã sống, trông cử chỉ Triệu nàng đã hiểu một đôi phần trong tâm trạng đó. Nét mặt thâm kín sâu khờ kia, Triệu không cách gì dấu được nàng. Bởi thế, Dung càng muốn thâm cảm với mỗi ưu phiền ấy! Dung trông đáng hiền từ và thông minh, với lời nói nhẹ nhàng không có vẻ dàng điếm, nàng thương mến ngay Triệu từ đó. Nhưng Dung ngập ngừng rồi lại thôi. Dung quay mặt đi dấu cái vẻ cảm động và có sự triu mến của mình đối với Triệu.

Nhưng Triệu đã thông cảm với cử chỉ vừa hiện ra đó. Ít khi nàng chiêu đãi nào có điệu bộ thành thật và hòa nhã như Dung, chàng nghĩ như vậy, và ngồi yên nhìn băng qua theo bước đi của Dung về bàn bên cạnh.

Bỗng Triệu thấy lòng đau nhói. Chàng thương hại Dung, và tự nhiên cái tính lãng mạn đó bốc dậy. Bây giờ chàng lại đắn đo, không biết nghĩ thế nào về sự chọn lựa của mình đối với hai người thiếu nữ. Một đấng thì thơ ngây trinh bạch, một thì vui trong sự khốn nạn bi thảm của hoàn cảnh tối tăm mà sống. Chàng phân vân nghĩ đến ngày mai. Và rồi lại bật cười. Chàng tự nghĩ trong lòng rằng yêu cả hai vậy! Yêu với sự thành thật, và biết đâu chàng nghĩ quá lỗ chứ biết người ta có bằng lòng đáp lại tình yêu của chàng hay không?

Chai bia thứ hai đã cạn, Triệu lấy mắt về phía bàn bên

LỬA TÌNH

cạnh. Dung đang rót rượu cho một người khách. Hắn say khướt cầm chặt lấy cổ tay Dung, và nàng đang cố sức vùng vẫy không được. Đầu hắn hớt tron-trụi. Tay hắn gân guốc nổi vòng, lên như lycsĩ. Bên cạnh hắn một lũ năm bảy tên ăn mặc cao-bồi, một tên đội cái nón Tây ban Nha vành rộng nhăn răng cười khi khi: — Em ơi đẹp quá, anh thương em lắm! Còn tên nắm tay Dung cũng đùa bốn:

- Vùng vẫy làm sao được em ơi!
- Thả tớ ra! Dung cầu tiết.
- Thử vùng coi?
- Tôi xin lỗi, không giỡn với ông đâu.
- Sao, cô khinh tôi hả?
- Thả tay tôi ra mau.

Hắn siết chặt một cái. Dung đau thấu đến xương kêu:

— Đau! Buông tôi ra.

Thấy nét mặt đau đớn, Triệu không nín được, đứng lên nhưng khi liệu sức mình không chống nổi, Triệu đành im lặng nhìn Dung.

Người chủ quán thấy thế, làm bộ gọi:

- Dung đâu! vô đây biều.
- Dạ tôi đây, Dung quay lại lên tiếng.

Lúc đó hắn mới buông tay Dung ra, châu đầu vào đám em út cười rộn lên như đám giặc chòm.

Triệu lại cảm thấy xót thương Dung thêm. Chàng gọi Dung đến bảo tính tiền; Dung hỏi:

- Ông về à?
- Vâng, cô tính cho.

— Ông ở lại một lát không được sao? Dung vừa nói vừa nhìn Triệu với vẻ đầy quyến luyến khiến Triệu phân vân.



đã phát hành toàn quốc tuyên tập truyền ngân độc đảo của Nguyễn-Vượng-Thá

SUY TƯỞNG

tác phẩm chọn lọc công phu thứ 4 của nhà xuất bản HỮU NGHỊ

Đã phát hành: EM LÀ GÁI TRỜI BẤT XẤU thơ của Lê-Khánh,

XIN CHÚ Ý:
NÊN DÙNG
BAN CHAY KHO

LÀM:
TRẮNG RĂNG
THƠM MIỆNG
MỠI SÓN

CRÈME DENTIFRICE
LIP EMAL
HIGH WHITENING POWER

KEM DANH RANG

Rất thích hợp cho Shui-Nie

TỐT HƠN KEM NGOẠI QUỐC



K.N. số 260 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon
Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư
Géomètre — Expert

373. Phan-thanh-Giản

SAIGON

KD Số 1586 ngày 28 8 65

may pner so 292 CDVII LND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

in tại THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

